

Đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan.”

Chủ nhiệm đề tài: Trần Thị Trang

Lớp: QT1203K

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Phương

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2 TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hóa tập trung, tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Nếu kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp được hưởng còn thua lỗ thì Nhà nước chịu. Vì vậy, công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn sự bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được các biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận.

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

- **Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông

thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.2.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.

Hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp gồm 3 hoạt động cơ bản:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hoạt động tài chính
- Hoạt động khác

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

$$\text{Kết quả hoạt động sản xuất KD} = \text{DTT về BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý DN}$$

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

▪ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

✓ Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán hàng bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

▪ Giá vốn hàng bán: là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

▪ Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

▪ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn DN.

❖ Hoạt động tài chính: là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Doanh thu hoạt động tài} \\ \text{tài chính} & = & \text{chính} \\ & & - \text{Chi phí hoạt động} \\ & & \text{tài chính} \end{array}$$

▪ Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính, bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

▪ Chi phí hoạt động tài chính: bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, giao dịch chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

❖ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

▪ Thu nhập khác: là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

▪ Chi phí khác: là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

1.3. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4 NỘI DUNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP:

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch

cung cấp dịch vụ đó.

❖ ***Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:***

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần

lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

❖ **Các phương thức bán hàng:**

- **Phương thức bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- **Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức hàng đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

1.4.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Đối với DN thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp tính giá vốn hàng bán:

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá thực tế của hàng hóa = Số lượng hàng hóa xuất kho x Đơn giá bình quân xuất kho

➤ **Bình quân gia quyền cả kỳ:**

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

➤ **Bình quân gia quyền liên hoàn:**

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập i

❖ **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):**

FIFO được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Khi xuất lô hàng nào thì tính giá vốn theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô hàng đó. Giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ lúc nhập kho đến lúc xuất ra (Trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao và có tính tách biệt như vàng bạc, kim loại quý hiếm. ...

1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- ✓ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - Các TK cấp 2:
 - +Tài khoản 5111- Doanh thu bán hàng hóa

- +Tài khoản 5112- Doanh thu bán các thành phẩm
- +Tài khoản 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- +Tài khoản 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- +Tài khoản 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Tài khoản 5118- Doanh thu khác

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại k/c cuối kỳ; - K/c doanh thu thuần vào TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số PS nợ		Tổng số PS có



TK 511 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ TK 512: Doanh thu tiêu thụ nội bộ
 - Các TK cấp 2:
 - + Tài khoản 5121- Doanh thu bán hàng hóa
 - + Tài khoản 5122- Doanh thu bán các thành phẩm
 - + Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ k/c cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có



TK 512 không có số dư cuối kỳ.

- ✓ TK 521: Chiết khấu thương mại

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 521	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại phát sinh trong kỳ sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS có



TK 521 không có số dư cuối kỳ.

✓ TK 531: Hàng bán bị trả lại

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		- K/c doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có



TK 531 không có số dư cuối kỳ.

✓ TK 532: Giảm giá hàng bán

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- K/c toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có



TK 532 không có số dư cuối kỳ.

✓ TK 632: Giá vốn hàng bán

• Kết cấu tài khoản:

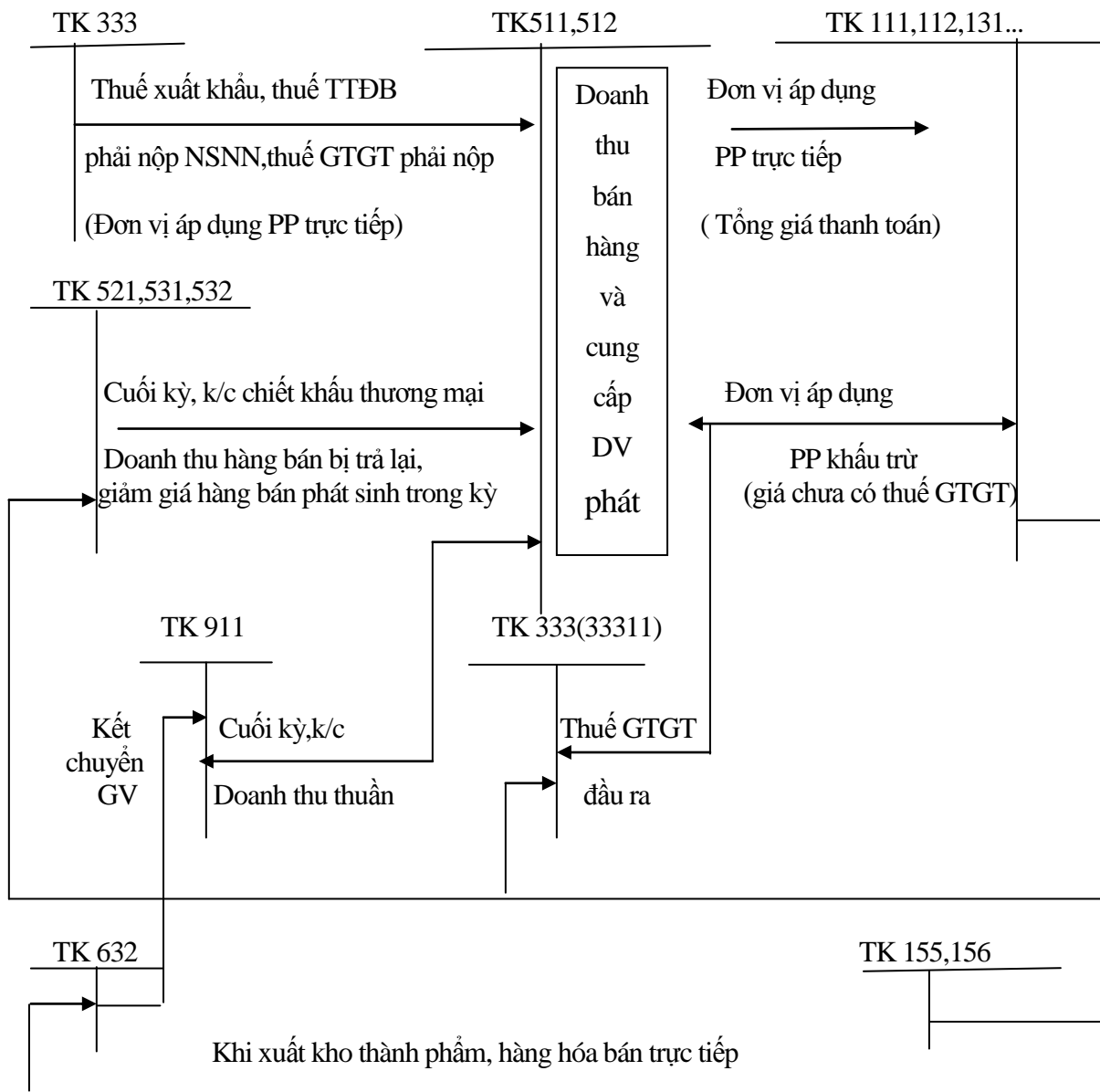
Nợ	TK 632	Có
<p>- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:</p> <p>+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.</p> <p>+ Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;</p> <p>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt lên trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư :</p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa nâng cấp cải tạo BĐS đầu tư không tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán thanh lý trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí khi cho thuê hoạt động BĐS đầu tư.</p>		<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã trích lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p>
Tổng số PS bên Nợ		Tổng số PS bên Có



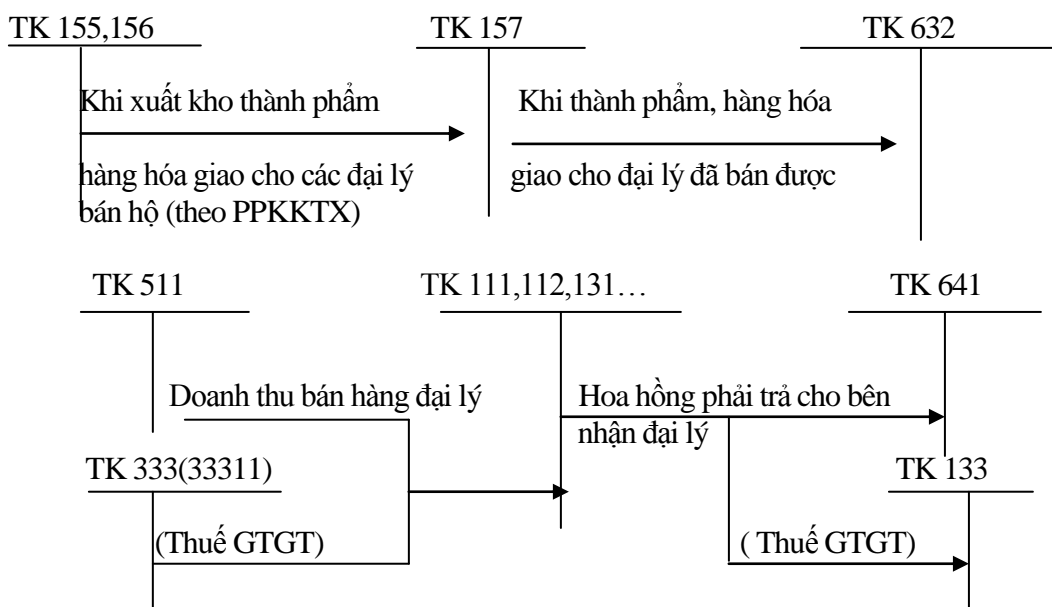
TK 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ Sơ đồ hạch toán:

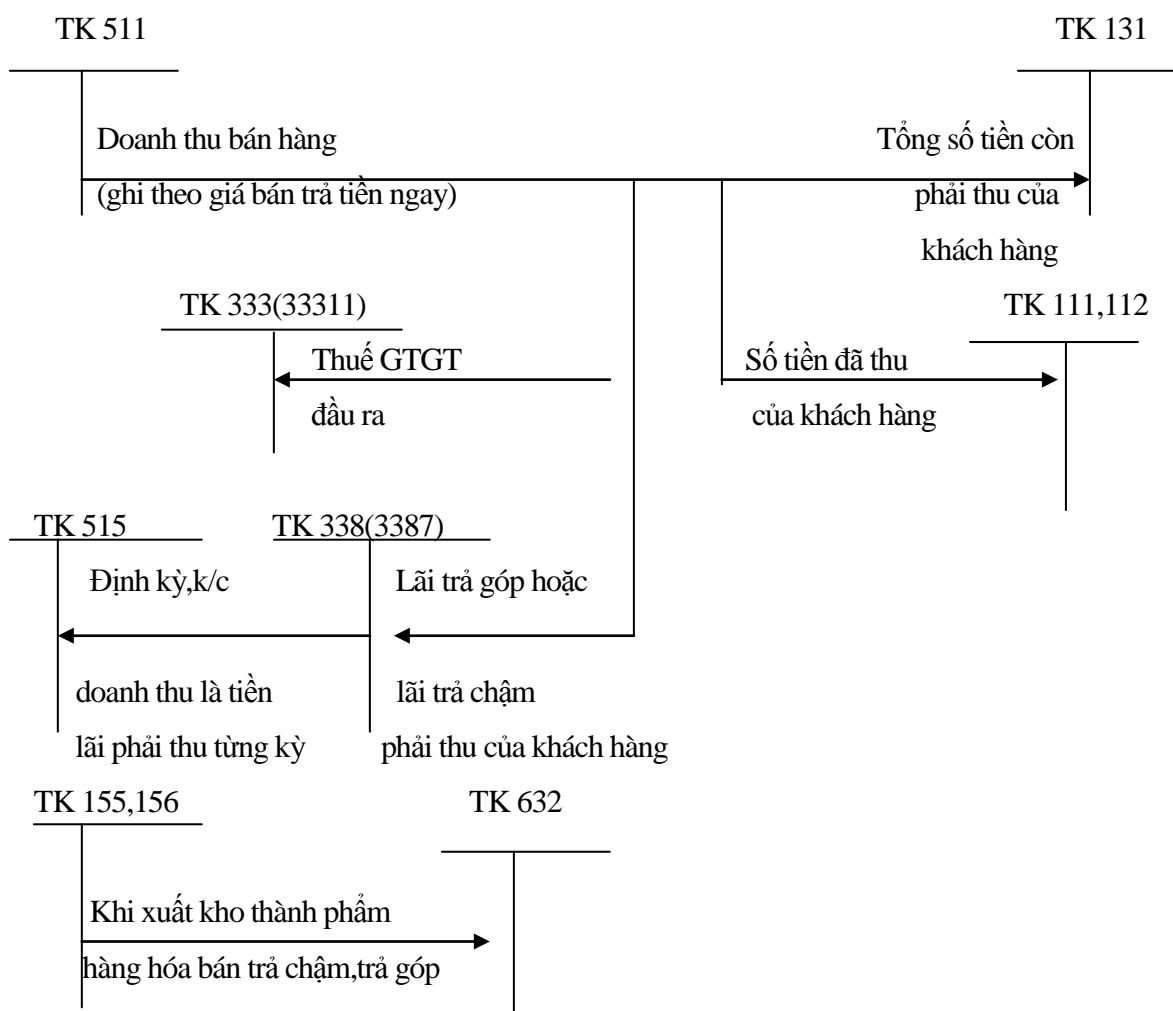
Sơ đồ 1.1: Kế toán bán hàng trực tiếp



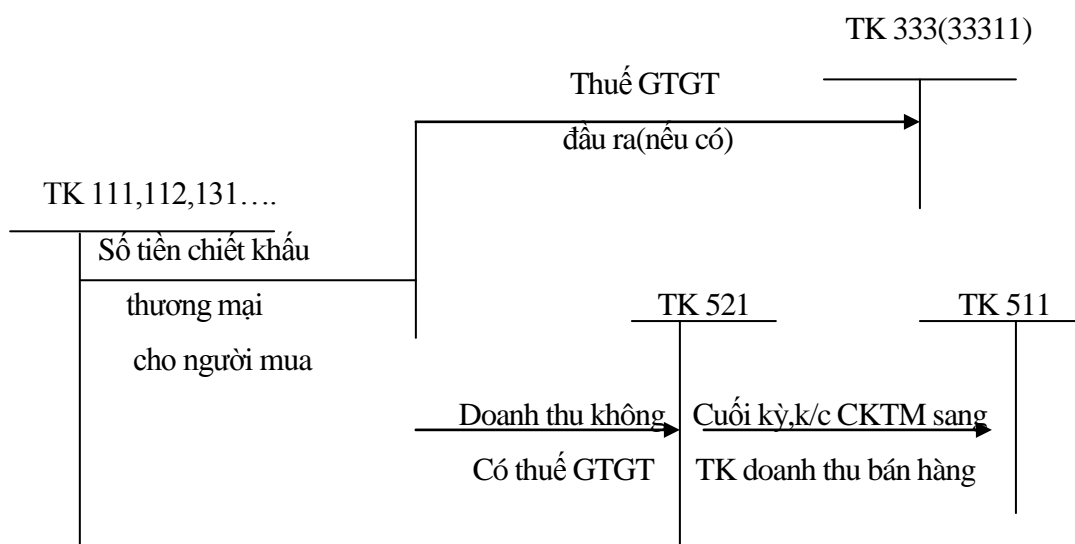
Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



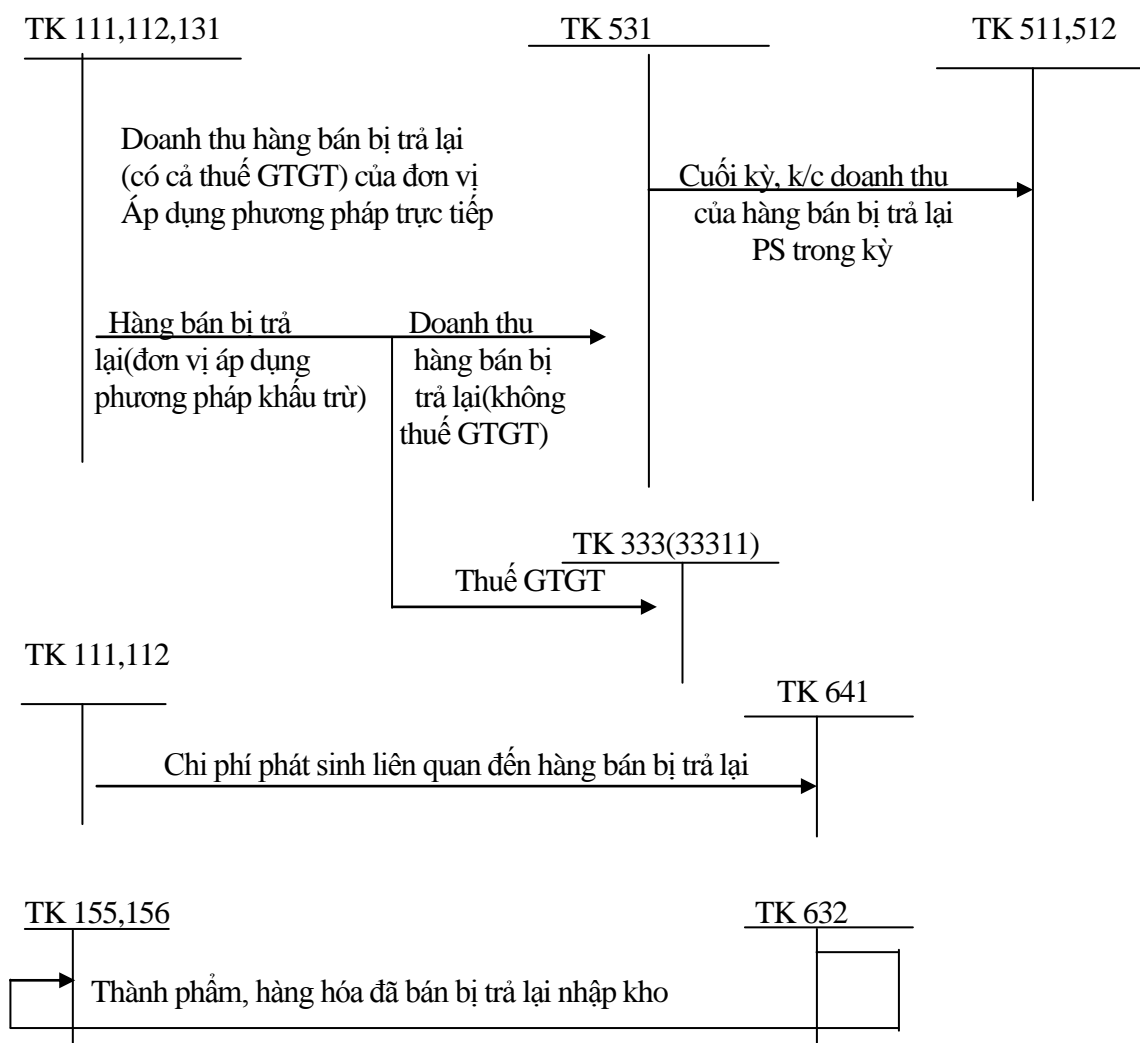
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)



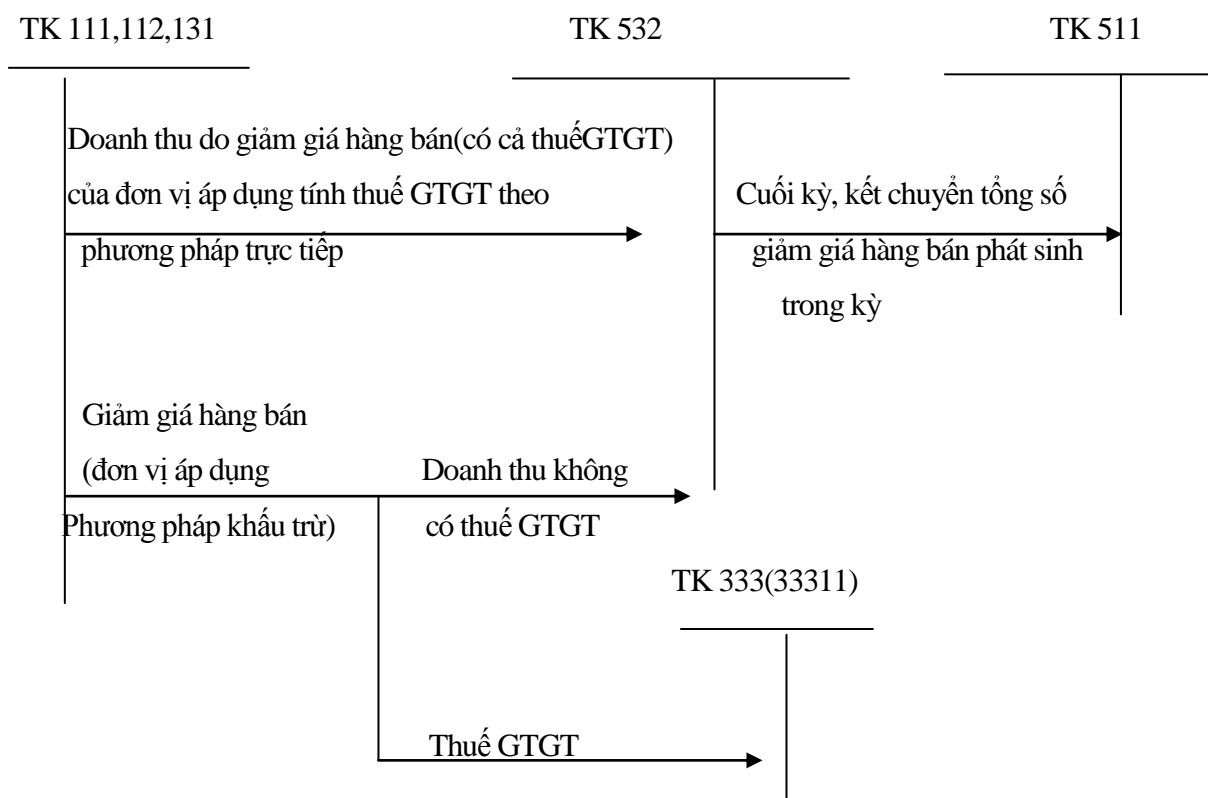
Sơ đồ 1.4: Kế toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.5: Kế toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.6: Kế toán giảm giá hàng bán



1.4.1.4. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Chứng từ sử dụng: Giống phương pháp kê khai thường xuyên
- Tài khoản sử dụng: Các tài khoản đều có kết cấu như phương pháp kê khai thường xuyên, chỉ có TK 632 có kết cấu thay đổi như sau:
 - ✓ Đối với Doanh nghiệp thương mại:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn hàng xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá HTK phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa gửi bán nhưng chưa xác định được là đã bán. - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm. - K/c giá vốn hàng hóa đã bán vào TK 911.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có



TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Đối với Doanh nghiệp thương mại, kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm TK 611: Mua hàng.

✓ Đối với Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước); - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đó hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào TK 155 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK cuối năm - K/c giá vốn thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán vào TK 911.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
X		

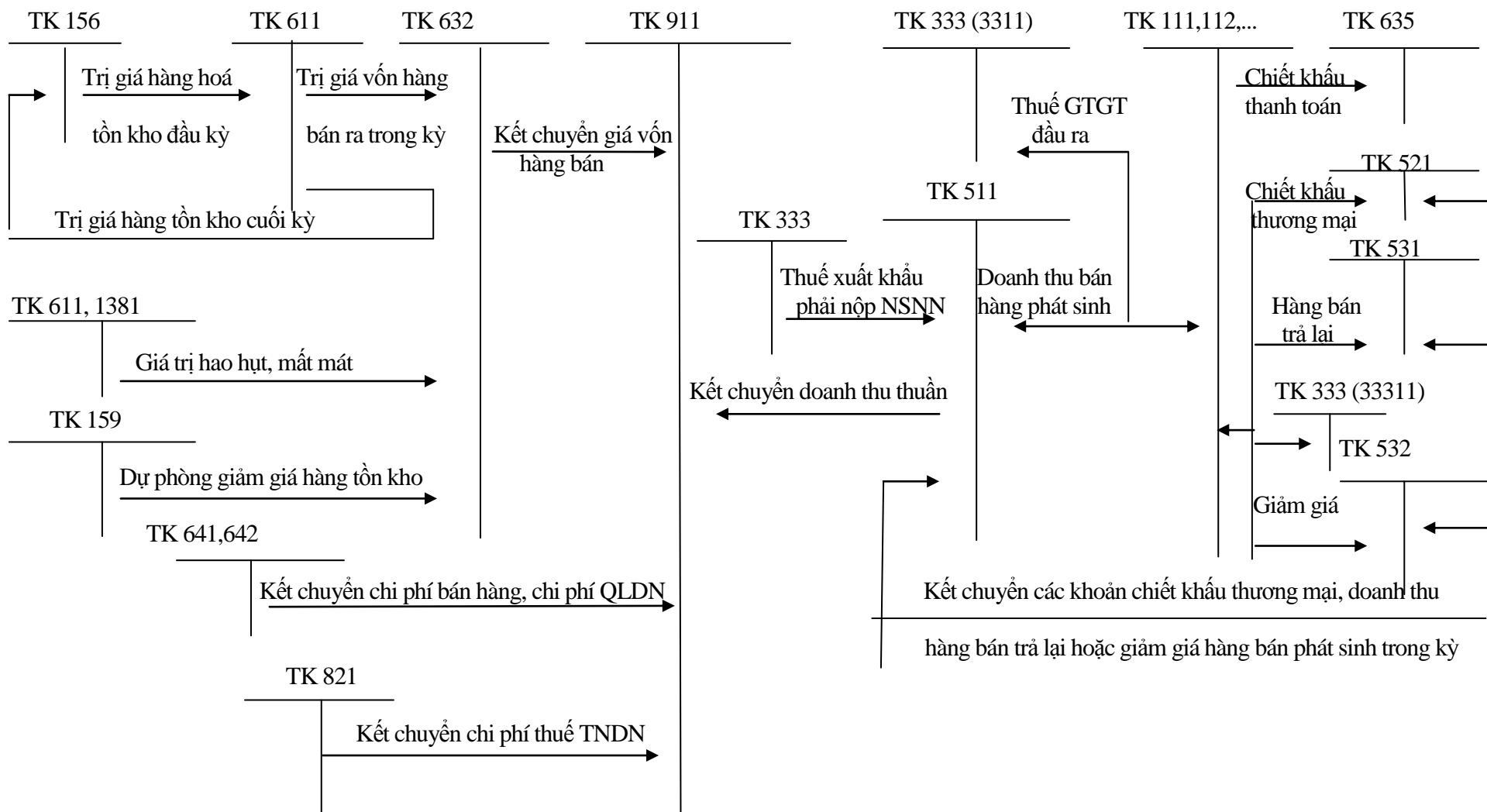
TK 632 không có số dư cuối kỳ.

Đối với Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dịch vụ, kế toán Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm TK 631: Giá thành sản xuất.

➤ Sơ đồ hạch toán:


Việc hạch toán chỉ khác phương pháp kê khai thường xuyên ở việc xác định giá vốn hàng bán.

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh
(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



1.4.1.5. Tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Hóa đơn giá trị gia tăng
 - Phiếu chi, Giấy báo Nợ
 - Bảng tính và phân bổ KH
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 641: Chi phí bán hàng
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK6411- Chi phí nhân viên
 - + TK 6412- Chi phí vật liệu, bao bì
 - + TK 6413- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + TK 6414- Chi phí KH TSCĐ
 - + TK 6415- Chi phí bảo hành
 - + TK 6417- Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6418- Chi phí bằng tiền khác
 - ✓ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 641	Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ		Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
		

TK 641 không có số dư cuối kỳ.

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK6421- Chi phí nhân viên quản lý

- + TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424- Chi phí KH TSCĐ
- + TK 6425- Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428- Chi phí bằng tiền khác

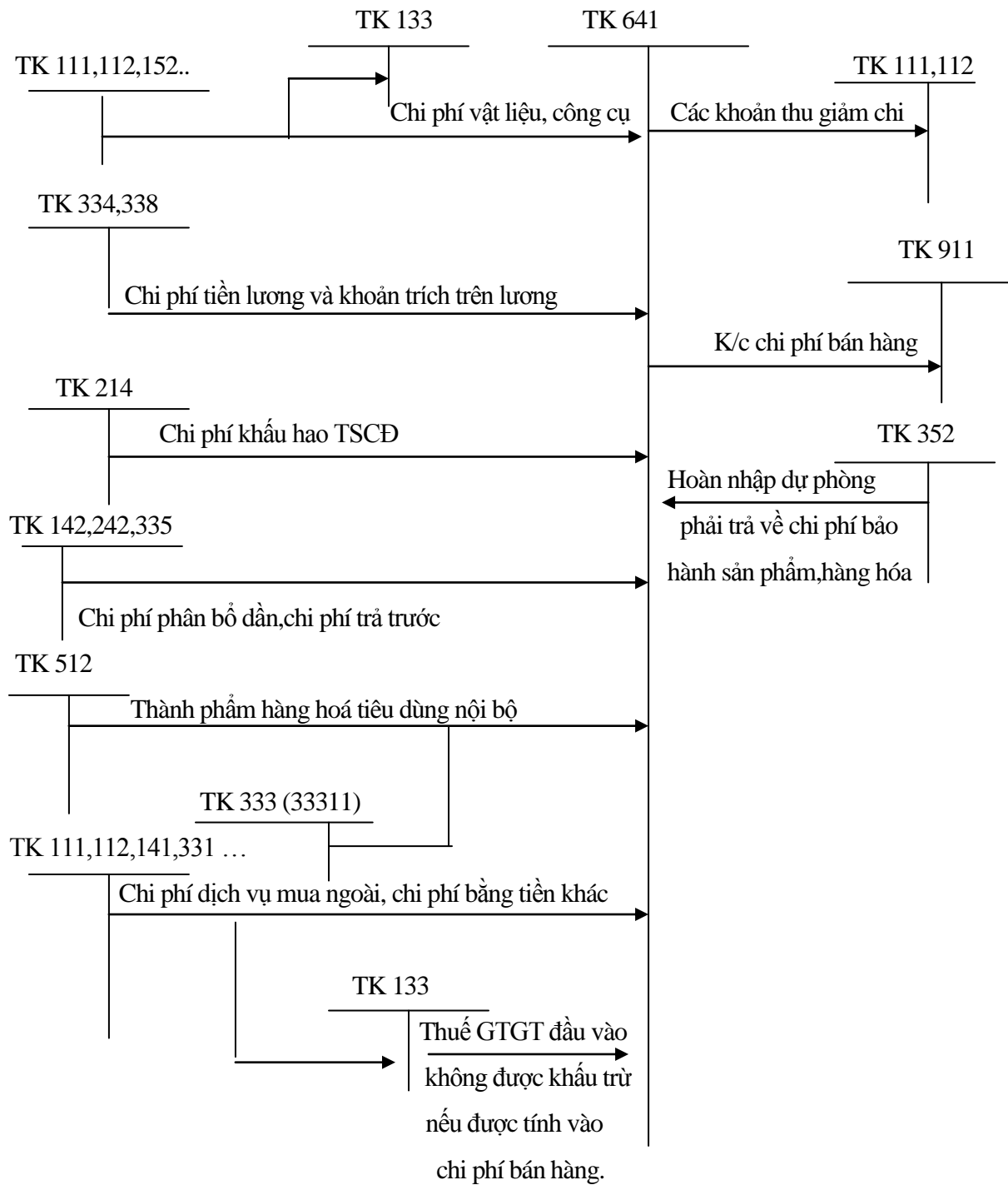
✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả; - Kết chuyển chi phí QLDN vào TK 911
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

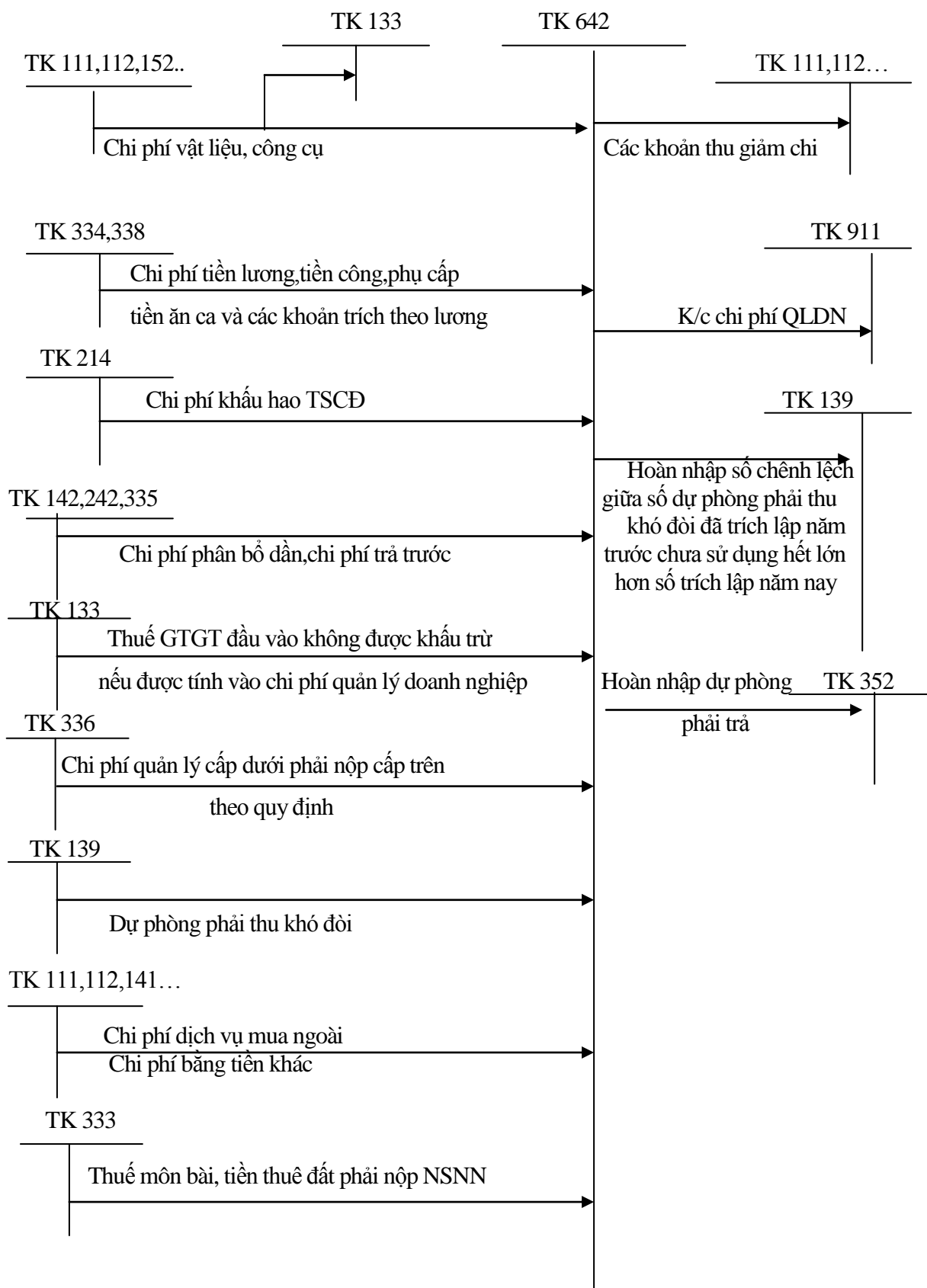


TK 642 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

➤ Kết cấu của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ TK 635: Chi phí tài chính

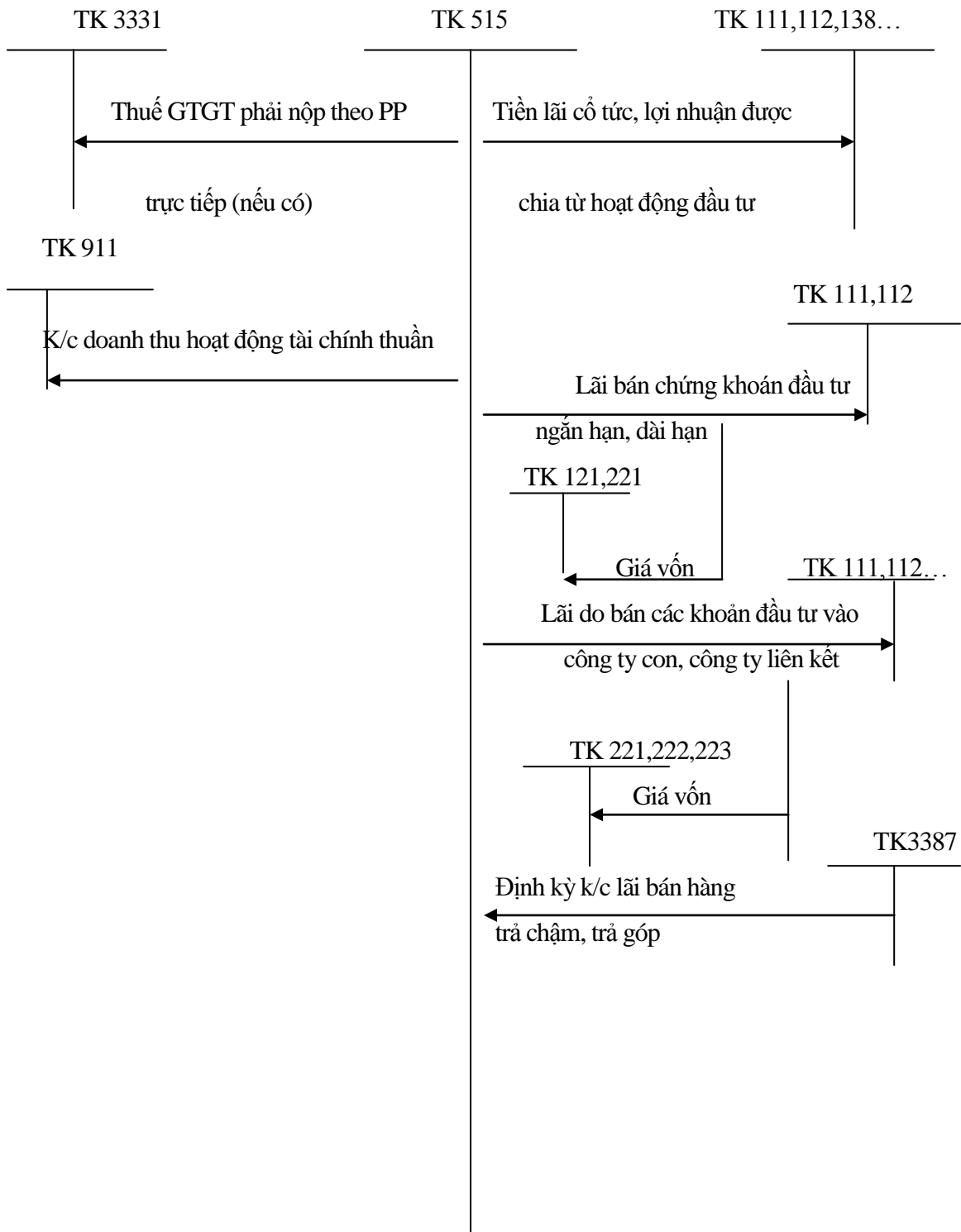
✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; - K/c hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

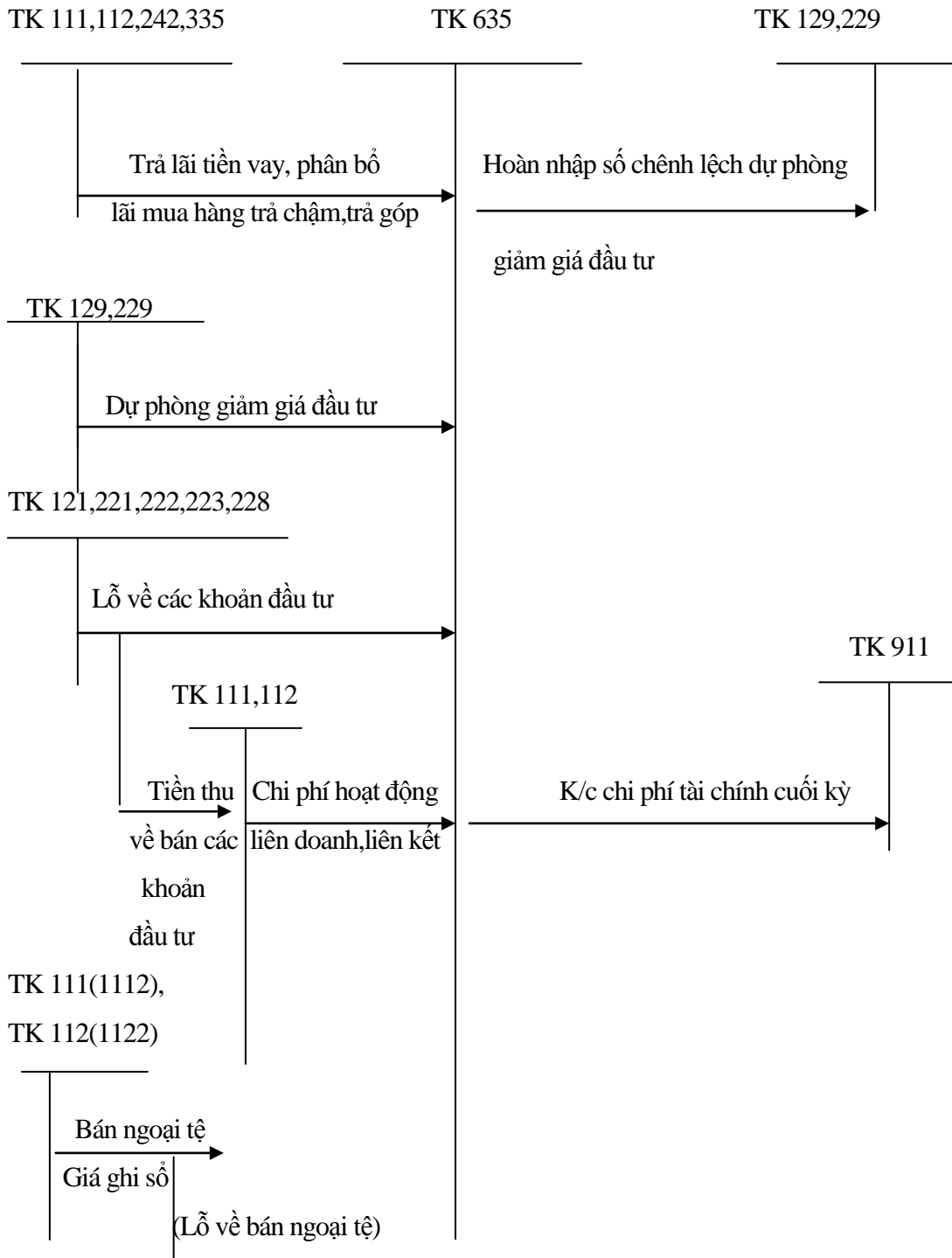


TK 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.10: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí tài chính



1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan


❖ Tài khoản sử dụng:

✓ TK 711: Thu nhập khác

• Thu nhập khác gồm:

- + Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- + Thu tiền phạt do KH vi phạm hợp đồng;
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- + Thuế được NSNN hoàn lại;
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- + Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật;
- + Các khoản thu nhập khác.

• Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 711	Có
- Thuế GTGT phải nộp theo PP trực tiếp với khoản TN khác ở DN nộp thuế GTGT tính theo PP trực tiếp. - K/c các khoản thu nhập khác sang TK 911		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có
		

TK 711 không có số dư cuối kỳ

TK 811: Chi phí khác

• Chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh,

đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;


+ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

+ Bị phạt thuế, truy thu thuế;

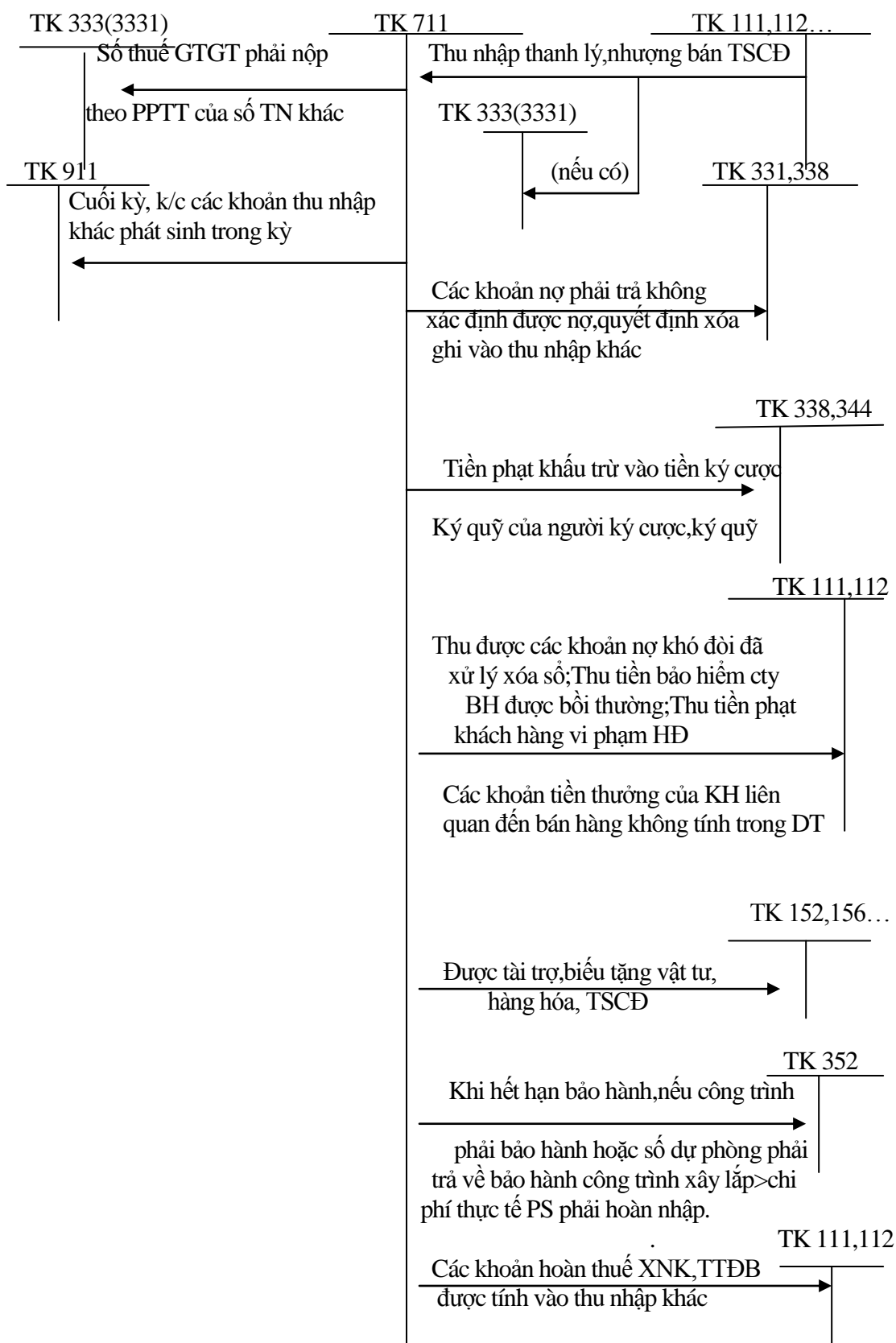
+ Các khoản chi phí khác.

- Kết cấu tài khoản:

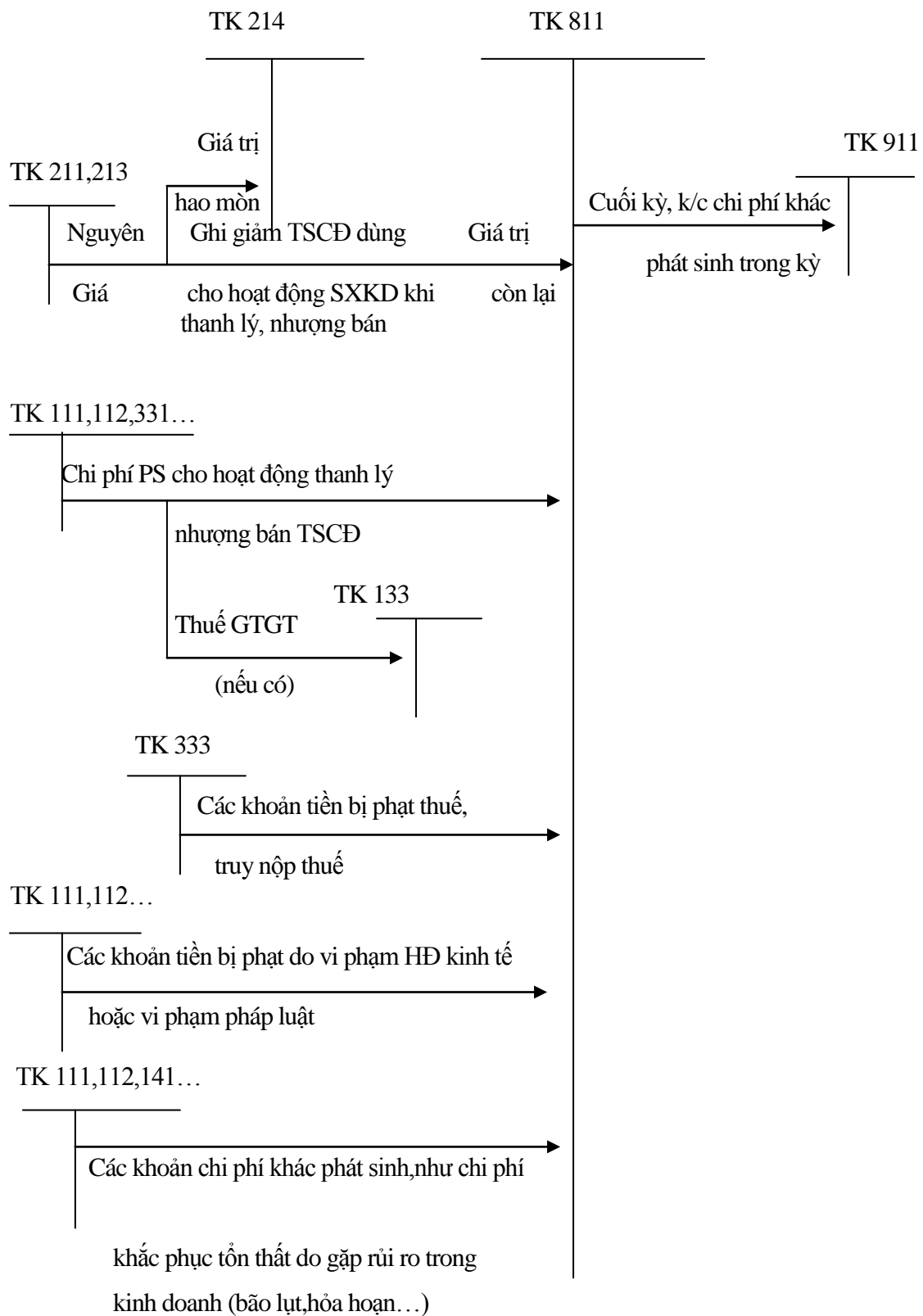
Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ.		- K/c toàn bộ các khoản chi phí khác vào TK 911
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có


TK 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.12: Kế toán thu nhập khác.



Sơ đồ 1.13: Kế toán chi phí khác



1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

- ❖ Chứng từ sử dụng:
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành;
 - + TK 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại
- ✓ Kết cấu tài khoản:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế TNDN hiện hành PS trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót trọng yếu; - Chi phí thuế TNDN hoãn lại PS trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả; - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại; - K/c chênh lệch giữa số phát sinh có TK 8212 lớn hơn số PS bên TK 8212 vào bên Có TK 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 ; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 	
Tổng số PS Nợ	Tổng số PS Có	

X
TK 821 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

✓ Kết cấu Tài khoản:

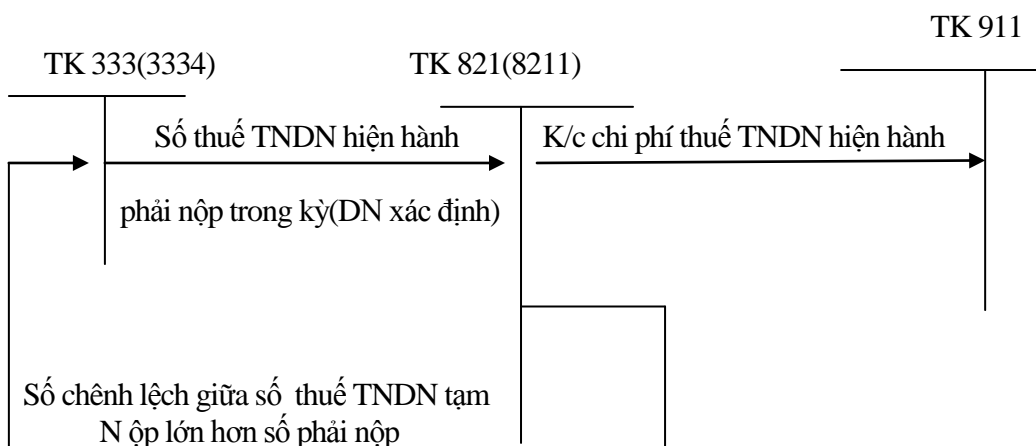
Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí QLDN; - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số SP, HH, bất động sản đầu tư và DV đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số PS Nợ		Tổng số PS Có

✕

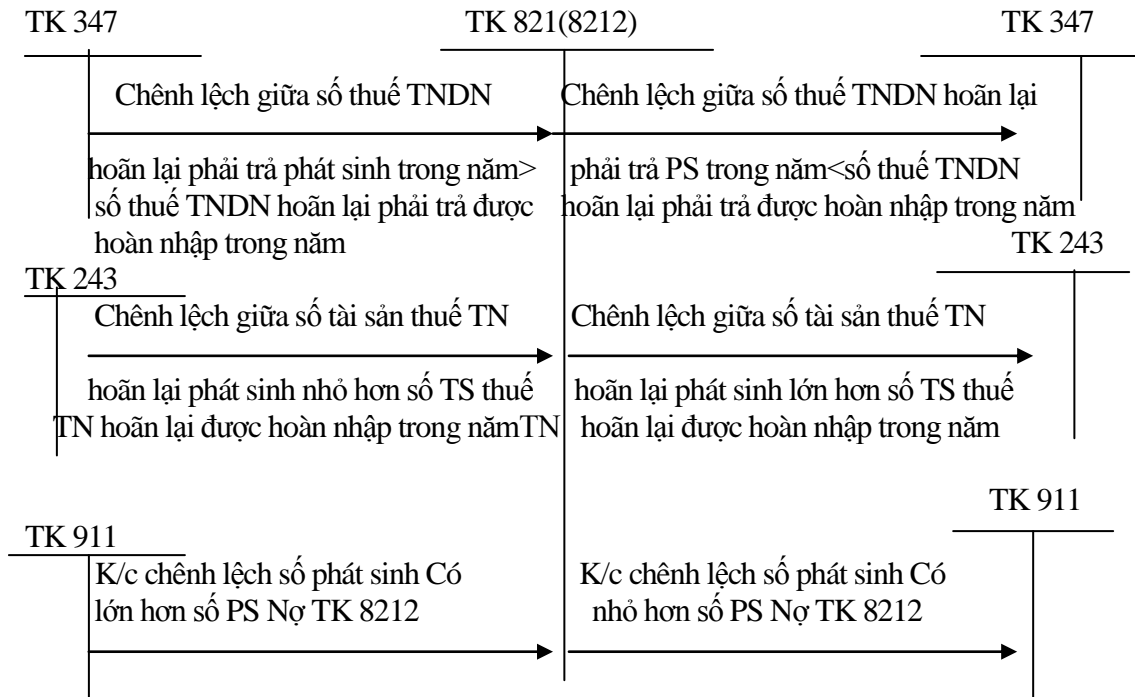
TK 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ Sơ đồ hạch toán:

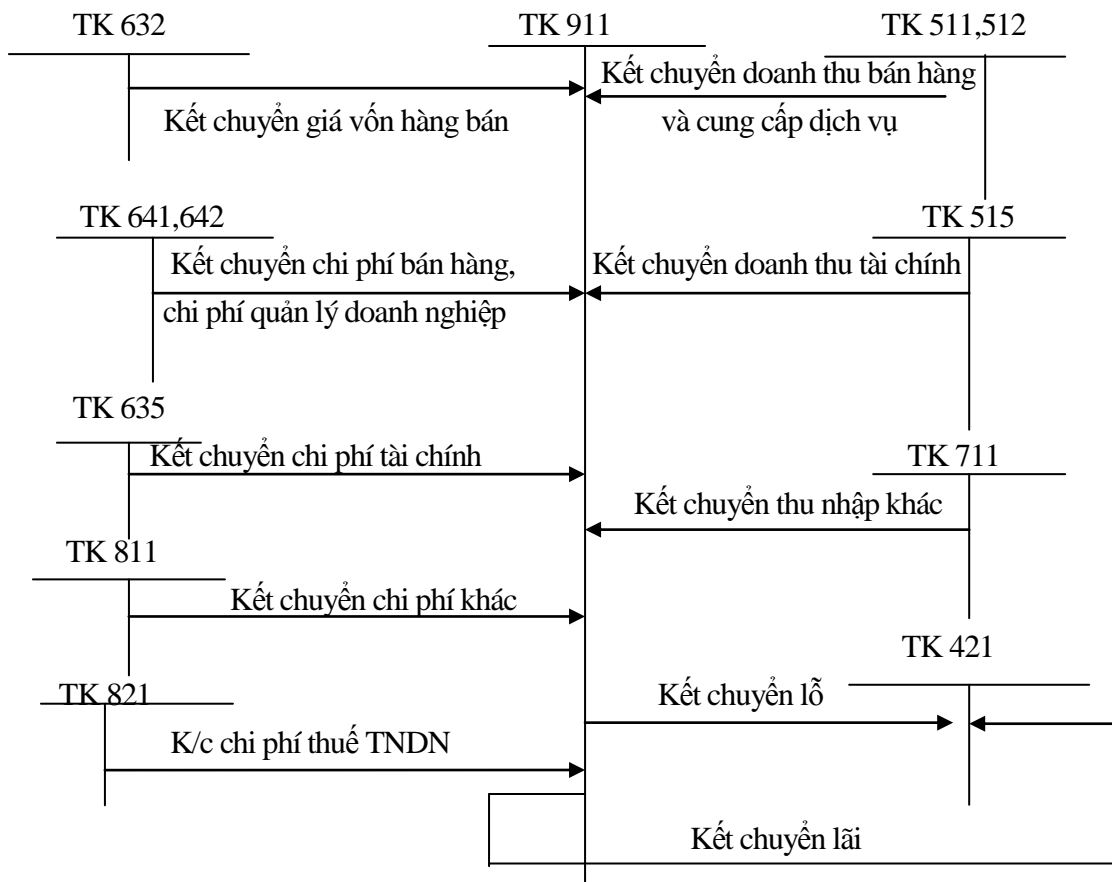
Sơ đồ 1.14: Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.15: Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



Sơ đồ 1.16: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

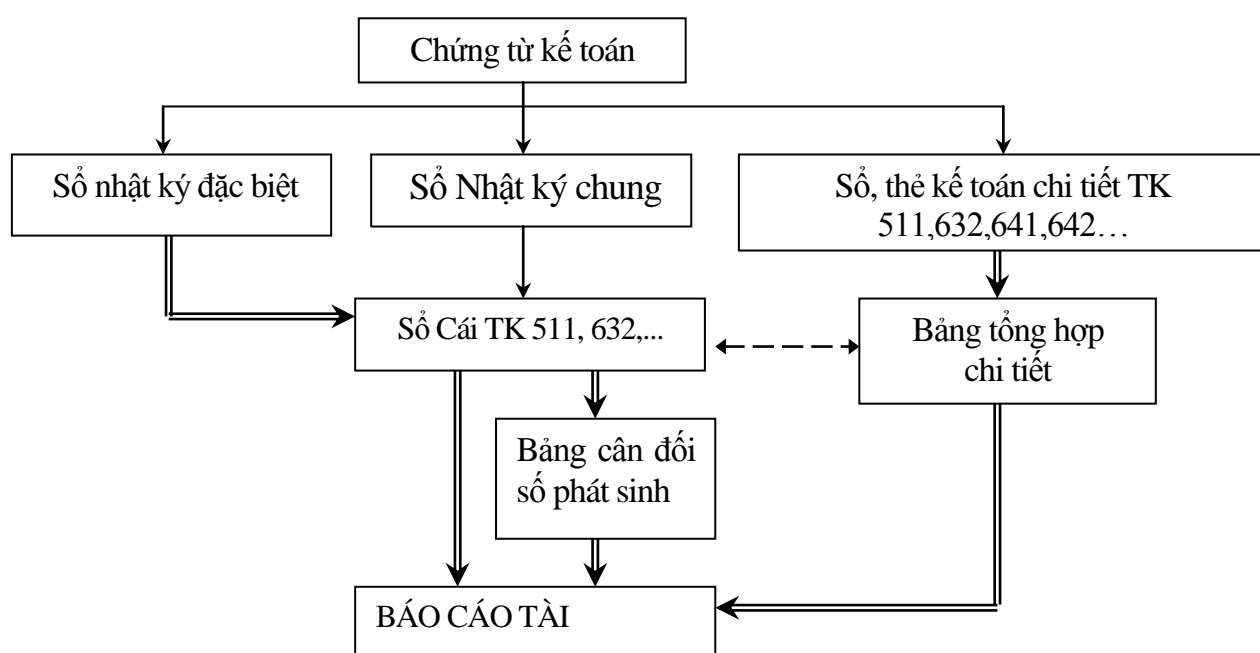
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

➤ Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ NKC, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

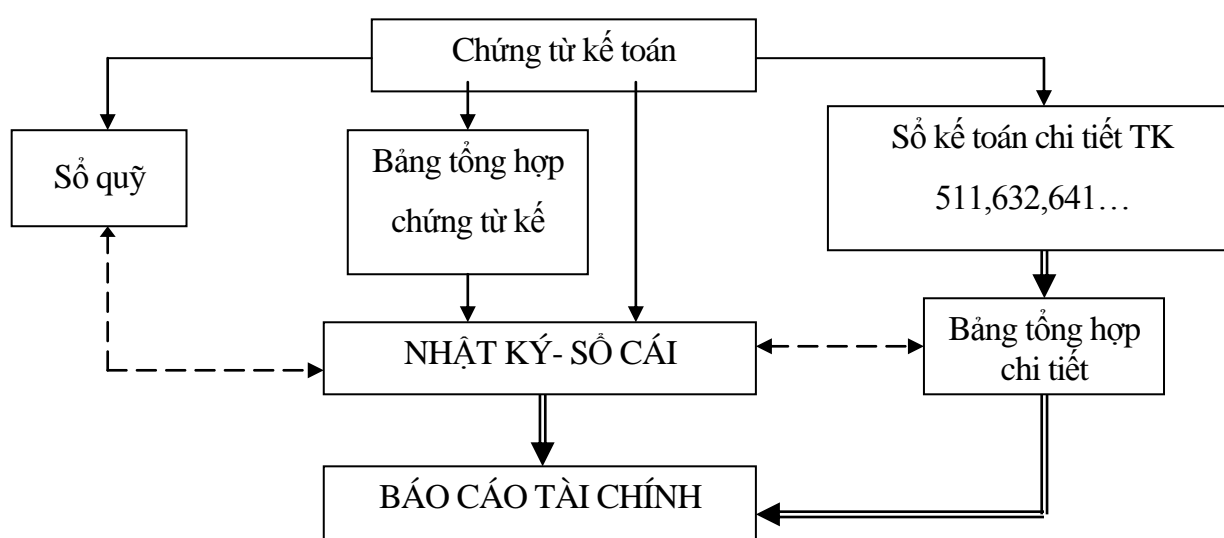
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.

❖ Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày ,

⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Đối chiếu, kiểm tra

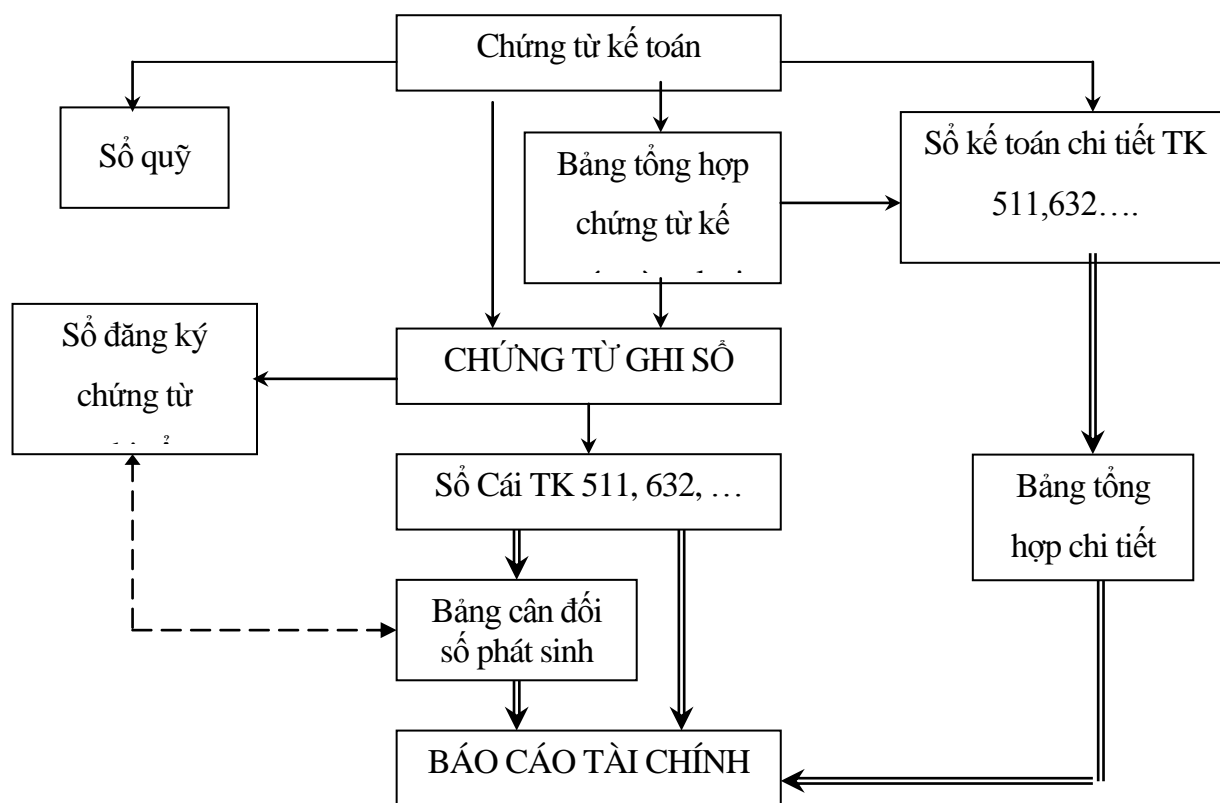
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ Đặc trưng cơ bản: Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú

→ Ghi hàng ngày

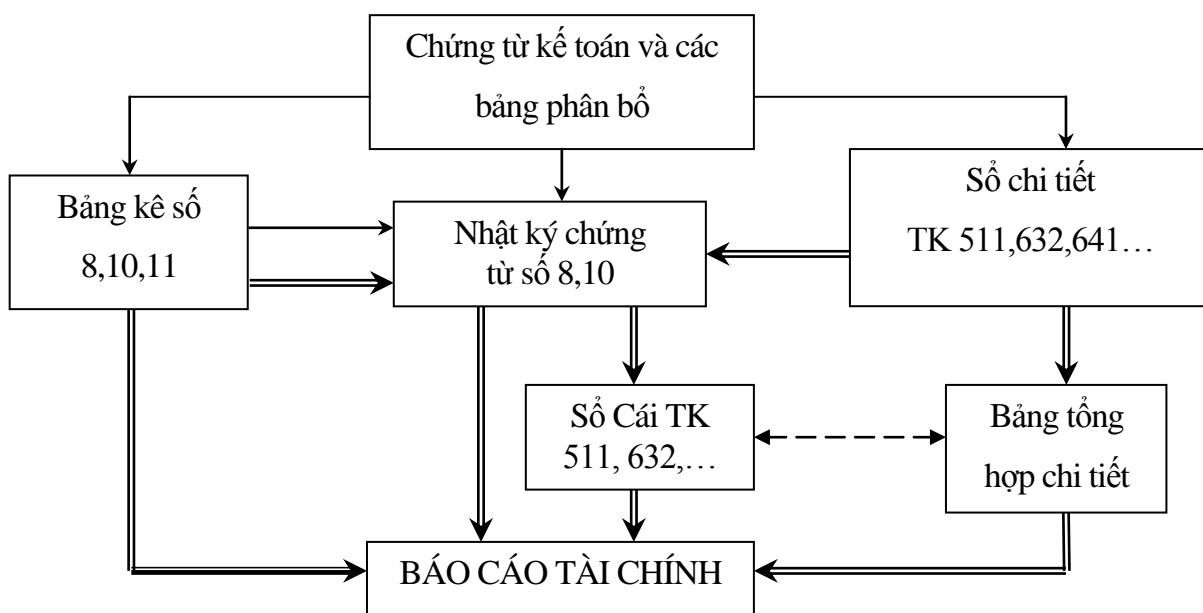
⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu:
 - + Nhật ký chứng từ
 - + Bảng kê
 - + Sổ cái
 - + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ

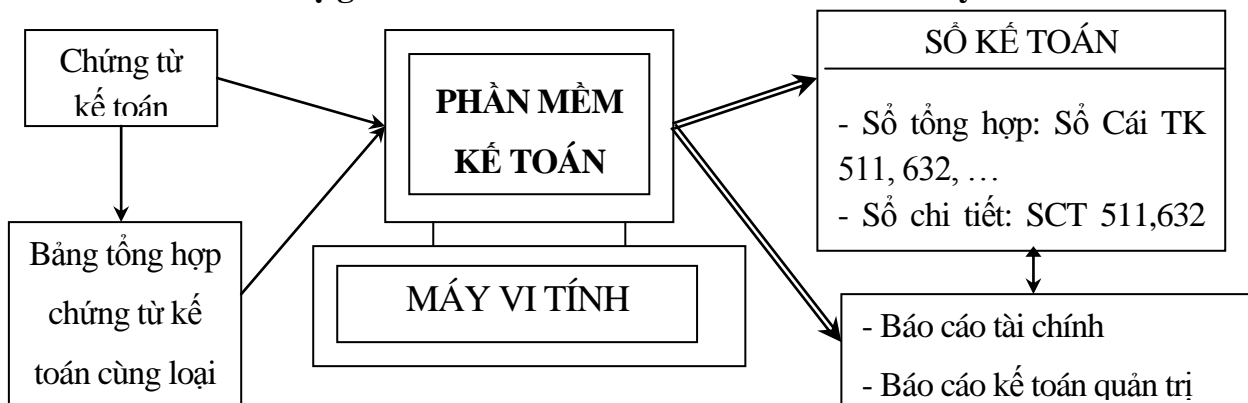


- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
 - ⇒ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ❖ Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ Các loại sổ chủ yếu: Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức đó.

Sơ đồ 1.21: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính



- Ghi chú**
- Nhập số liệu hàng ngày
 - ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
 - ↔ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN:

2.1.1 Khái quát về công ty

2.1.1.1. Giới thiệu chung:

Tên công ty: Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan

Tên giao dịch: Dai Loan manufacturing and commercial joint stock company

Tên viết tắt: DAFUCO. JSC



Đăng ký logo:

Ngày thành lập: Ngày 18 tháng 01 năm 2005

Đăng ký kinh doanh: Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp

Số: 0200493553 ngày 31/12/2010

(Chuyển đổi từ Công ty TNHH sản xuất và thương mại Đài Loan)

Đơn vị quản lý: Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

Trụ sở chính: Số 18 Tô Hiệu, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Văn phòng Công ty: Tầng 05 Toà nhà TD Business Centre,

Lô 20A Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031- 3722626 - Fax: 031- 3722627

Trung tâm nội thất: Số 10, Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, Thành phố
Hải Phòng

Điện thoại: 031- 3746705 - Fax: 031- 3746704

Website: www.dafuco.com.vn; www.dafuco.vn

2.1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan (DAFUCO) được thành lập từ ngày 18 tháng 01 năm 2005 tiền thân là Đồ gỗ nội thất Đài Loan thành lập năm 1998. Tọa lạc ngay khu vực Trung tâm thành phố Hải Phòng với diện tích trên 3000 m², Quý khách hàng sẽ thật sự ấn tượng và bị thuyết phục bởi không gian trưng bày hoành tráng của DAFUCO cũng như sự đa dạng về chủng loại hàng hóa. Với các nhóm sản phẩm chính: Nội thất văn phòng, phòng làm việc, phòng họp, phòng khách hay nội thất gia đình phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp... và nhiều sản phẩm nội thất khác. 100% sản phẩm tại DAFUCO là hàng nhập khẩu từ những nhà sản xuất lớn và uy tín trên thế giới. Sản phẩm được kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Với phong cách thiết kế bắt kịp xu hướng chung của thời đại, sản phẩm tại DAFUCO vẫn chú trọng các yếu tố về truyền thống và phong thủy trong màu sắc kiểu dáng và cách bố trí nội thất.

Với đội ngũ nhân viên là những chuyên viên, kỹ sư, đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn thiết kế, trang trí nội ngoại thất nhằm hướng tới sự hoàn mỹ cho các công trình. DAFUCO lấy con người là yếu tố cơ bản, sự năng động sáng tạo là động lực phát triển và thoả mãn nhu cầu của khách hàng là nhân tố quyết định.

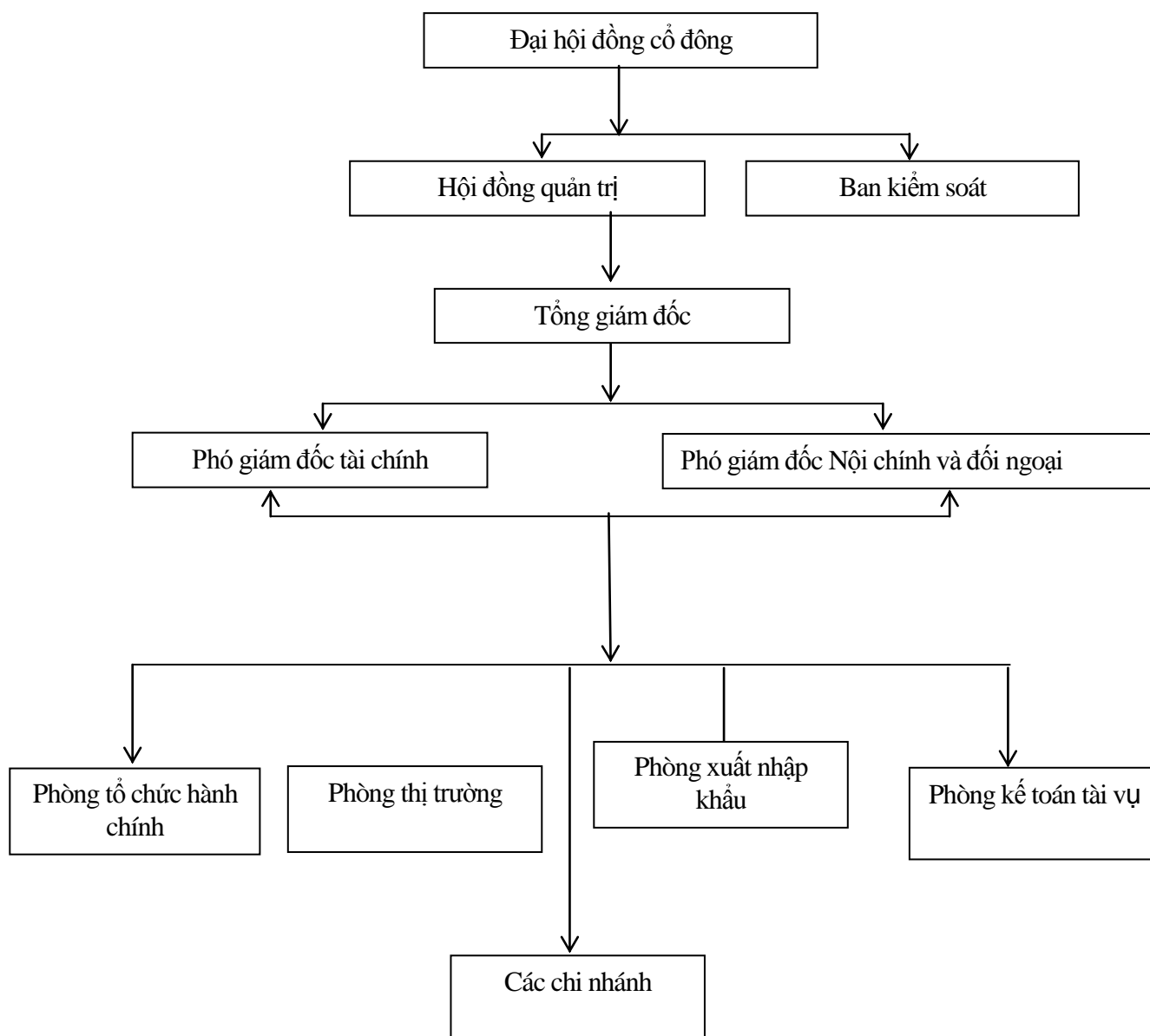
2.1.1.3 Lĩnh vực hoạt động:

- Kinh doanh, đại lý, ký gửi hàng hoá;
 - Kinh doanh vật tư kim khí, nhôm kính, cơ khí nông nghiệp, đồ sứ mỹ nghệ;
 - Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá;
 - Kinh doanh và sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ nội ngoại thất, thiết bị vệ sinh, máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng, bất động sản, nhà ở;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, cho thuê văn phòng, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí.
- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách thuỷ bộ.

Trong đó, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của công ty là kinh doanh đồ gỗ nội, ngoại thất.

2.1.1.4 Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Hiện nay bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các chiến lược, phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; bầu, bãi, miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh

công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông. Số lượng các thành viên Hội đồng quản trị là 4 người.

- Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền cho phép;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, phó giám đốc, các trưởng phòng ban, quản lý trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty...

❖ **Ban kiểm soát:** là những người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành của công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo tình hình tài chính hằng năm của công ty.

❖ **Tổng giám đốc Công ty:** là người đứng đầu Công ty, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh. Có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi miễn,...cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho cán bộ công nhân viên.

❖ **Phó Tổng Giám đốc Công ty:** trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về cơ cấu tổ chức, lao động tiền lương, công tác thi đua, công tác thanh tra bảo vệ chính trị nội bộ..., lập và đề ra các chiến lược phát triển kinh doanh đồng thời giám sát, chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng các tổ chức hoạt động

- **Phó giám đốc tài chính:** Thực hiện công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh: Xây dựng và quản lý kế hoạch kinh doanh; Quản lý, kiểm soát, tổ chức việc thực hiện kế hoạch kinh doanh; Quản lý, phát triển khách hàng; Tổ chức khai thác và phát triển sản phẩm; Tham mưu cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực tài chính, đầu tư tài chính; Tổ chức triển

khai thực hiện hệ thống quản lý tài chính, đầu tư tài chính, quản lý vốn và quỹ tiền mặt của công ty theo quy định của pháp luật...

- **Phó giám đốc nội chính và đối ngoại:** Chịu trách nhiệm tìm kiếm các đối tác, khách hàng và quan hệ với các cơ quan Nhà nước. Tham mưu cho Tổng giám đốc các chiến lược sản xuất kinh doanh;

❖ **Các phòng chức năng:**

- **Phòng Kế toán – tài vụ:** có thể nói phòng Kế toán – tài vụ là cánh tay phải giúp việc cho giám đốc doanh nghiệp. Họ phải theo dõi thu – chi; cân bằng tài chính trong công ty và có nhiệm vụ báo cáo với giám đốc công ty để giám đốc có thể nắm được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình đang có chiều hướng đi lên hay ngược lại để có kế hoạch điều chỉnh.

- **Phòng tổ chức hành chính:** có nhiệm vụ quản lý toàn bộ nhân lực trong Công ty đảm bảo quyền lợi cho công nhân, sắp xếp bố trí thay đổi nhân lực sao cho phù hợp với tay nghề và sức khỏe của từng người.

- **Phòng thị trường:** có nhiệm vụ khảo sát thị trường, tiếp thị sản phẩm của doanh nghiệp tới tay người tiêu dùng. Ngoài ra họ phải tìm tòi những cách thức làm mới sản phẩm và đề xuất với giám đốc công ty những vấn đề được và chưa được của sản phẩm, tìm những bạn hàng mới, những đối tác mới để mở rộng hơn nữa thị trường của sản phẩm doanh nghiệp.

- **Phòng xuất nhập khẩu:** Phòng có nhiệm vụ nhập khẩu hàng hóa về công ty. Hàng xuất đi nước ngoài hoặc hàng nhận từ nước ngoài chuyển về đều do phòng xuất-nhập khẩu làm thủ tục hải quan để thuận lợi cho công việc chung của toàn công ty.

❖ **Các chi nhánh**

- Các chi nhánh độc lập: Nha Trang; Đắc Lắc; Bình Dương; Thái Bình

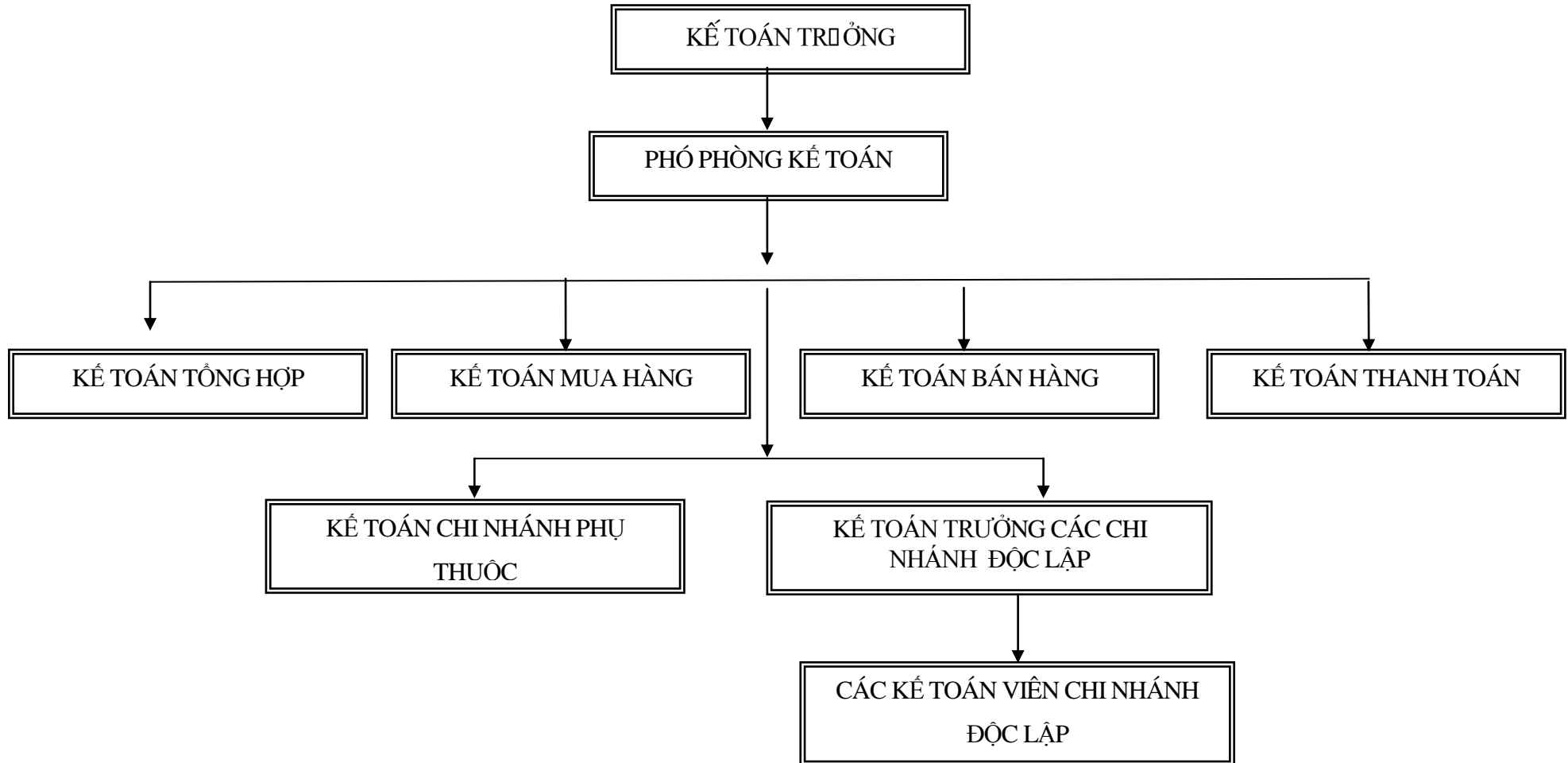
- Các chi nhánh phụ thuộc: Việt Trì- Phú Thọ; Chi nhánh Quận 7- TPHCM

2.1.2 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đà Loan:

2.1.2.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức hỗn hợp và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan:



2.1.2.2. Chức năng nhiệm vụ của các nhân viên kế toán:

❖ **Kế toán trưởng:** giúp tổng Giám đốc các công tác tổ chức hoạt động tài chính của công ty thực hiện theo pháp lệnh kế toán thống kê, điều lệ kế toán của Nhà nước, các quy định về tài chính của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Phó phòng kế toán:** hỗ trợ kế toán trưởng thực hiện tốt việc điều hành hoạt động công tác bộ máy kế toán trong công ty.

❖ **Kế toán mua hàng:** Tổ chức theo dõi và hạch toán kế toán toàn bộ hoạt động mua hàng của công ty gồm nhập khẩu trực tiếp, mua hàng khai thác của các công ty khác và mua hàng của các nhà máy sản xuất trong nước.

❖ **Kế toán bán hàng:** kế toán toàn bộ hoạt động bán hàng bao gồm: theo dõi xuất hàng cho các chi nhánh, xuất bán trực tiếp cho khách hàng và kế toán theo dõi công nợ phải thu của khách hàng và công nợ đối với các chi nhánh.

❖ **Kế toán thanh toán:** tổ chức theo dõi và hạch toán kế toán các hoạt động về vốn bằng tiền, về tài sản cố định, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, công nợ nội bộ và công nợ khác.

❖ **Kế toán tổng hợp:** tổng hợp toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ các bộ phận kế toán chi tiết, tổng hợp lên kết quả kinh doanh của văn phòng công ty.

❖ **Kế toán các chi nhánh:**

- Các chi nhánh độc lập là đơn vị hạch toán độc lập, kế toán chi nhánh thực hiện hạch toán kế toán các hoạt động phát sinh tại chi nhánh và lập BCTC cuối kỳ, chuyển BCTC lên văn phòng công ty

- Các chi nhánh phụ thuộc lập các chứng từ ban đầu, chuyển lên cho văn phòng công ty để hạch toán và lưu trữ các chứng từ ban đầu theo quy định.

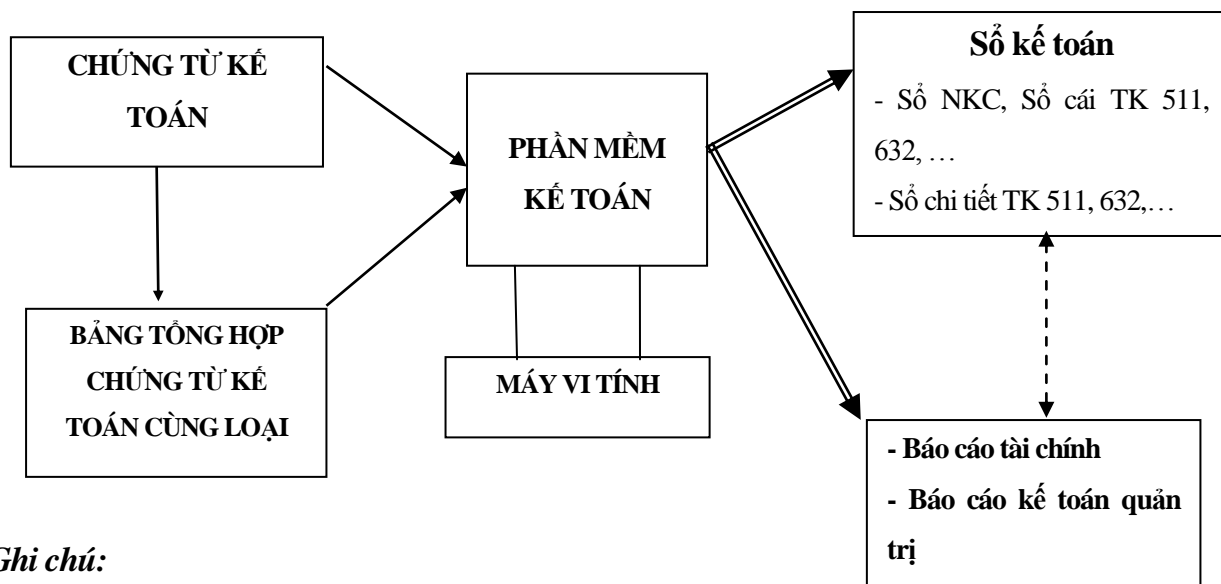
2.1.2.3. Các chính sách, chế độ, hình thức kế toán tại công ty

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kỳ kế toán năm từ 01/01 đến 31/12. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan sử dụng hình thức kế toán máy,

công ty đang sử dụng phần mềm kế toán **VICO** được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức **Nhật ký chung**.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



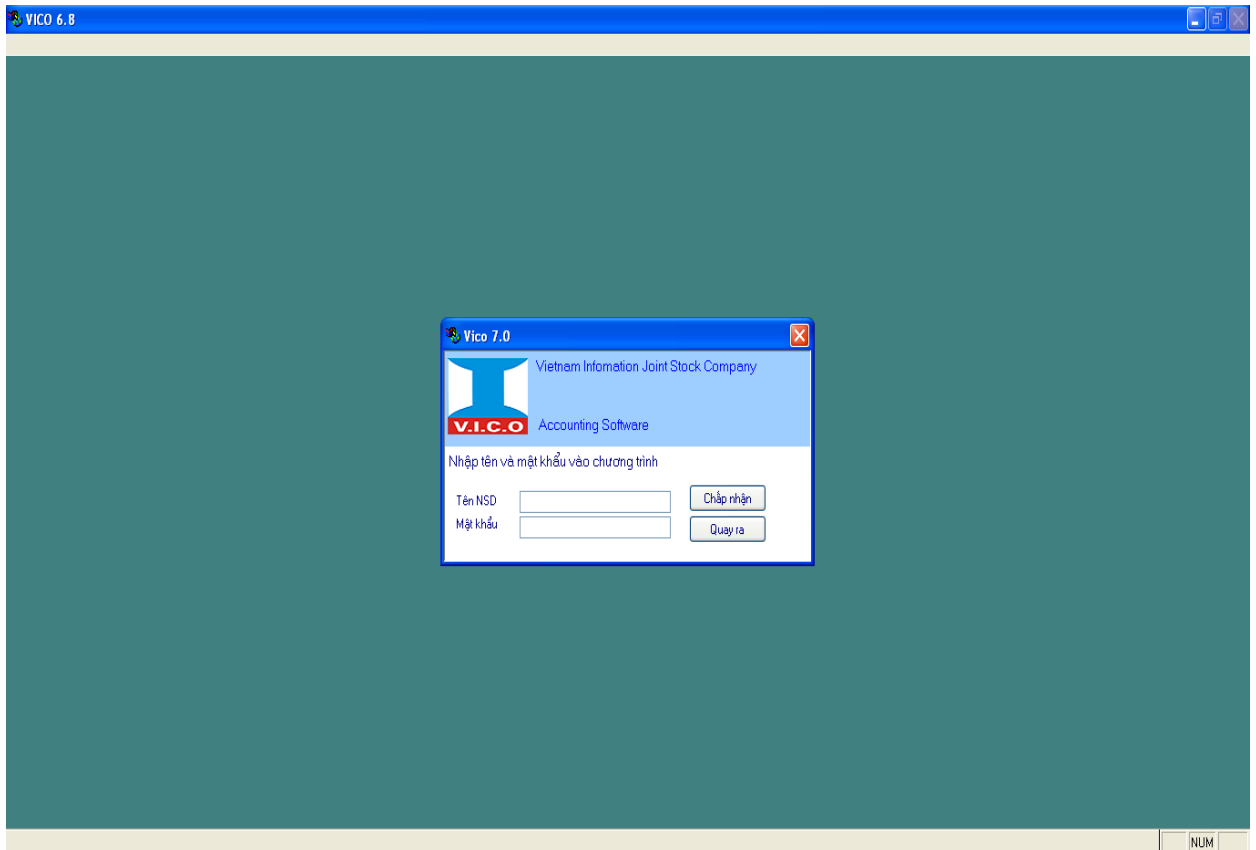
Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - - -> Đối chiếu, kiểm tra

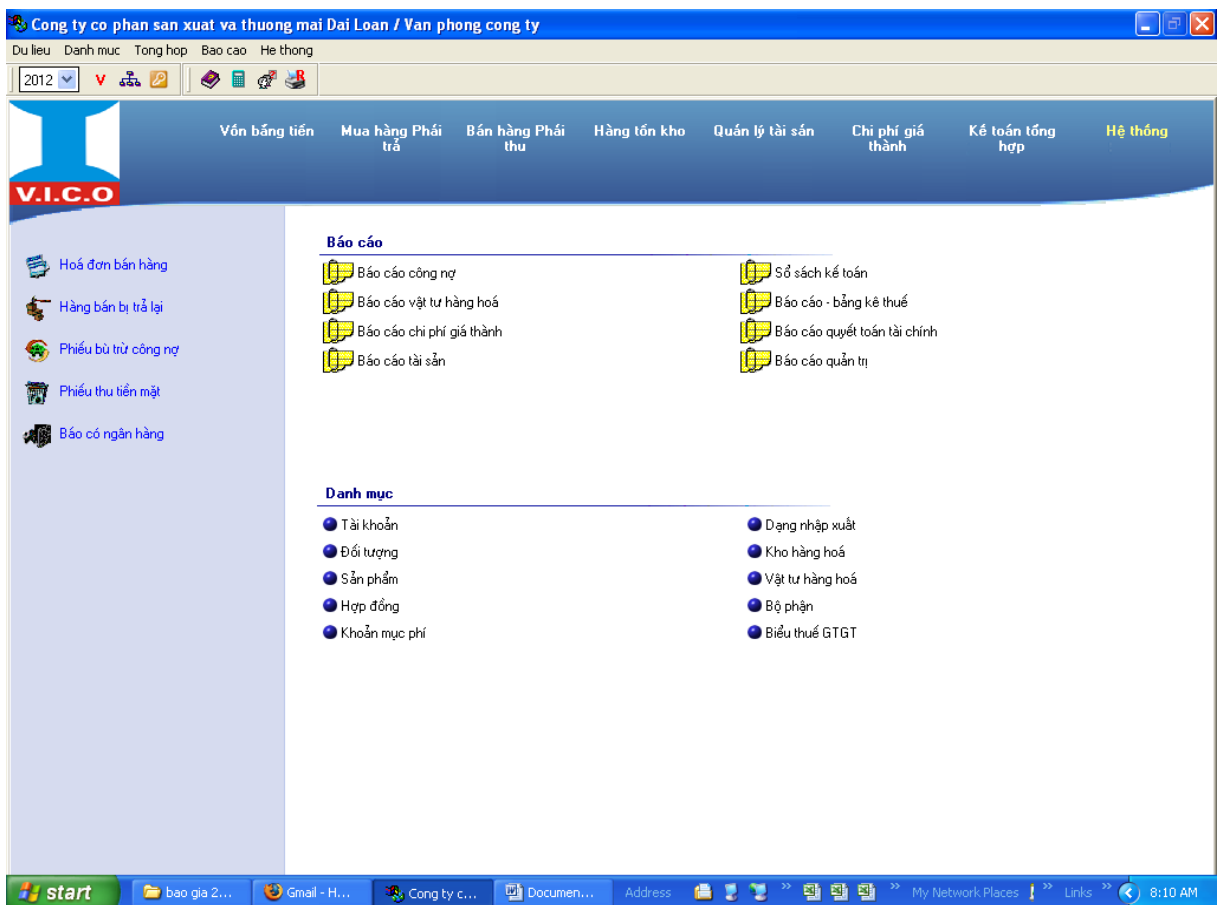
Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Định kỳ, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Từ màn hình nền Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán VICO, màn hình hiện ra



Sau khi nhập tên, mật khẩu người sử dụng, màn hình sẽ hiện ra :



2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán.

❖ Doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu là doanh thu bán đồ gỗ nội, ngoại thất.

❖ Phương thức bán hàng: Bán hàng trực tiếp

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có...
- Các chứng từ liên quan khác.

❖ Phương thức thanh toán:

- Tiền mặt,
- Chuyển khoản.

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ ***TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

+ Các TK cấp 2: TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Các TK cấp 3: TK 51111: Doanh thu bán hàng hóa TCT

TK 51112: Doanh thu bán hàng hóa của Quận 7

TK 51113: DT bán hàng hóa của CN Việt Trì- Phú Thọ

TK 51131: DT cung cấp dịch vụ của TCT

TK 51132: DT cung cấp dịch vụ của Q7

➤ ***TK 512: Doanh thu bán hàng nội bộ***

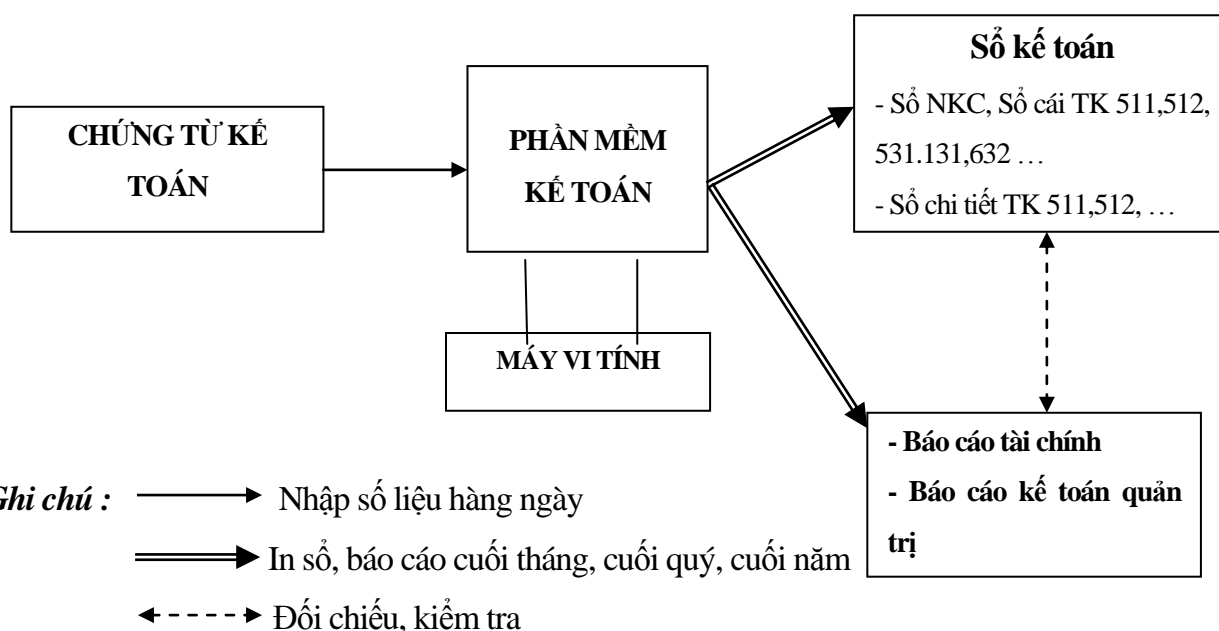
+ Các TK cấp 2: TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- + Các TK cấp 3: TK 51211: Doanh thu bán hàng nội bộ CN độc lập
TK 51212: Doanh thu bán hàng nội bộ cho các CN phụ thuộc
- **TK 531: Hàng bán bị trả lại**
- + Các TK cấp 2: TK 5311: Hàng hoá bán bị trả lại
TK 5312: Thành phẩm bán bị trả lại
- **TK 632: Giá vốn hàng bán**
- + Các TK cấp 2: TK 6321: Giá vốn hàng bán của hàng hóa
TK 6322: Giá vốn hàng bán của thành phẩm
- + Các TK cấp 3: TK 63211: Giá vốn hàng bán của hàng hóa TCT
TK 63212: Giá vốn hàng bán tại CN Q7
TK 63213: Giá vốn hàng bán TCT cho CN phụ thuộc
TK 63214: Giá vốn hàng bán tại CN Việt Trì- Phú Thọ

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần sản xuất & thương mại Đà Loan



❖ **Ví dụ 1:**

Ngày 27/12/2011 bán cho công ty TNHH Thái Hưng lô hàng đồ nội thất hóa đơn số 0002284.(VAT 10%). Chưa thu tiền.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa công ty TNHH Thái Hưng và công ty CP SX&TM Đà Loan, kế toán tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng số 0002284

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002284

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số: 01GTKT3/001

Mã số thuế: 0200493553

Ký hiệu: DL/11P

Địa chỉ: 18 Tô Hiệu–Lê Chân–Hải Phòng

Số: 0002284

Điện thoại: +84 31.372 2626 * Fax: +84 31.372.2627

**HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

(Liên 3: Lưu nội bộ/ 3th copy: File)

Họ tên khách hàng/customer's name: Công ty TNHH Thái Hưng

Đại chỉ: 313 Hùng Vương- Tích Sơn – Vĩnh Yên- Vĩnh Phúc

Điện thoại/Tel: Số tài khoản/Bank No:

Hình thức thanh toán/Method of Payment:

MST/Tax code:

STT (No)	Tên hàng hoá dịch vụ (Description)	Đơn vị (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Tủ quần áo=bột gỗ ép V9065	Cái	17	9.870.000	167.790.000
2	Tủ quần áo=bột gỗ ép V4109	Cái	06	7.780.000	46.680.000
3	Bộ bàn trà	Bộ	13	10.170.000	132.210.000
4	Bộ bàn trà S037	Bộ	20	10.900.000	218.000.000
5	Đệm lò xo(1,8*2)	Chiếc	64	1.870.000	119.680.000
6	Đệm lò xo(180*200)	Chiếc	20	1.870.000	37.400.000
7	Đệm lò xo Prague	Chiếc	01	21.250.000	21.250.000
8	Đệm lò xoDG1727	Chiếc	05	1.970.000	9.850.000
9	Đệm giường	Cái	01	1.020.000	1.020.000
10	Đệm lò xoDGV1590	Chiếc	03	1.730.000	5.190.000
11	Đệm lò xoDG641	Cái	04	840.000	3.360.000
12	Đệm giườngDG4912	Chiếc	01	1.100.000	1.100.000
Cộng tiền hàng				763.530.000	
Tiền thuế GTGT/ VAT:				76.353.000	
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total invoice:				839.883.000	
Bằng chữ/ In word: Tám trăm ba chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002284, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **VICO**, khai báo tên và mật khẩu của người dùng. Chọn phân hệ *Bán hàng phải thu* → *Hóa đơn bán hàng* → nhấn **F2** để cập nhật dữ liệu mới

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng, nhấn tổ hợp phím **Ctrl+Enter** để lưu. Khi đó số liệu sẽ tự động chuyển vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511, Sổ chi tiết 511

Màn hình giao diện hóa đơn số 0002284:

The screenshot shows the VICO software interface for creating an invoice. The window title is 'Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty'. The main form is titled 'Sua chung tu' and contains the following information:

- Mã chứng từ: HD Ngày: 31/12/2011 Số: 0002284
- Hợp đồng: VY00001 Công ty TNHH Thái Hưng
- Đối tượng: Công ty TNHH Thái Hưng Địa chỉ: 313 Hùng Vương, Tích Sơn, Vĩnh Yên - Vĩnh Phú
- Đơn vị: Công ty TNHH Thái Hưng
- Diễn giải: Bộ phận: Bán hàng công nợ
- Mã nhập xuất: 1311
- Tk nợ: 1311
- Khoản mục phí: Phải thu của khách hàng TCT

Below the form is a table of items:

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Sản phẩm	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
TQA-V9065	Tủ quần áo-bộ gỗ ép(1.8-2.4*0.58-0.76*2.1-2.4),T	cái	51111		KHG	17.0000	9 870 000.00	167 790 000
TQA-V4109	Tủ quần áo-bộ gỗ ép(1.8-2.4*0.58-0.76*2.1-2.4),T	cái	51111		KHG	6.0000	7 780 000.00	46 680 000
BBTA-V9371	Bộ bàn trà	Bộ	51111		KHG	13.0000	10 170 000.00	132 210 000
SAS0002	Bộ bàn trà S037 (2006)	Bộ	51111		KHG	20.0000	10 900 000.00	218 000 000
DG-V1727	Đệm lò xo(1.8*2)	Chiếc	51111		KHG	64.0000	1 870 000.00	119 680 000
DG-V 1727	Đệm lò xo (180*200)	Chiếc	51111		KHG	20.0000	1 870 000.00	37 400 000
DG-H 21000	Đệm lò xo Prague 180*200cm	Chiếc	51111		KHG	1.0000	21 250 000.00	21 250 000
DG-H 1727	Đệm lò xo(1.8*2)	Chiếc	51111		KHG	5.0000	1 970 000.00	9 850 000
DG-V915	Đệm giường	cái	51111		KHG	1.0000	1 020 000.00	1 020 000
DG-V1590	Đệm lò xo(150*200)	Chiếc	51111		KHG	3.0000	1 730 000.00	5 190 000
DG-641	Đệm lò xo 1.8*2.0m	cái	51111		KHG	4.0000	840 000.00	3 360 000
DG-H 912	Đệm giường (1.8-2)m	Chiếc	51111		KHG	1.0000	1 100 000.00	1 100 000

At the bottom of the form, there are fields for 'Hạn thanh toán', 'Thanh toán cho hoá đơn', 'Chiết khấu', 'Mã loại VAT', 'R10', 'Tk nợ', '1311', 'Tk có', '33311', 'Đối tượng VAT', 'Công ty TNHH Thái Hưng', and 'Số thuế', '2500288541'. A Skype window is also visible in the bottom right corner.



Ví dụ 2: Bán hàng nội bộ

Ngày 31/12/2011 xuất cho chi nhánh Đắc Lắc lô hàng nội thất kèm theo bảng hóa đơn hàng bán chi tiết. Tổng giá thanh toán 106.169.000(VAT 10%). Chưa thu tiền.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa chi nhánh Đắc Lắc với Công ty CP SX&TM Đài Loan, kế toán tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng số 0002362

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002362

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số: 01GTKT3/001

Mã số thuế: 0200493553

Ký hiệu: DL/11P

Địa chỉ: 18 Tô Hiệu–Lê Chân–Hải Phòng

Số: 0002362

Điện thoại: +84 31.372 2626 * Fax: +84 31.372.2627

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

(Liên 3: Lưu nội bộ/ 3th copy: File)

Họ tên khách hàng/customer's name: CN Công ty Cổ phần SX & TM Đà Loan- Đắc Lắc

Địa chỉ: Số 07 Trần Nhật Duật- TP Buôn Ma Thuột

Điện thoại/Tel: Số tài khoản/Bank No:

Hình thức thanh toán/Method of Payment:

MST/Tax code:

STT (No)	Tên hàng hoá dịch vụ (Description)	Đơn vị (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Tủ quần áo=bột gỗ ép (1.8*2,4*058-0.76*)	Chiếc	01	45.818.182	45.818.182
2	Tủ rượu 4 cánh 1212	Chiếc	01	11.300.000	11.300.000
3	Tủ đựng sách loại cc=gỗ MDF M120A	Cái	01	4.000.000	4.000.000
4	Tủ đựng sách loại cc=gỗ MDF M1160B	Cái	02	6.272.727	12.545.454
5	Tủ đựng sách loại cc=gỗ MDF M0017	Cái	01	3.700.000	3.700.000
6	Tủ đựng sách loại cc=gỗ MDF M120A	Cái	01	7.363.636.	7.363.636
7	Tủ quần áo trẻ em	Chiếc	02	4.200.000	8.400.000
8	Tủ đựng sách loại cc=gỗ ép kính	Cái	01	3.390.000	3.390.000
Cộng tiền hàng				96.517.272	
Tiền thuế GTGT/ VAT:				9.651.728	
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total invoice:				106.169.000	
Bảng chữ/ In word: Một trăm linh sáu triệu một trăm sáu mươi chín nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Màn hình giao diện hóa đơn số 0002362:

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2011

Sua chung tu

Mã chứng từ: HD Ngày: 31/12/2011 Số: 0002362 Số seri: DL/11P Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: ĐL0002 CN Công ty CP SX & TM Đài Loan

Đối tượng: CN Công ty CP SX & TM Đài Loan Địa chỉ: Số 07 Trần Nhật Duật - TP Buon Ma Thuot

Ông bà:

Diễn giải:

Bộ phận:

Mã nhập xuất: 136 Xuất cho các chi nhánh

Tk nợ: 1368 Phải thu nội bộ khác

Khoản mục phí:

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk có	Sản phẩm	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	>>
TQA.34500	Tủ quần áo=bột gỗ ép(1.8*2.4*0.58-0.76*2.1-2.4),T	Chiếc	51211		KTT2	1.0000	45 818 182.00	45 818 182	✓
TR.V9480	Tủ rượu 4 cánh 1212 (5524)	Chiếc	51211		KTT2	1.0000	11 300 000.00	11 300 000	✓
TS0004	Tủ đựng sách loại cao = gỗ MDF kính mã 120A (12 Cái)		51211		KTT2	1.0000	4 000 000.00	4 000 000	✓
TS0020	Tủ đựng sách loại cao = gỗ MDF kính mã 160B (18 Cái)		51211		KTT2	2.0000	6 272 727.00	12 545 454	✓
TS-0017-NH	Tủ đựng sách loại cao cấp bằng gỗ MDF, kính mã Cái		51211		KTT1	1.0000	3 700 000.00	3 700 000	✓
TS0005	Tủ đựng sách loại cao = gỗ MDF kính mã 192A (18 Cái)		51211		KTT2	1.0000	7 363 636.00	7 363 636	✓
TQA-V1900	Tủ quần áo trẻ em	Chiếc	51211		KVT	2.0000	4 200 000.00	8 400 000	✓
TS-V1333.2	Tủ đựng sách=bột gỗ ép,kính(2.5*0.4*1.88, hiệu H Cái)		51211		KVT	1.0000	3 390 000.00	3 390 000	✓

Hạn thanh toán: Thanh toán cho hoá đơn Chiết khấu: 0 %

Mã loại VAT: R10 Tk nợ: 1368 Tk có: 333111 Tiền hàng: 96 517 272.00

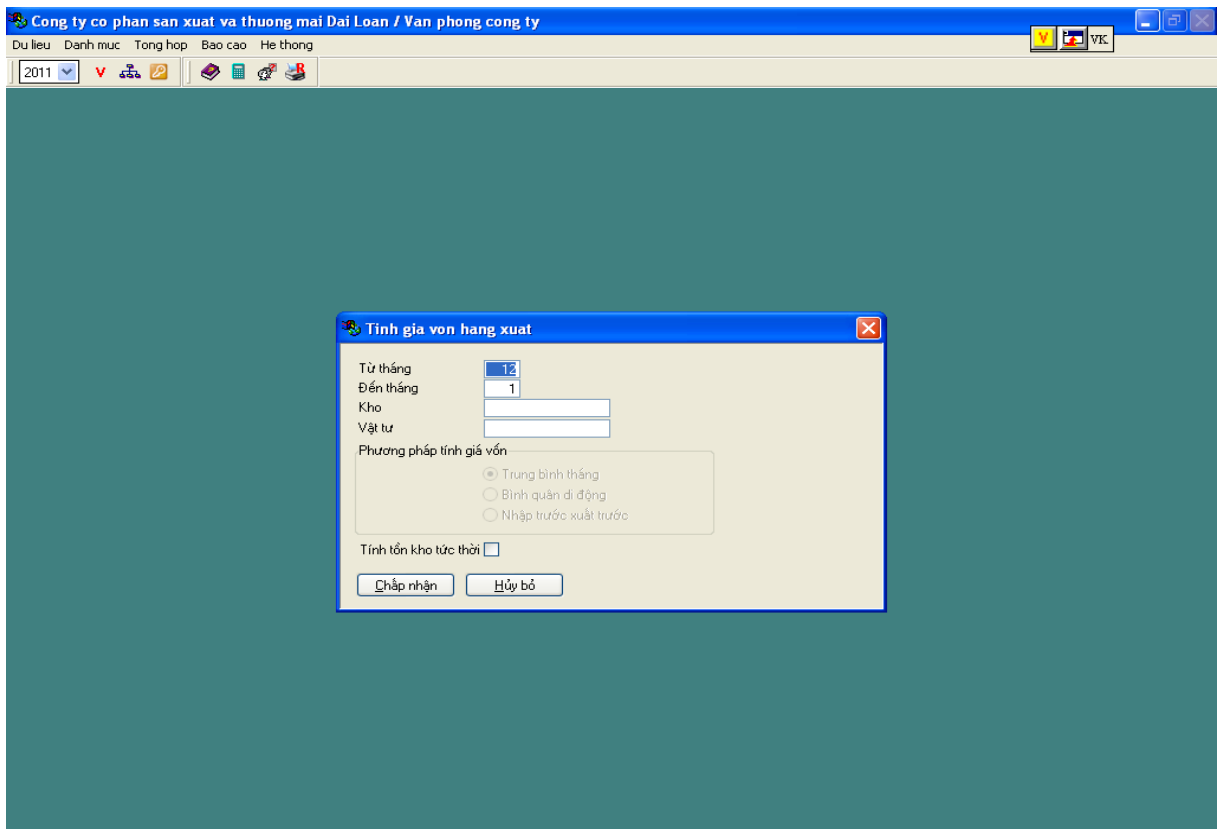
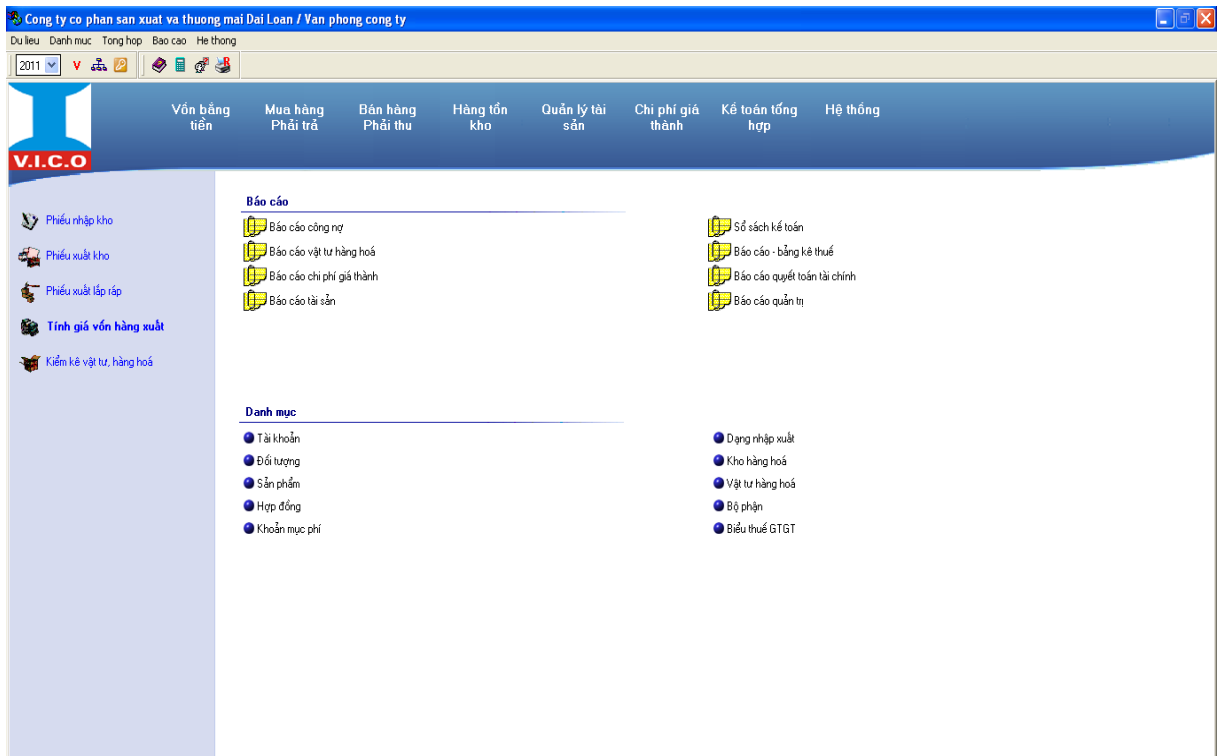
Đối tượng VAT: CN Công ty CP SX & TM Đài Loan Msố thuế: 0200493553004 Chiết khấu: 0.00

Thuế GTGT: 9 651 728.00

Tổng tiền: 106 169 000.00

start Cong ty co phan san ... T - Microsoft Word Address My Network Places Links 4:16 PM

Vào ngày 31/12/2011, kế toán tính giá trung bình của từng mặt hàng trên phần mềm kế toán VICO. Kế toán vào phân hệ *Kế toán hàng tồn kho* → *Cập nhật số liệu* → *Tính giá trung bình*. Khi đó sẽ xuất hiện hộp thoại, kế toán nhập tháng cần tính giá trung bình (Từ T12/2011 đến T12/2011), tên kho, tên vật tư. Sau đó, kích vào "*nhận*" để chương trình thực hiện tính giá trung bình. Khi đó, các số liệu của "*giá vốn VNĐ và tiền vốn VNĐ*" ngày sẽ tự động được chuyển vào các sổ sách có liên quan đến nghiệp vụ ghi nhận giá vốn: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632; sổ chi tiết TK6321.



❖ **Ví dụ 3: Hàng bán bị trả lại**

Ngày 31/12/2011 Công ty TNHH Thái Hưng trả lại hàng bán theo hóa đơn số 0001417. Tổng giá trị hàng trả lại là 72.362.000đ. (VAT 10%). Bù trừ vào công nợ.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001417

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: TH/11P

(Liên 2: Giao khách hàng)

Số: 0001417

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THÁI HÙNG					
Địa chỉ: 313 Hùng Vương- Tích Sơn- Vĩnh Yên- Vĩnh Phúc					
Mã số thuế: 2500288541					
Số tài khoản:					
Điện thoại:					
Họ tên khách hàng: Công ty Cổ phần SX & TM Đài Loan					
Địa chỉ: 18 Tô Hiệu- Lê Chân- Hải Phòng					
Điện thoại: Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán:			MST:		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1×2
1	Bộ ghế salon góc khung gỗ tạp đệm mút	Bộ	01	20.400.000	20.400.000
2	Bộ ghế sofa bọc giả da loại cao cấp	Bộ	01	45.327.273	45.327.273
	(Trả lại hàng do lỗi áo da bọc ghế)				
Cộng tiền hàng				65.727.273	
Tiền thuế GTGT/ VAT:				6.572.727	
Tổng cộng tiền thanh toán/ Grand total invoice:				72.300.000	
Bằng chữ/ In word: Bảy mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn số 0001417 của Công ty TNHH Thái Hưng kê toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kê toán khác* → F2 để lập phiếu kê toán số PK076/12

CÔNG TY CP SX&TM ĐÀI LOAN

SỐ : PK076/12

18 Tô Hiệu-Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số					
31/12	HD0001417	Doanh thu hàng bán trả lại	5311	1311	65.727.273	
		VAT hàng bán trả lại	13311	1311	6.572.727	
		TỔNG CỘNG			72.300.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Căn cứ vào HĐ GTGT số HD0001417, kế toán vào phân hệ *Hàng tồn kho* → *Phiếu xuất kho* để tìm lại giá vốn hàng bán liên quan đến nghiệp vụ xuất kho hàng bán cho công ty TNHH Thái Hưng. Sau đó chọn *Esc* để thoát ra rồi vào *Phiếu nhập kho* → *F2* để nhập giá vốn hàng bán bị trả lại. Nhấn *Ctrl+Enter* để lưu.

Sua chung tu

Mã chứng từ: PN Ngày: 31/12/2011 Số: PN251/12 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: VY00001 Công ty TNHH Thái Hưng

Đối tượng: Công ty TNHH Thái Hưng Địa chỉ: 313 Hùng Vương, Tích Sơn, Vĩnh Yên - Vĩnh Phú

Ông bà: Nhập đồ nội thất

Diễn giải: Nhập đồ nội thất

Bộ phận: Mua hàng chưa thanh toán

Mã nhập xuất: 331 Giá vốn hàng bán của hàng hoá TCT

Tk có: 63211

Khoản mục phí:

Vật tư	Tên vật tư	Đvt	Tk nợ	Sản phẩm	Kho	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
BSL-R 19.8	Bộ GSL góc, khung=gỗ tạp đệm mọt bọc giả da(1c Bộ		1561		KTT2	1.0000	19 450 000.00	19 450 000
SFHM 0096	Bộ ghế sofa loại cao cấp bọc giả da , da(mã V28002 gỗ Bộ		1561		KTT2	1.0000	44 636 364.00	44 636 364

Hạn thanh toán: Thanh toán cho hoá đơn

Mã loại VAT: Tk nợ Tk có

Đối tượng VAT: Msố thuế

Số hoá đơn: 0001417 Ngày: 31/12/2011 Số seri 0

Tiền hàng: 64 086 364.00

Thuế NK vnd: 0.00

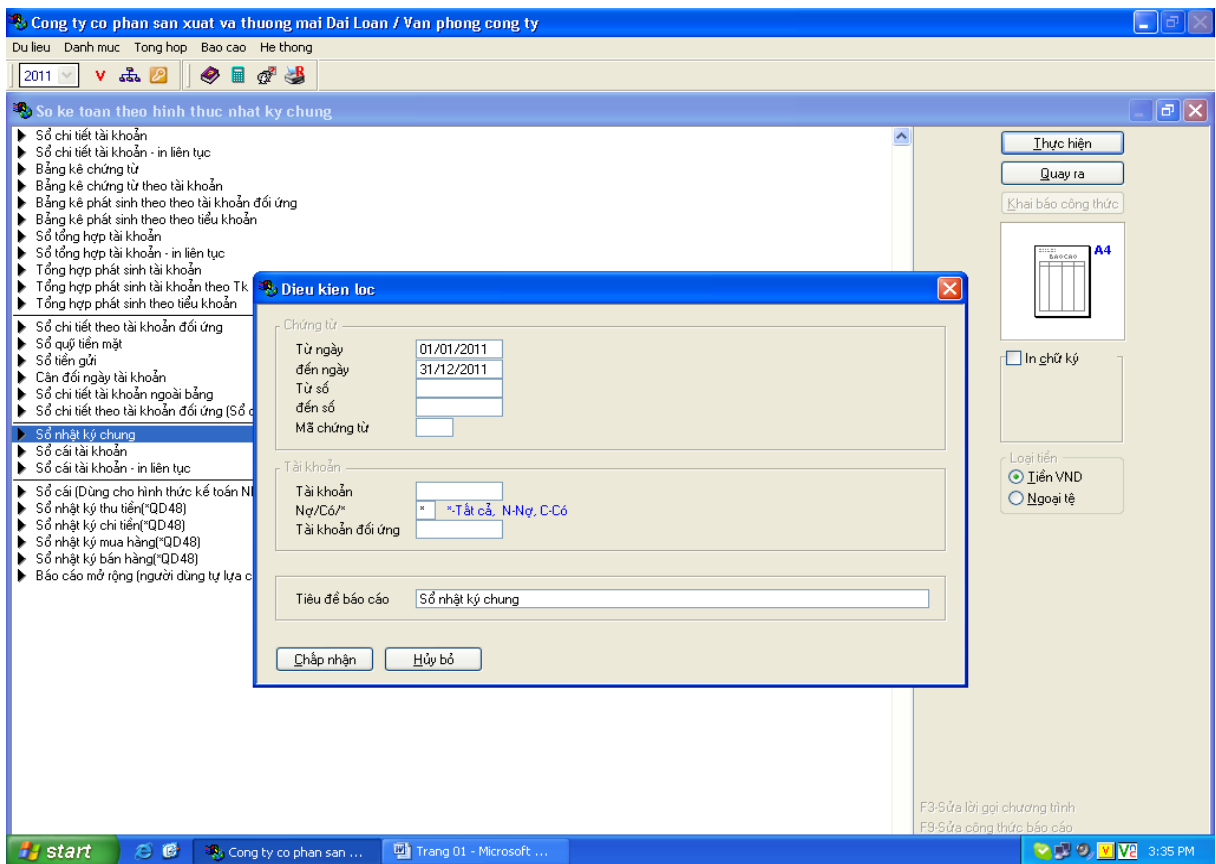
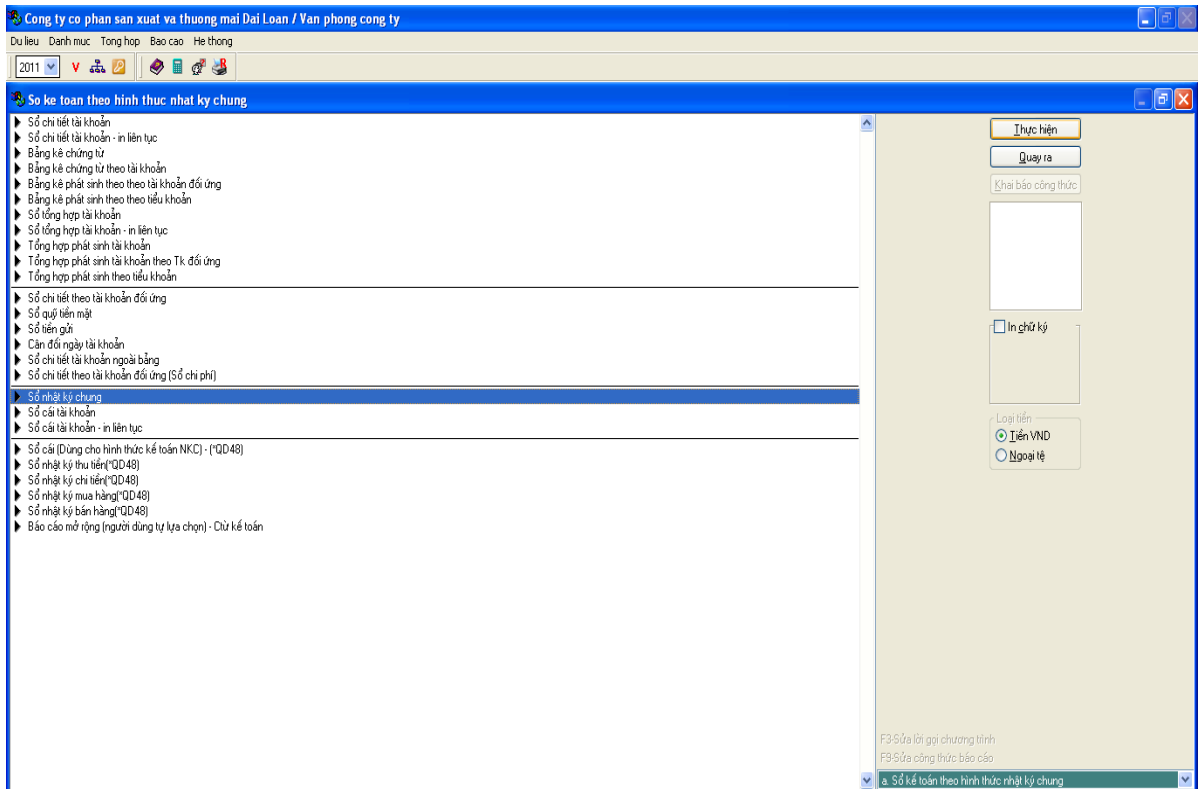
Thuế GTGT: 0.00

Tổng tiền: 64 086 364.00

Chấp nhận: Hủy bỏ PN - Phiếu nhập kho

- Để in sổ Nhật ký chung, chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Sổ sách kế toán* → *Sổ nhật ký chung* → *Thực hiện*. Tại mục “*từ ngày – đến ngày*” nhập 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011. Sau cùng chọn “*chấp nhận*” để xem, *F7* để in, *ESC* để thoát ra

Màn hình thao tác thực hiện in sổ Nhật ký chung



SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
27/12	HD0002284	Bán đồ nội thất			
		Giá vốn hàng bán của hàng hóa	63211	761.653.029	
		Hàng hóa kho	1561		761.653.029
		Phải thu khách hàng	1311	763.530.000	
		Doanh thu bán hàng	51111		763.530.000
		Phải thu khách hàng	1311	76.353.000	
		Thuế GTGT đầu ra	3331		76.353.000
....
31/12	HD0002362	Xuất bán lô hàng nội thất			
		Giá vốn hàng bán	63211	94.627.776	
		Hàng hóa kho	1561		94.627.776
		Phải thu nội bộ	1368	96.517.272	
		Doanh thu nội bộ	51211		96.517.272
		Phải thu nội bộ	1368	9.651.728	
		Thuế GTGT hàng bán	33311		9.651.728
....
31/12	PN251/12	Cty TNHH Thái Hưng trả lại hàng			
		Hàng hóa kho	1561	64.086.364	
		Giá vốn hàng hóa bán	63211		64.086.364
	PK076/12	Giảm trừ doanh thu	5311	65.727.273	
		Thuế GTGT	13311	6.572.727	
		Phải thu khách hàng	1311		72.300.000
....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

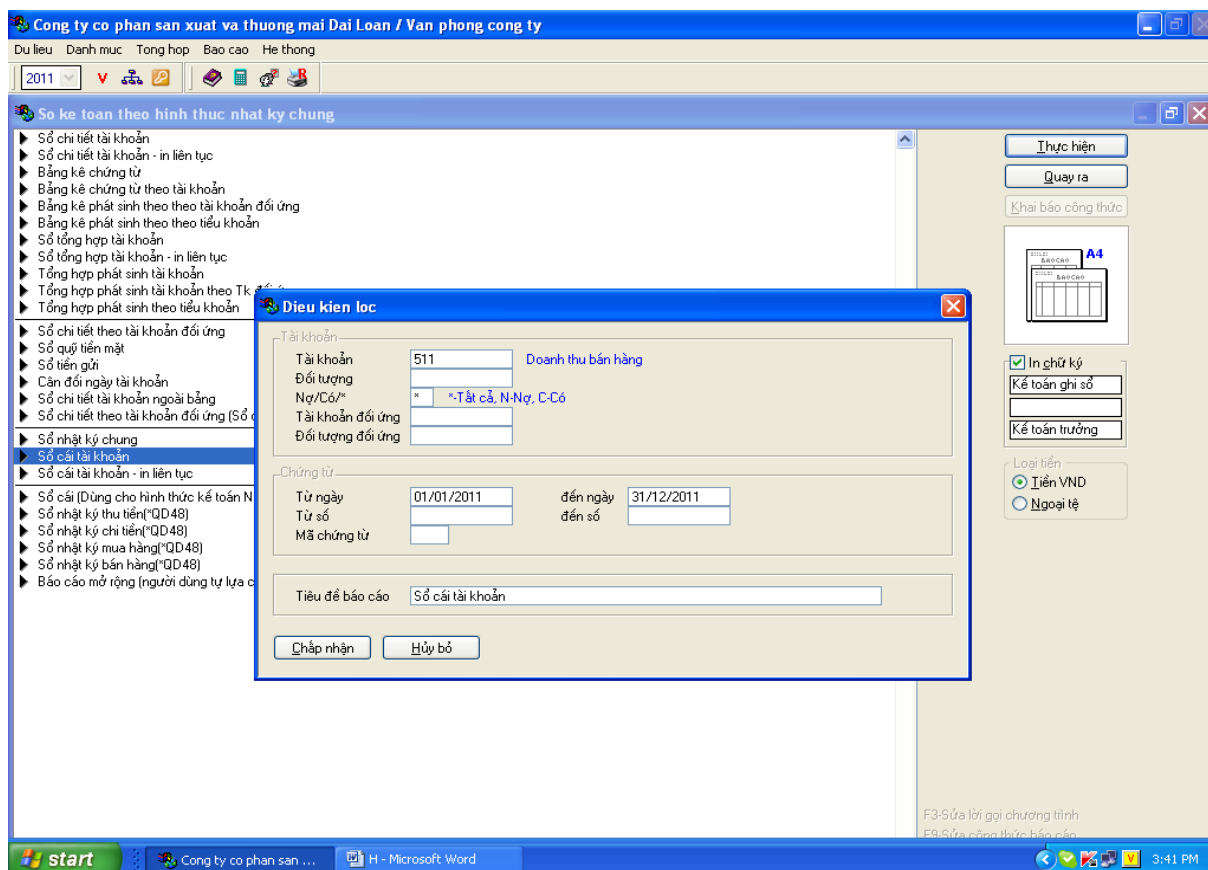
(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Để in ra sổ cái TK 511, TK 512, TK 531, TK 632 kế toán chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung* → *Sổ cái của một tài khoản* → *Thực hiện*
 Tại mục "*Tài khoản*" đánh số hiệu TK 511(TK 512, 531, 632) mục "*Từ ngày đến ngày*" đánh 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Màn hình thao tác thực hiện in Sổ cái



SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
08/12	HĐ 0002185	CN Việt Trì-Lô B6-Khu CN Thụy Vân-Việt Trì-Phú Thọ	Bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		199.727.000
.....
27/12	HĐ0002284	Cty TNHH Thái Hưng	Bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		763.530.000
.....
31/12	HĐ 0002400	CN Cty cổ phần Klassy	Xuất bán lô hàng nội thất kèm bảng kê hóa đơn chi tiết	1311		6.142.000
31/12	PK091/12		Kết chuyển DT hàng bán bị trả lại	5311	3.156.664.185	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 51111 -> 9111	9111	155.255.157.861	
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển DT bán hàng 51112->9111	9111	6.849.657.000	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 51112->9111	9111	1.037.371.819	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 51131->9111	9111	20.015.818.182	
			Tổng số phát sinh		186.314.669.147	186.314.669.147

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....
01/12	HĐ 0001922	CN Cty CPSX&TM Đà Loan- TB	Xuất bán lô hàng nội thất	1368		78.909.091
.....
27/12	HĐ 0002170	CN Cty CPSX&TM Đà Loan- PT	Xuất bán lô hàng nội thất	1368		117.272.728
.....
31/12	HĐ 0002362	CN Cty CPSX&TM Đà Loan- ĐL	Xuất bán lô hàng nội thất	1368		96.517.272
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển DT bán hàng 51211->9111	9111	13.677.052.806	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 51212->9111	9111	14.964.220.442	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 5122->9111	9111	78.660.000	
31/12	PK096/12		Kết chuyển DT bán hàng 5123->9111	9111	282.096.617	
			Tổng số phát sinh		28.976.569.456	28.976.569.456

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
05/12	PK016/12	Công ty TNHH dịch vụ & TM Minh Thắng	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	6.181.820	
.....	
11/12	PK020/12	CN Tổng Cty CP bia rượu HP	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	74.000.000	
13/12	PK022/12	Công ty CP Klassy	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	83.032.000	
29/12	PK053/12	CN Cty CP Klassy	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	7.461.000	
.....	
31/12	PK076/12	Cty TNHH Thái Hưng	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	65.727.273	
31/12	PK091/12	-	Kết chuyển DT hàng bán trả lại 5311→51111	51111		3.156.664.185
			Tổng số phát sinh		3.156.664.185	3.156.664.185

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
08/12	HD 0002185	CN Việt Trì-Phú Thọ	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê chi tiết	1561	190.434.590	
.....
27/12	HD0002284	Cty TNHH Thái Hưng	Xuất bán đồ nội thất	1561	761.653.029	
.....
31/12	HD0002362	CN CTY CPSX&TM Đà Loan-DL	Xuất bán đồ nội thất	1561	94.627.776	
.....
31/12	PN251/12	Cty TNHH Thái Hưng	Hàng bán trả lại	1561		64.086.364
31/12	HD 0002400	→→CN Cty cổ phần Klassy	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê chi tiết	1561	6.010.000	
31/12	PK096/12		Kết chuyển giá vốn hàng bán 63211->9111	9111		139.159.339.243
			Kết chuyển giá vốn hàng bán 63212->9111	9111		4.961.516.385
			Kết chuyển giá vốn hàng bán 63213->9111	9111		14.964.220.442
			Kết chuyển giá vốn hàng bán 6322->9111	9111		1.045.968.727
			Tổng số phát sinh		160.710.996.207	160.710.996.207

Số dư cuối kỳ : 0

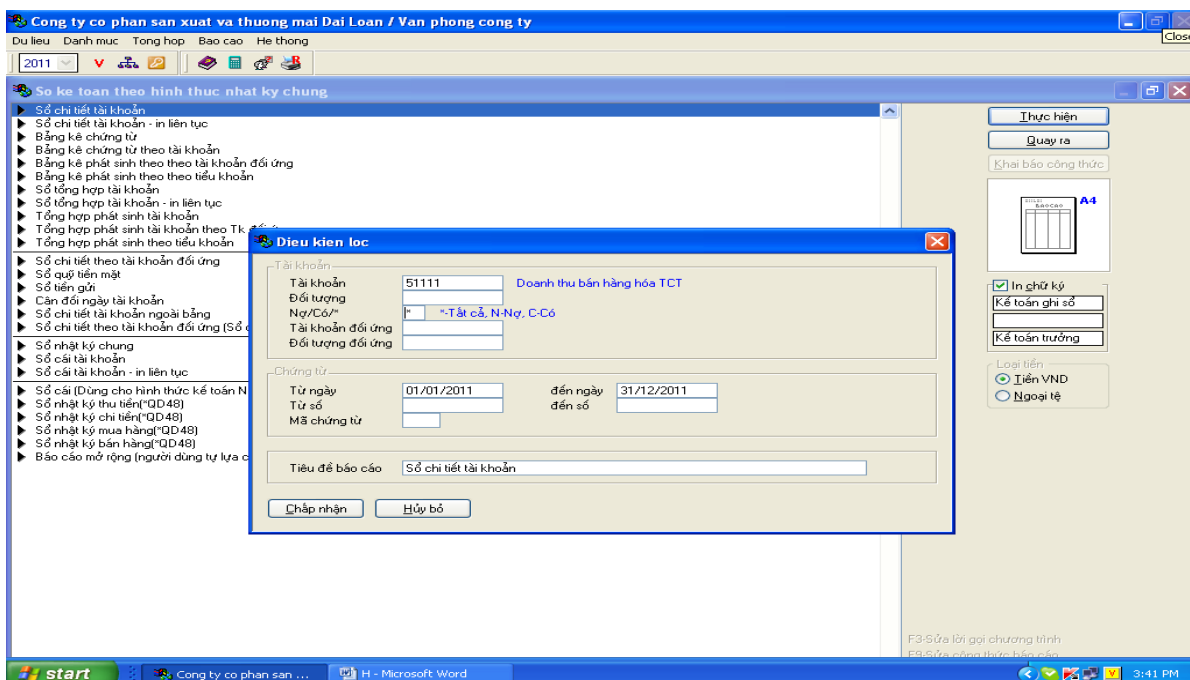
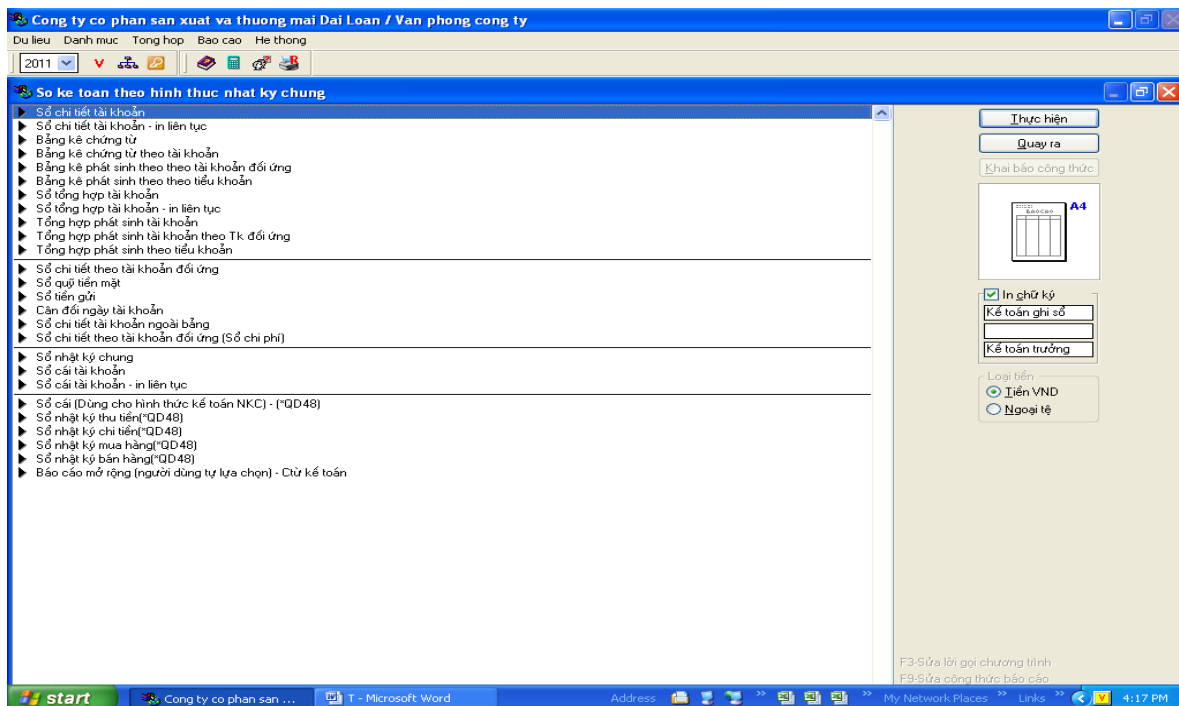
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

- Để in ra sổ chi tiết TK 511(TK 512) kế toán chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung* → *Sổ chi tiết tài khoản* → *Thực hiện*
- Tại mục "*Tài khoản*" đánh số hiệu TK 51111(TK 51211) mục "*Từ ngày đến ngày*" đánh 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Màn hình thao tác thực hiện in Sổ chi tiết TK



SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 51111 - Doanh thu bán hàng hóa TCT
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/12	HD0001877	Cty TNHH Thái Hưng	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		15.115.702
01/12	HD0001878	Cảng vụ Hải Phòng	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		6.636.362
27/12	HD 0002284	Cty TNHH Thái Hưng	Bán buôn lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		763.530.000
31/12	HD 0002400	CN Cty cổ phần Klassy	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1311		6.142.000
31/12	PK091/12		Kết chuyển hàng bán bị trả lại	5311	3.156.664.185	
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển DT bán hàng 51111 -> 9111	9111	155.255.157.861	
			Tổng số phát sinh		158.411.822.846	158.411.822.846

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 51211 - Doanh thu bán hàng hóa chi nhánh độc lập
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/12	HD0001922	CN Cty CPSX&TM Đài Loan	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1368		78.909.091
01/12	HD0001925	CN Cty CPSX&TM Đài Loan	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1368		80.648.000
.....
30/12	HD 0002103	CN Cty CPSX&TM Đài Loan	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1368		90.220.892
30/12	HD 0002188	CN Cty CPSX&TM Đài Loan	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1368		7.727.273
.....
31/12	HD 0002362	CN Cty CPSX&TM Đài Loan	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1368		96.517.272
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển DT bán hàng 51211 -> 9111	9111	13.677.052.806	
			Tổng số phát sinh		13.677.052.806	13.677.052.806

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 5311 – Hàng hóa bán bị trả lại
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
05/12	PK016/12	Công ty TNHH dịch vụ & TM Minh Thắng	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	6.181.820	
.....	
11/12	PK020/12	CN Tổng Cty CP bia rượu HP	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	74.000.000	
13/12	PK022/12	Công ty CP Klassy	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	83.032.000	
29/12	PK053/12	CN Cty CP Klassy	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	7.461.000	
.....	
31/12	PK076/12	Cty TNHH Thái Hưng	Giảm trừ doanh thu hàng bán trả lại	1311	65.727.273	
31/12	PK091/12	-	Kết chuyển DT hàng bán trả lại 5311→51111	51111		3.156.664.185
			Tổng số phát sinh		3.156.664.185	3.156.664.185

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 63211- Giá vốn hàng hóa của TCT
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
01/12	HD 0001877	Cty CP xây dựng và thương mại Thùy Linh	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê hóa đơn bán hàng chi tiết	1561	7.800.000	
.....
08/12	HD 0002185	CN Việt Trì-Phú Thọ	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê chi tiết	1561	190.434.590	
.....
27/12	HD0002284	Cty TNHH Thái Hưng	Xuất bán đồ nội thất	1561	761.653.029	
.....
31/12	HD0002362	CN CTY CPSX&TM Đài Loan-ĐL	Xuất bán đồ nội thất	1561	94.627.776	
.....
31/12	PN251/12	Cty TNHH Thái Hưng	Hàng bán trả lại	1561		64.086.364
31/12	HD 0002400	CN Cty cổ phần Klassy	Xuất bán lô hàng nội thất kèm theo bảng kê chi tiết	1561	6.010.000	
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển giá vốn hàng bán 63211->9111	9111		139.159.339.243
			Tổng số phát sinh		139.739.290.653	139.739.290.653

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 641 "Chi phí bán hàng"

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí bán hàng
- + TK 6412 : Chi phí vật liệu, bao bì
- + TK 6413 : Chi phí phân bổ
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6415: Chi phí bảo hành
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

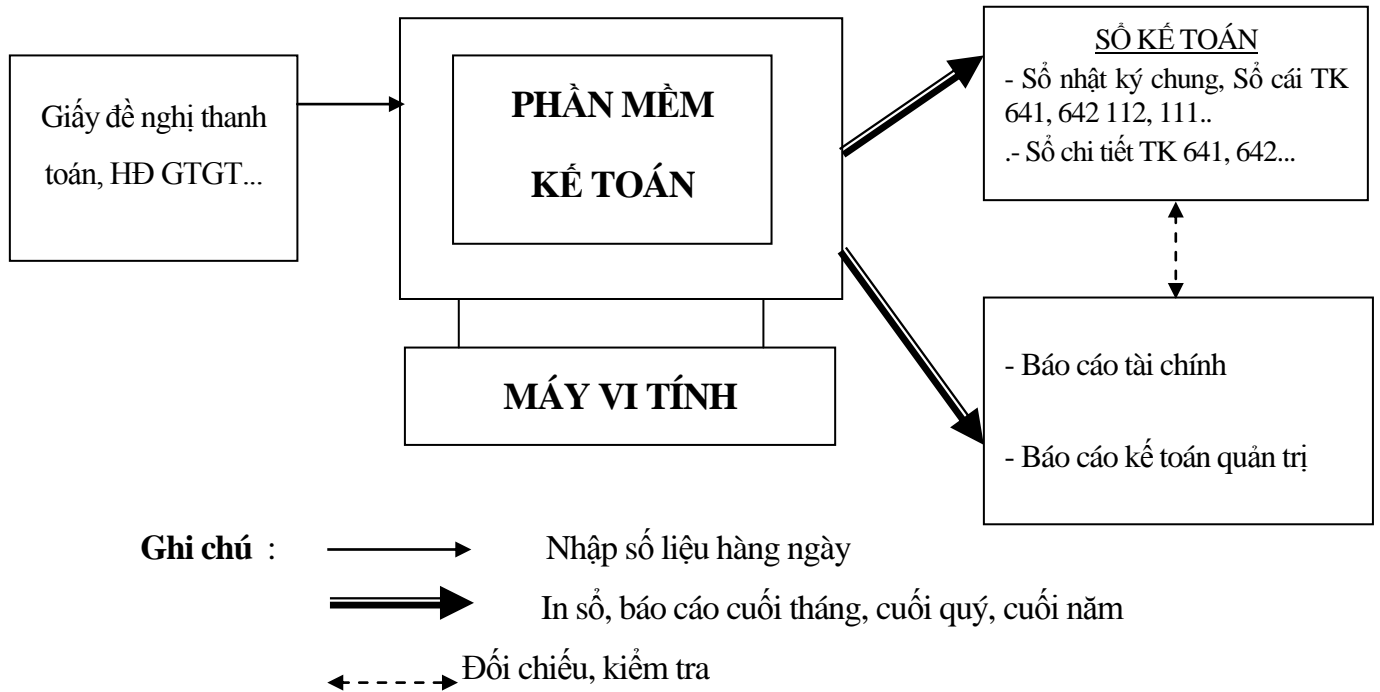
➤ TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

✓ Các TK cấp 2, cấp 3

- TK 6421: Chi phí quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí phân bổ
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 64241: Chi phí khấu hao của tài sản cố định
 - + TK 64242: Chi phí trích trước sửa chữa lớn TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí quản lý dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần SX&TM Đà Loan



❖ **Ví dụ minh họa về kế toán chi phí bán hàng:**

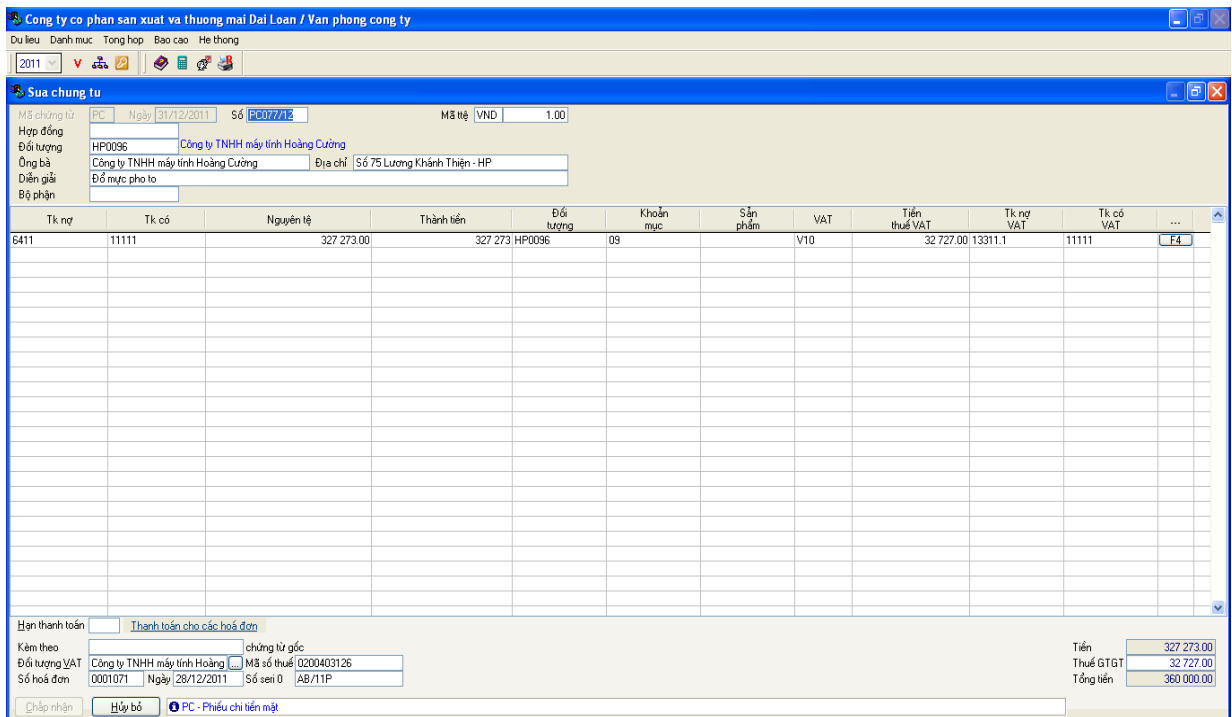
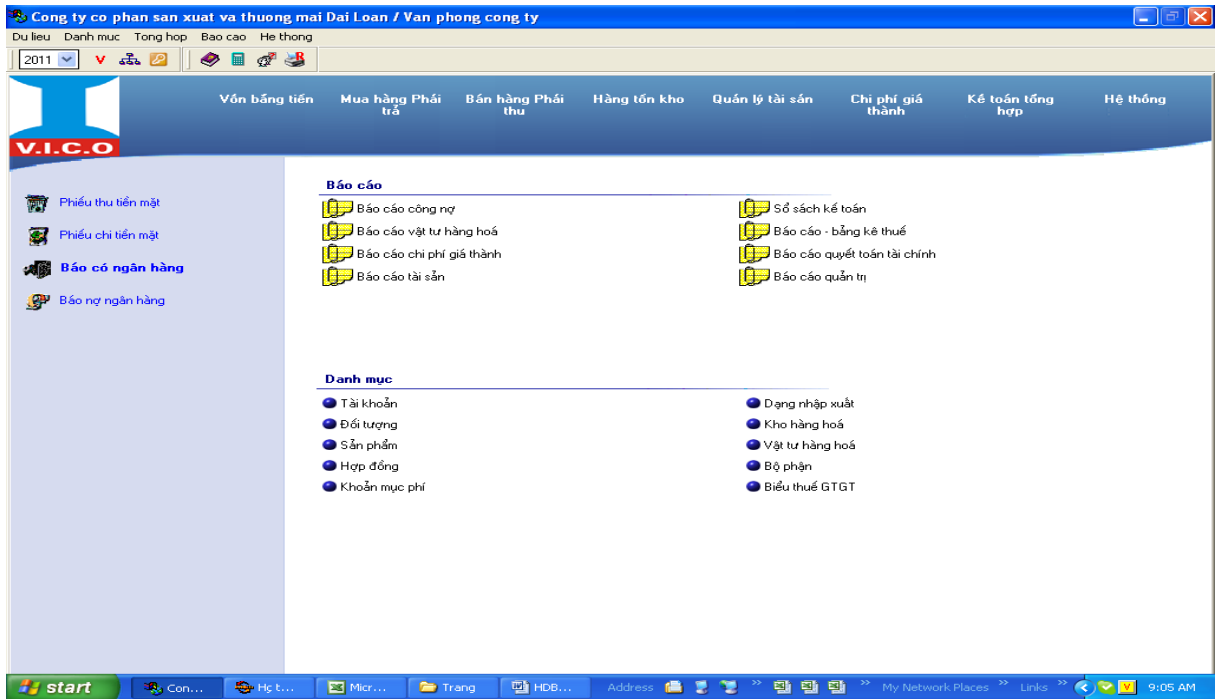
Ngày 28/12/2011 mua mực đổ máy photo của Công ty TNHH máy tính Hoàng Cường. Tổng cộng tiền thanh toán là 360.000 (VAT 10%), trả bằng tiền mặt.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001071

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3-001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: AB/11P			
(Liên 2: Giao cho khách hàng)		Số: 0001071			
Ngày 28 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Máy tính Hoàng Cường					
Địa chỉ: Số 75 Lương Khánh Thiện- HP					
Điện thoại:		MST: 0200403126			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần SX&TM Đài Loan					
Địa chỉ: Số 10- Hoàng Diệu					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		MST: 0200493553			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Mực máy in	Thùng	01	327.273	327.273
Cộng tiền hàng :				327.273	
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:		32.727	
Tổng cộng tiền thanh toán:				360.000	
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001071, kí hiệu AB/11P, kế toán nhập vào phần mềm VICO theo các bước. Từ màn hình window, kích chọn biểu tượng phần mềm/ Khai báo tên và mật khẩu người sử dụng, kế toán vào phân hệ *Vốn bằng tiền* để lập *Phiếu chi tiền mặt* trên phần mềm máy tính

Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 641



CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM ĐÀI LOAN

Địa chỉ: 18 Tô Hiệu-Lê Chân-HP

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PC077/12

Nợ TK : 6411,1331

Có TK : 1111

Họ tên người nhận tiền : Lê Văn Vương

Địa chỉ: NV phòng HC- Cty CP SX&TM Đài Loan

Lý do chi: Thanh toán tiền mua mực đồ máy photo

Số tiền: 360.000 (Viết bằng chữ): Ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

P.Giám đốc Tc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Kí, họ tên, đóng dấu)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)	(Kí, họ tên)
Giang Thanh Hải	Lê Thị Thanh Thúy	Nguyễn Thị Hoạt	Bùi Thị Ánh Tuyết	Lê Văn Vương

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

❖ **Ví dụ minh họa về kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Ngày 31/12/2011 thanh toán tiền nước uống Lavie văn phòng công ty tháng 12/2011, tổng cộng tiền thanh toán là 1.408.000(VAT 10%). Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0002031

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3-001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu: AA/11P		
(Liên 2: Giao cho khách hàng)			Số: 0002031		
Ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Hòa Hưng					
Địa chỉ: 6/454 Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng					
Điện thoại: MST: 0200613388					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần SX&TM Đài Loan					
Địa chỉ: 18-Tô Hiệu-Lê Chân-HP					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0200493553					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Nước Lavie	Bình 19l	26	49.230	1.280.000
Cộng tiền hàng :				1.280.000	
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:		128.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:				1.408.000	
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, ghi rõ họ tên)		(Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0002031, kí hiệu AA/11P, kế toán nhập vào phần mềm VICO theo các bước. Từ màn hình window, kích chọn biểu tượng phần mềm/ Khai báo tên và mật khẩu người sử dụng, kế toán vào phân hệ *Vốn bằng tiền* để lập *phiếu chi tiền mặt* trên phần mềm máy tính.

Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6421

Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2011

Sua chung tu

Mã chứng từ: PC Ngày: 31/12/2011 Số: PC069/12 Mã tệ: VND 1.00 Ngày tu 01/01/2012 den 31/12/2011

Hợp đồng: HP0088 Công ty TNHH TM Hoà Hưng

Đối tượng: Công ty TNHH TM Hoà Hưng Địa chỉ: 6/454 Lạch Tray - Ngô Quyền - HP

Ông bà: Thanh toán tiền nước Lavie tháng 12/2011

Bộ phận:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	...
6421	11111	1 280 000.00	1 280 000	HP0088	DT		V10	128 000.00	13311.1	11111	F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc Tiền: 1 280 000.00

Đối tượng VAT: Công ty TNHH TM Hoà Hưng Mã số thuế: 0200613388 Thuế GTGT: 128 000.00

Số hoá đơn: 0002031 Ngày: 31/12/2011 Số seri: AA/10P Tổng tiền: 1 408 000.00

Chấp nhận: Hủy bỏ PC - Phiếu chi tiền mặt

Mẫu số: 02 - TT

CÔNG TY CỔ PHẦN SX&TM ĐÀI LOAN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày

Địa chỉ: 18 Tô Hiệu-Lê Chân-HP

20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : **PC069/12**

Nợ TK : 6421,1331

Có TK : 1111

Họ tên người nhận tiền : **PHẠM THỊ THANH**

Địa chỉ: NV tạp vụ

Lý do chi: Thanh toán tiền nước uống Lavie

Số tiền: 1.408.000 (Viết bằng chữ): Một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

P.Giám đốc Tc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Kí, họ tên,

đóng dấu)

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

(Kí, họ tên)

GiangThanh Hải

Lê Thị Thanh Thúy

Nguyễn Thị Hoạ

Bùi Thị Ánh Tuyết

Phạm Thị Thanh

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê HP			
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		14.410.000
....
14/12	PT022/12	Thu tiền hàng HĐ0002201			
		Tiền mặt TCT	11111	4.730.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		4.730.000
....
31/12	BC17/12	Lãi số dư ngân hàng Công thương VN			
		Tiền gửi VNĐ Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
....
31/12	PC069/12	Tiền nước uống Lavie			
		Chi phí quản lý	6421	1.280.000	
		Tiền mặt	11111		1.280.000
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1331	128.000	
		Tiền mặt	11111		128.000
.....
31/12	PC077/12	Đồ mực photo cho máy tính ở cửa hàng			
		Chi phí bán hàng	6411	327.273	
		Tiền mặt	1111		327.273
		Thuế GTGT được khấu trừ	1331	32.727	
		Tiền mặt	1111		32.727
.....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 641- Chi phí bán hàng
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
01/12	PC 002/12	Trần Hoài Thu	Thanh toán tiền mua Eboxi	11111	95.000	
01/12	PC003/12	Trần Hoài Thu	Thanh toán tiền mua keo	11111	60.000	
.....
06/12	PC 011/12	Công ty thông tin di động	Thanh toán tiền Cước điện thoại	11111	968.690	
10/12	PC 019/12	Đào Trung Sơn	Thanh toán tiền bọc lại ghế sofa	11111	6.200.000	
.....
28/12	PC077/12	Cty TNHH máy tính Hoàng Cường	Đổ mực photo cho máy tính ở cửa hàng	1111	327.273	
.....
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển CP bán hàng 6411->9111	9111		12.403.839.532
			Kết chuyển CP bán hàng 6412->9111	9111		31.357.544
			Kết chuyển CP bán hàng 6413->9111	9111		34.012.627
			Kết chuyển CP bán hàng 6414->9111	9111		58.390.138
			Kết chuyển CP bán hàng 6417->9111	9111		2.750.193.585
			Kết chuyển CP bán hàng 6418->9111	9111		4.280.000
			Tổng số phát sinh		15.282.073.426	15.282.073.426

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

Người ghi sổ

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6411 – Chi phí bán hàng
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
01/12	PC002/12	Trần Hoài Thu	Thanh toán tiền muaeboxit	11111	95.000	
....
10/12	PC019/12	Đào Trung Sơn	Thanh toán tiền bọc lại 1 ghế sofa	11111	6.200.000	
....
13/12	PK021/12	Công ty CP tin học Hồng Lợi	In tem dán kiện hàng	3311	7.567.980	
17/12	PK027/12	Công ty CP GNKV ngoại thương	Phí thuê kho T12	3311	355.857.783	
....
31/12	PC077/12	Cty TNHH máy tính Hoàng Cường	Đồ mực photo máy tính cửa hàng	11111	327.273	
....
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển chi phí bán hàng 6411→9111	9111		12.403.839.532
			Tổng số phát sinh		12.403.839.532	12.403.839.532

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
01/12	PC004/12	Giang Thanh Hải	TT chi phí công tác Q7	11111	955.000	
01/12	PK001/12	Cty TNHH DELOITTE.	Chi phí kiểm toán BCTC năm 2011	335	168.000.000	
.....
17/12	PK029/12	CTY TNHH DELOITTE	Chênh lệch tỷ giá	3311	21.221.500	
.....
31/12	PC069/12	Công ty TNHH TM Hòa Hưng	Tiền nước uống Lavie tháng 12	1111	1.280.000	
.....
31/12	PK096/12		Kết chuyển CP QLDN 6421->9111	9111		11.277.397.392
31/12			Kết chuyển CP QLDN 6422->9111	9111		1.820.818
			Kết chuyển CP QLDN 6423->9111	9111		190.291.205
			Kết chuyển CP QLDN 6424->9111	9111		990.054.503
			Kết chuyển CP QLDN 6425->9111	9111		135.157.939
			Kết chuyển CP QLDN 6427->9111	9111		204.678.792
			Kết chuyển CP QLDN 6428->9111	9111		2.627.825
			Tổng số phát sinh		12.947.687.551	12.947.687.551

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6421 – Chi phí quản lý
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
01/12	PC004/12	Giang Thanh Hải	Thanh toán chi phí công tác Q7	11111	995.000	
....
01/12	PK001/12	Công ty TNHH DELOITTE	Chi phí kiểm toán BCTC năm 2011	335	168.000.000	
....
22/12	PC044/12	Công ty TNHH một thành viên Minh Tiến	Thanh toán mua 30gram giấy A4	11111	1.663.636	
....
31/12	PC069/12	Cty TNHH TM Hoà Hưng	Tiền nước uống Lavie tháng 12	11111	1.280.000	
31/12	PK095/12		Điều chỉnh thuế TNCN năm 2010	3341		7.149.077
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển chi phí quản lý 6421→9111	9111		11.277.397.392
			Tổng số phát sinh		11.284.546.469	11.284.546.469

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.3.1. Tổ chức kế toán doanh thu hoạt động tài chính. Tài khoản này doanh nghiệp dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia; các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ Chứng từ sử dụng:

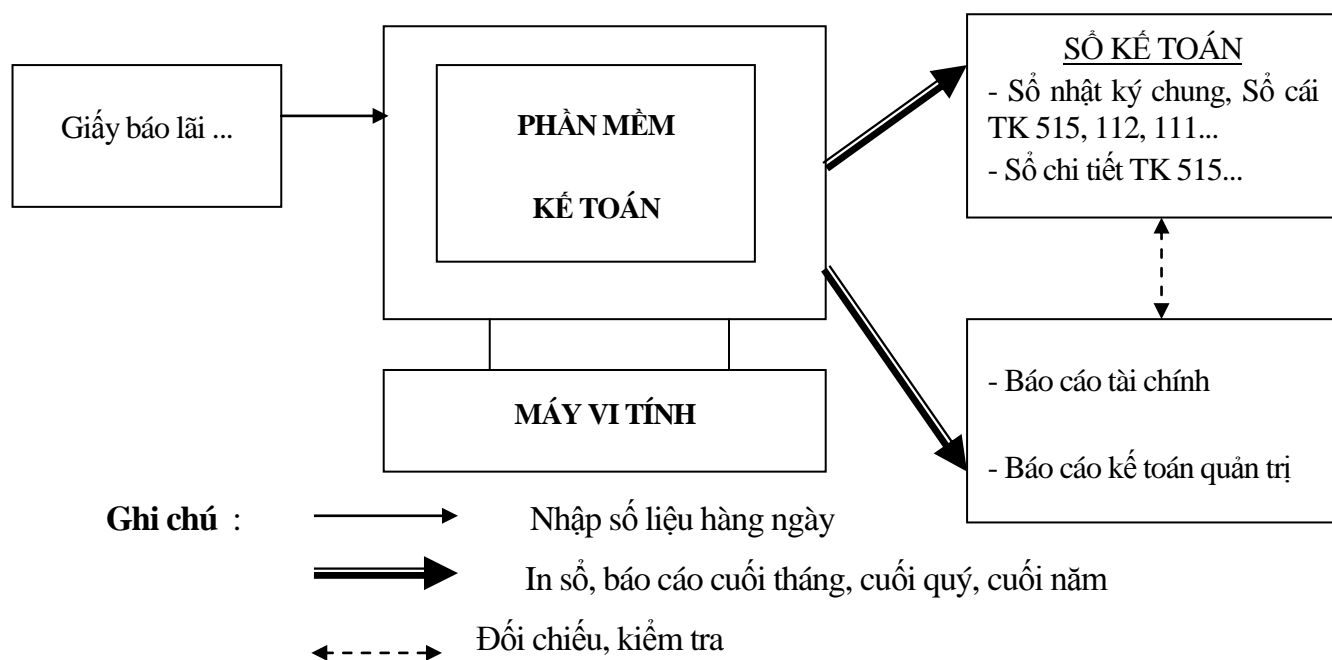
- Giấy báo lãi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK 5153: Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư chứng khoán
 - + TK 5154: Lãi tiền gửi ngân hàng
 - + TK 5158: Doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần SX&TM Đà Loan



❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12/2011, công ty nhận được báo lãi tiền gửi ngân hàng T12/2011 của ngân hàng Công thương Việt Nam (chi nhánh Kiến An-HP), số tiền 2.275.488 đ.

GIẤY BÁO LÃI

Từ ngày 01/12/2011 đến hết ngày 31/12/2011

Kính gửi: **CÔNG TY CP SX&TM ĐÀI LOAN**

Tài khoản số **10201-0000203221**

Loại tiền tệ: VND

Mở tại **Ngân hàng Công thương chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:**

Lãi suất 2,4% /năm - Số tiền VNĐ : 2.275.488

Ngân hàng: CN KIEN AN NHTMCP CONG THUONG VN

Kính báo

Người lập bảng

Kiểm soát viên

Căn cứ vào giấy báo lãi của ngân hàng Công thương Việt Nam, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để nhập số liệu vào *Giấy báo có (thu)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy.

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2011

Sua chung tu

Mã chứng từ: BC Ngày: 31/12/2011 Số: 017 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: NH0003 Ngân hàng công thương VN

Đối tượng: Ngân hàng công thương VN Địa chỉ: Phòng giao dịch Kiến An(129 Trần Thành Ngọ-K)

Ông bà: Lãi số dư

Bộ phận:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	...
11212	5154	2 275 488.00	2 275 488	NH0003							F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc

Đối tượng VAT: Mã số thuế

Số hoá đơn: Ngày / / Số seri 0

Tiền: 2 275 488.00

Thuế GTGT: 0.00

Tổng tiền: 2 275 488.00

Chấp nhận Hủy bỏ BC - Báo cáo ngân hàng

- Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, Sổ chi tiết TK 5154.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê Hải Phòng			
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		14.410.000
....
13/12	PK022/12	DT hàng bán trả lại			
		Doanh thu hàng bán trả lại	5311	83.032.000	
		Phải thu khách hàng	1311		83.032.000
		VAT hàng bán trả lại	1331	8.303.200	
		Phải thu khách hàng	1311		8.303.200
....
14/12	PT022/12	Thu tiền hàng HD0002201			
		Tiền mặt TCT	11111	4.730.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		4.730.000
....
31/12	BC17/12	Lãi số dư ngân hàng Công thương VN			
		Tiền gửi VNĐ Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
.....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
24/12	BC09/12	Ngân hàng Á Châu	Lãi số dư	11217		3.593
25/12	BC010/12	Ngân hàng đầu tư và phát triển	Lãi số dư	11215		17.723
28/12	PK051/12		KC chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		136.750.196
31/12	BC015/12	Ngân hàng Ngoại thương	Lãi số dư	11218		36.169
31/12	BC016/12	Ngân hàng Ngoại thương	Lãi số dư	11218		19.163
31/12	BC17/12	Ngân hàng Công thương VN	Lãi số dư	11212		2.275.488
31/12	BC019/12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Lãi số dư	11216		9.424
31/12	PK096/12		K/c DT hoạt động tài chính 5154->9112	9112	84.583.364	
			K/c DT hoạt động tài chính 5158->9112	9112	136.750.196	
			Tổng số phát sinh		221.333.560	221.333.560

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S38-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5154 - Lãi tiền gửi ngân hàng

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
24/12	BC09/12	Ngân hàng Á Châu	Lãi số dư	11217		3.593
25/12	BC010/12	Ngân hàng đầu tư và phát triển	Lãi số dư	11215		17.723
31/12	BC015/12	Ngân hàng Ngoại thương	Lãi số dư	11218		36.169
31/12	BC016/12	Ngân hàng Ngoại thương	Lãi số dư	11218		19.163
31/12	BC17/12	Ngân hàng Công thương VN	Lãi số dư	11212		2.275.488
31/12	BC019/12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Lãi số dư	11216		9.424
31/12	PK096/12		K/c DT hoạt động tài chính 5154 -> 9112	9112	84.583.364	
			Tổng số phát sinh		84.583.364	84.583.364

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.3.2. Tổ chức kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Tài khoản này được dùng chủ yếu để phản ánh chi phí lãi vay ngân hàng

❖ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

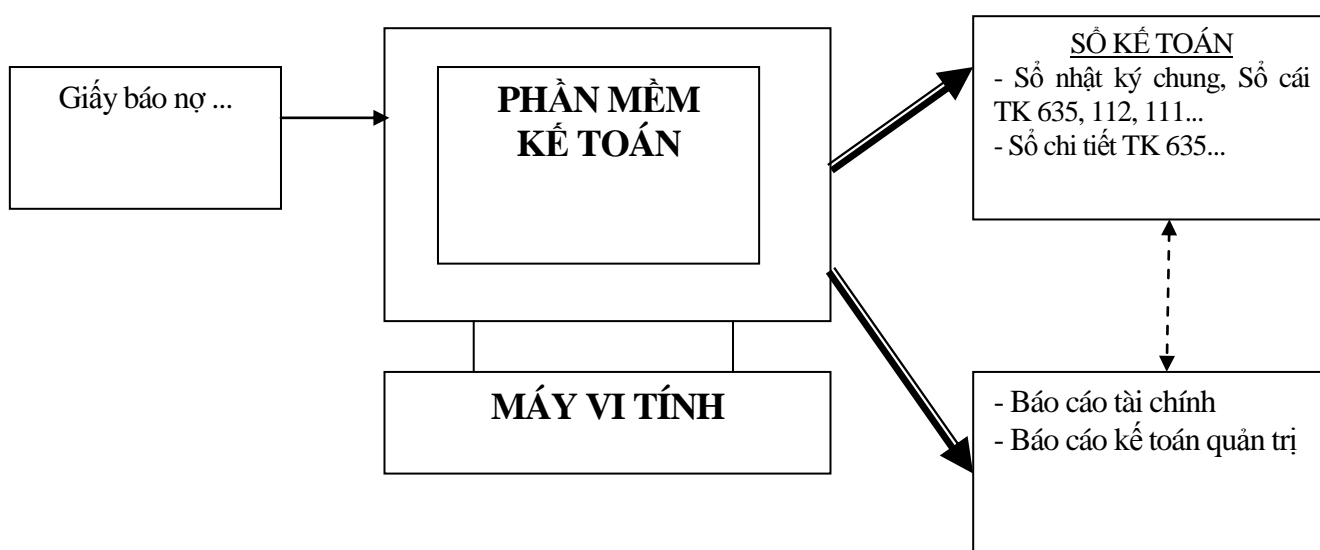
➤ TK 635: Chi phí tài chính

✓ Các tài khoản cấp 2:

- + TK 6354: Chi phí lãi vay ngân hàng
- + TK 6358: Chi phí đầu tư tài chính khác

❖ Phương pháp hạch toán chi phí tài chính:

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←- - -> Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ:** Ngày 15/12 Công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Việt Nam về lãi món vay 1.604.210.640đ phải trả, số tiền 4.725.000 đ.

Ngân hàng công thương Vn

Ma GDV:

Chi nhánh: Kien An- HP

Ma KH

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 15-12-2011

Kính gửi: **CTY CP SX&TM ĐAI LOAN**

Ma số thuế: **0200493553**

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NO tại khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NO: **10201-0000203221**

Số tiền bằng số: **4.725.000**

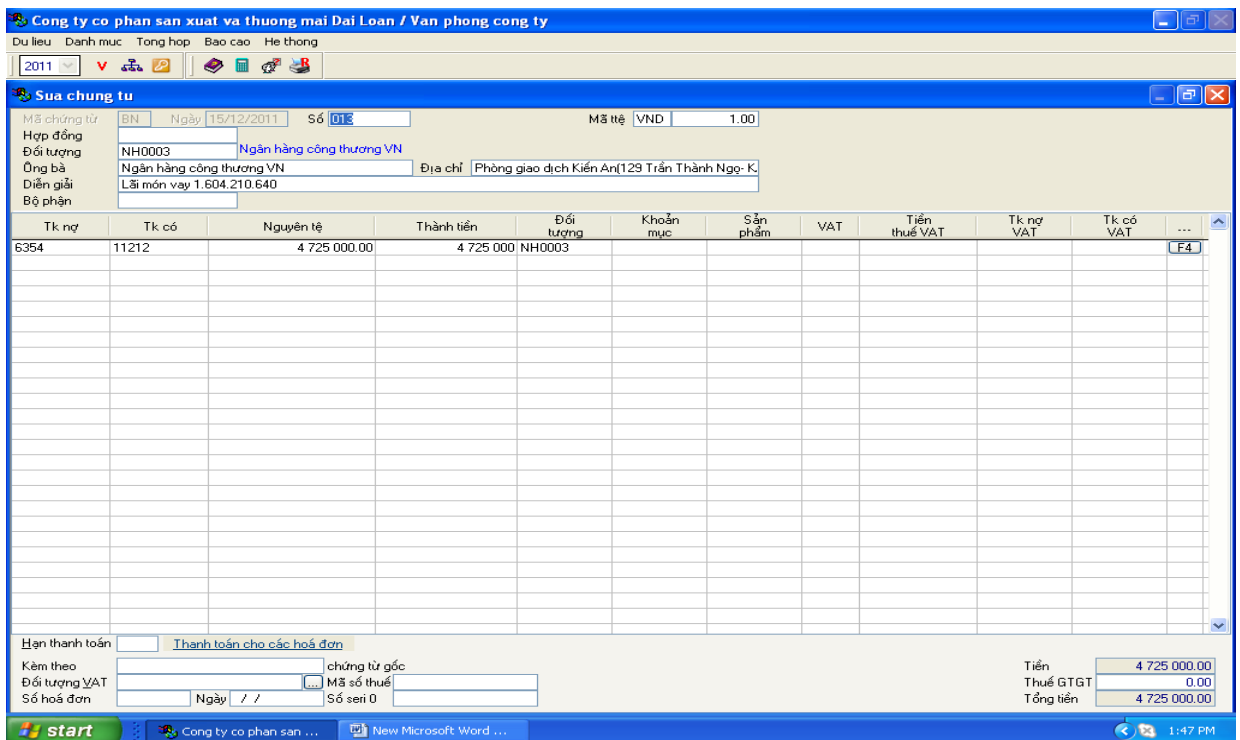
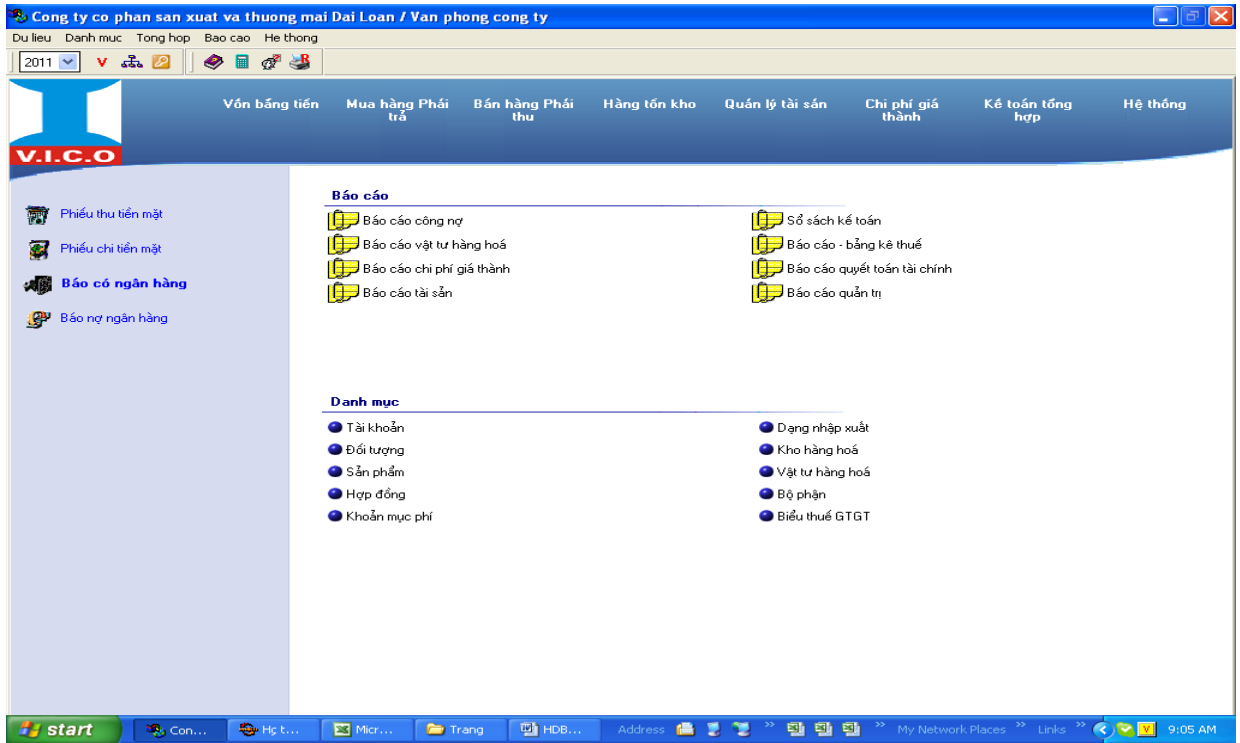
Số tiền bằng chữ: **Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn**

Nội dung: **Lãi món vay 1.604.210.640**

Giao dịch viên

Kiểm soát

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng Công thương VN, kế toán vào phân hệ *Vốn bằng tiền*, Báo cáo công nợ nhập số liệu vào *Giấy báo nợ (chi)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 6354.



SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê HP		
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		14.410.000
....
15/12	BN13/12	Lãi món vay 1.604.210.640			
		Chi phí tài chính	6354	4.725.000	
		Tiền gửi ngân hàng Công thươngVN	11212		4.725.000
....
31/12	HD0002400	Xuất bán đồ nội thất			
		Giá vốn hàng bán của hàng hóa	6321	6.010.000	
		Hàng hóa kho	1561		6.010.000
....
		Phải thu khách hàng	1311	6.142.000	
		Doanh thu bán hàng	5111		6.142.000
		Phải thu khách hàng	1311	614.200	
		Thuế GTGT đầu ra	33311		614.200
31/12	BC17/12	Lãi số dư NH Công thương VN			
		Tiền gửi VNĐ Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 635 - Chi phí tài chính
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
15/12	BN13/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 1.604.210.640	1122	4.725.000	
16/12	BN16/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 4.000.000.000	1122	24.569.445	
16/12	BN17/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 795.875.824	1122	5.482.700	
19/12	BN21/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 5.734.323.036	1122	60.363.335	
20/12	BN25/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi vay từ 20/10-22/11/2011	1122	1.287.685.705	
31/12	PK077/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi vay phải trả đến 31/12/2011	335	568.117.347	
31/12	PK096/12		Kết chuyển chi phí lãi vay 6354→9112	9112		13.510.267.118
			Tổng số phát sinh		13.510.267.118	13.510.267.118

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6354 - Chi phí lãi vay ngân hàng
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...
15/12	BN13/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 1.604.210.640	1122	4.725.000	
16/12	BN16/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 4.000.000.000	1122	24.569.445	
16/12	BN17/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 795.875.824	1122	5.482.700	
19/12	BN21/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi món vay 5.734.323.036	1122	60.363.335	
20/12	BN25/12	Ngân hàng công thương VN	Lãi vay từ 20/10-22/11/2011	1122	1.287.685.705	
...
31/12	PK096/12		Kết chuyển chi phí lãi vay 6354→9112	9112		13.510.267.118
			Tổng số phát sinh		13.510.267.118	13.510.267.118

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.

2.2.4.1. Tổ chức kế toán thu nhập khác. Sử dụng để phản ánh các khoản thu nhập khác từ nghiệp vụ nhượng bán thanh lý tài sản cố định; thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ phải trả khó đòi đã xử lý xóa sổ...

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ TK 711 "Thu nhập khác"

+ Các TK cấp 2: TK 7111: Nhượng bán thanh lý tài sản cố định

TK 7112: Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ

TK 7113: Các khoản thuế được NS nhà nước hoàn lại

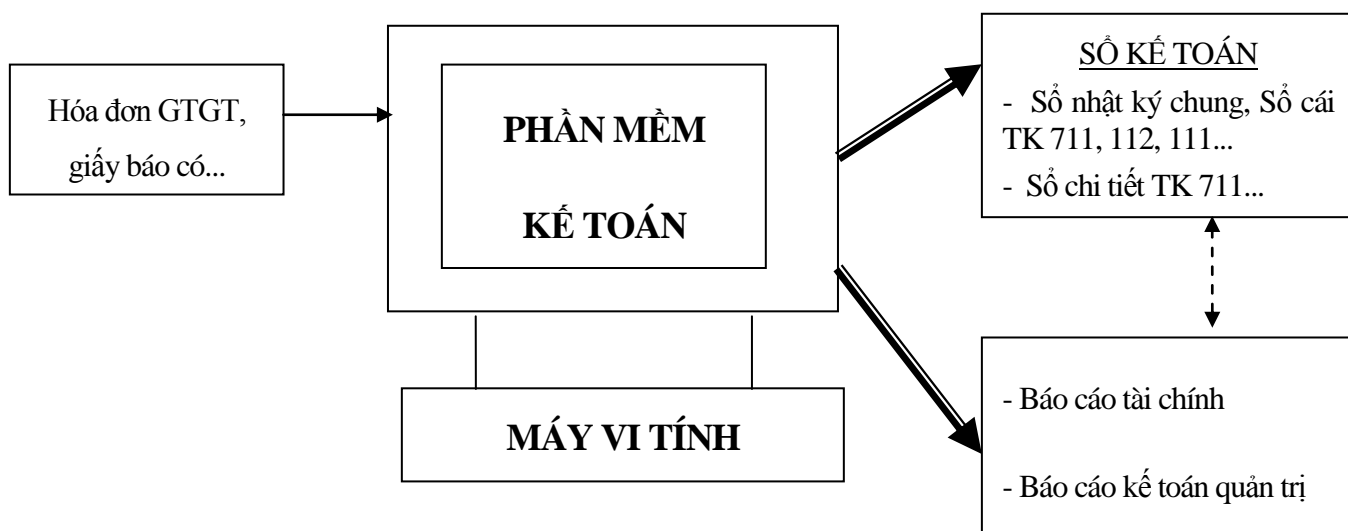
TK 7114: Nhượng bán phế liệu phế phẩm

TK 7118: Các khoản thu nhập khác

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán thu nhập khác

tại Công ty CP SX&TM Đài Loan



Ghi chú :

→ Nhập số liệu hàng ngày

==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm

<-.-> Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ:** Ngày 31/5/2011 thu hồi tiền đặt cọc do khách hàng không lấy hàng nữa

Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan

Địa chỉ: Số 18 Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Mã số thuế: 0200493553

Mẫu số: 01-TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU THU

Ngày 20 tháng 5 năm 2011

Số:023/5

Nợ TK 111

Có TK 1312

Họ và tên người nộp tiền: : Đỗ Thị Nhung

Địa chỉ: Quận 7- Hồ Chí Minh

Lý do nộp: Thu tiền đặt cọc hàng

Số tiền: 300.000 VND (*viết bằng chữ*) : Ba trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo:

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nộp tiền
(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)	(<i>Ký, họ tên</i>)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): : Ba trăm nghìn đồng chẵn.

Căn cứ vào phiếu thu số PT023/5 kê toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kê toán* → F2 trên phần mềm để lập Phiếu kê toán số PK040/05. Sau khi đã nhập xong số liệu nhấn *Ctrl+Enter* để lưu, nhấn *F7* để in ra. Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách liên quan.

Sua chung tu

Mã chứng từ: PK Ngày: 31/05/2011 Số: PK040/05 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng:
 Đối tượng: Đỗ Thị Như Quỳnh
 Ông bà: Đỗ Thị Như Quỳnh Địa chỉ: Q7-HCM
 Diễn giải: Thu hồi tiền đặt cọc do khách không lấy hàng nữa
 Bộ phận:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	...
1312	7118	300 000.00	300 000	Q7-42							F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc
 Đối tượng VAT: Mã số thuế
 Số hoá đơn: Ngày / / Số seri 0

Tiền: 300 000.00
 Thuế GTGT: 0.00
 Tổng tiền: 300 000.00

CÔNG TY CPSX&TM ĐÀI LOAN

Số : PK040/05

18 Tô Hiệu-Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 05 năm 2011

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số					
20/5	PT023/5	Thu hồi tiền đặt cọc do khách không lấy hàng	1312	7118	300.000	
		TỔNG CỘNG			300.000	

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
31/5	PK040/05	Thu hồi tiền đặt cọc do khách không lấy hàng			
		Phải thu khách hàng	1312	300.000	
		Thu nhập khác	7118		300.000
....
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê Hải Phòng			
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		14.410.000
....
14/12	PT022/12	Thu tiền hàng HD0002201			
		Tiền mặt TCT	11111	4.730.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		4.730.000
.....
31/12	BC17/12	Lãi số dư ngân hàng Công thương VN			
		Tiền gửi VNĐ Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN
Tài khoản 711- Thu nhập khác
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
28/01	PK095/01	Công ty CP thương mại TD	Bán xe ô tô con 4 chỗ	1311		3.636.363.363
31/05	PK040/05	Đỗ Thị Nhường	Thu hồi tiền đặt cọc do khách không lấy hàng	1312		300.000
01/06	PK005/06	Công ty cổ phần Klassy	Góp vốn theo bảng kê số 1	2141		12.215.877
...
27/06	PT049/06	Khách lẻ	Bán ô tô Huyndai 16H5323	1111		23.500.000
31/12	PK096/12		K/c xác định kết quả kinh doanh	9113	4.691.664.403	
			Tổng số phát sinh		4.691.664.403	4.691.664.403
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 7118 – Các khoản thu nhập khác

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/05	PK040/05	Đỗ Thị Nhưòng	Thu hồi tiền đặt cọc do khách không lấy hàng	1312		300.000
01/06	PK005/06	Công ty cổ phần Klassy	Góp vốn theo bảng kê số 1	2141		12.215.877
.....
31/12	PK096/12		K/c xác định kết quả kinh doanh	9113	1.031.800.767	
			Tổng số phát sinh		1.031.800.767	1.031.800.767
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

2.2.4.2. Tổ chức kế toán chi phí khác. Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của công ty như chi thanh lý nhượng bán TSCĐ; chênh lệch lỗ do đánh giá lại VT, HH, TSCĐ đưa đi góp vốn; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; phạt thuế, truy nộp thuế...

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 811 "Chi phí khác"**

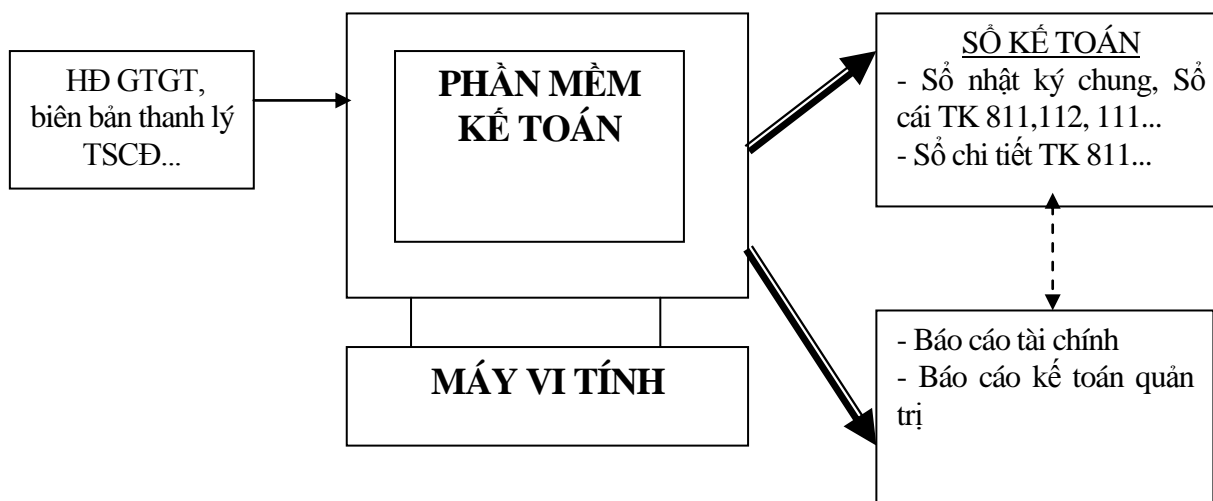
✓ Các TK cấp 2:

- + TK 8111: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- + TK 8112: Chênh lệch lỗ do đánh giá lại VT, HH, TSCĐ đưa đi góp vốn
- + TK 8113: Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- + TK 8114: Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- + TK 8117: Chi phí mất hàng
- + TK 8118: Chi phí bất thường khác

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại

Đài Loan



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ:** Ngày 31/12 kết chuyển chi phí không chịu thuế TNDN

Kế toán nhập vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Phiếu kế toán* → F2 để làm mới. Sau khi nhập số liệu vào phần mềm nhấn *Ctrl+Enter* để lưu, F7 để in ra.

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2011

Sua chung tu

Mã chứng từ: PK Ngày: 31/12/2011 Số: PK089/12 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: NB0028 Đối tượng: Nguyễn Thị Kim Dung

Ông bà: Nguyễn Thị Kim Dung Địa chỉ: Nhân viên kế toán Cty CP SX & TM Đài Loan

Diễn giải: K/c chi phí không chịu thuế TNDN

Bộ phận:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	...
4212	8118	129 860 827.00	129 860 827	NB0028							F4
4212	8118	2 450 000.00	2 450 000	NB0028							F4
4212	8117	32 501 824.00	32 501 824	NB0028							F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc

Tiền: 164 812 651.00
Thuế GTGT: 0.00
Tổng tiền: 164 812 651.00

start New Microsoft Word ... Cong ty co phan san ... 2:20 PM

PHIẾU KẾ TOÁN*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số					
		K/c chi phí không chịu thuế TNDN	4212	8118	132.310.827	
		K/c chi phí không chịu thuế TNDN	4212	8117	32.501.824	
		TỔNG CỘNG			164.812.651	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu**Kế toán trưởng**

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê Hải Phòng			
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu khách hàng	1311		14.410.000
....
14/12	PT022/12	Thu tiền hàng HD0002201			
		Tiền mặt TCT	11111	4.730.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		4.730.000
....
31/12	BC17/12	Lãi số dư ngân hàng Công thương VN			
		Tiền gửi VNĐ Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
31/12	PC069/12	Tiền nước uống Lavie			
		Chi phí quản lý	6421	1.280.000	
		Tiền mặt	11111		1.280.000
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1331	128.000	
		Tiền mặt	11111		128.000
31/12	PK089/12	K/c chi phí không chịu thuế TNDN			
		Lợi nhuận chưa phân phối	4212	132.310.827	
		Chi phí bất thường khác	8118		132.310.827
		Lợi nhuận chưa phân phối	4212	32.501.824	
		Chi phí mất hàng	8117		32.501.824
.....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 811- Chi phí khác
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
..
30/12	PC 060/12		Nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính	1111	2.450.000	
31/12	PK079/12	Công ty CP GNKV ngoại thương	K/c số công nợ trả thừa	3311	30	
31/12	PK085/12		Phân bổ khấu hao tài sản	2141	6.895.095	
31/12	PK089/12		K/c chi phí không chịu thuế TNDN	4212		164.812.651
31/12	PK096/12		K/c xác định kết quả kinh doanh 8111→9113	9113		4.394.282.008
			Tổng số phát sinh		4.559.094.659	4.559.094.659

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 8118 – Chi phí bất thường khác
Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01	PK109/01	-	Phân bổ khấu hao tài sản	2141	4.014.752	
28/02	PK029/02		Phân bổ khấu hao tài sản	2141	6.895.095	
...		
03/10	BN04/10		Tài trợ chương trình giao lưu “ Doanh nhân đất Việt”	11212	50.000.000	
31/10	PK055/10		Phân bổ khấu hao tài sản	2141	6.895.095	
...		
30/12	PK060/12	Nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính	1111	2.450.000	
...		
31/12	PK089/12		Kết chuyển chi phí không chịu thuế TNDN	4212		132.310.827
			Tổng số phát sinh		132.310.827	132.310.827

Số dư cuối kỳ : **0**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S38-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 8117 – Chi phí mất hàng

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
23/06	PK023/06	FANGCHENGGANG CITY HENGYU TRADING CO.,LTD	Chi phí mất hàng- Hợp đồng 01/HY- Đ1/5.5.2011	3311	25.591.667	
23/06	PK023/06	Kho bạc nhà nước Lạng Sơn	Chi phí mất hàng- Hợp đồng 01/HY- Đ1/5.5.2011	33332	6.910.157	
31/12	PK089/12		K/c chi phí không chịu thuế TNDN	4212		32.501.824
			Tổng số phát sinh		32.501.824	32.501.824

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.5.1: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 821 "*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*"

✓ TK cấp 2:

+ TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 3334 "*Thuế thu nhập doanh nghiệp*"

❖ *Phương pháp hạch toán*

Cuối năm, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán vào phân hệ *Báo cáo tài chính* → *Báo cáo tài chính* để lập *Báo cáo kết quả kinh doanh* trên phần mềm kế toán máy. Kế toán sẽ lấy số liệu của chi tiêu "*tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*" trên Báo cáo kết quả kinh doanh của mỗi quý, để tiến hành xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN bằng cách tính thủ công. Sau đó cập nhật số liệu vào *phiếu kế toán* xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Căn cứ vào phiếu kế toán, phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821.

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2011

Công ty CP SX & TM Đà Loan

Mẫu số B02-DN

Ban hành theo quyết QĐ số 15/2006/QĐ

ngày 20/12/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm :2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	215.236.698.912	121.685.030.558
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.156.664.185	22.400.000
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		212.080.034.727	121.662.630.558
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.27	160.131.044.797	85.705.582.413
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.948.989.930	35.957.048.145
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	221.333.560	32.209.830
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	13.510.267.118	3.428.719.151
-Trong đó :chi phí lãi vay	23		13.510.267.118	3.428.719.151
8.Chi phí bán hàng	24		15.282.073.426	12.327.282.544
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.802.028.474	9.709.132.621
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		10.575.954.472	10.524.123.659
11.Thu nhập khác	31		4.691.664.403	
12.Chi phí khác	32		4.394.282.008	
13.Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		297.382.385	
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.873.336.857	10.524.123.659
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2.718.334.214	2.631.030.915
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.155.002.643	7.893.092.744
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập , ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký , họ tên)

(ký, họ tên, đóng dấu)

❖ **Ví dụ minh họa:** Tại ngày 31/12/2011, công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2011.

Ngày 31/12/2011, kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2011 trên phần mềm kế toán.

Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng 10.873.336.767đ

Thuế TNDN phải nộp (Năm 2011) = 10.873.336.857 x 25 % = 2.718.334.214

Sau khi tính được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011, kế toán vào phần mềm *Kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ quyết toán thuế TNDN năm 2011.

The screenshot shows a software window titled "Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty". The main window is titled "Cap nhap so lieu: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, F12.Tao PN DVCS, F6 tao PN Nb, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat".

The main table displays a list of journal entries. The entry for corporate income tax is highlighted in yellow:

Chữ	Ngày	Số	Diễn giải	Đối tượng	Tổng tiền
PK	31/12	PK085/1	Phân bổ khấu hao tài sản	Bùi Thị Hồng Phương	207 782 161.00
PK	31/12	PK086/1	Thuế VAT hoá đơn vận chuyển 0000053	Cty TNHH TM vận tải Dịch vụ I	1 120 000.00
PK	31/12	PK087/1	Tiền nước Laska tháng 10,11,12	Công ty Tropical Wave Corpora	1 727 273.00
PK	31/12	PK088/1	Bù trừ 156-152	Nguyễn Thị Kim Dung	3 000 000.00
PK	31/12	PK089/1	K/c chi phí không chịu thuế TNDN	Nguyễn Thị Kim Dung	164 812 651.00
PK	31/12	PK090/1	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	Bùi Thị Hồng Phương	441 640 390.00
PK	31/12	PK091/1	K/c doanh thu hàng bán trả lại	Bùi Thị Hồng Phương	3 156 664 185.00
PK	31/12	PK092/1	Thuế GTGT được khấu trừ	Bùi Thị Hồng Phương	5 571 895 334.00
PK	31/12	PK093/1	Điều chỉnh thuế GTGT	Bùi Thị Hồng Phương	978 564.00
PK	31/12	PK094/1	Thuế TNCN năm 2011	Lương Thị Hân	279 937 190.00
PK	31/12	PK095/1	Điều chỉnh chi phí thuế TNCN năm 2010	Lương Thị Hân	14 298 154.00
PK	31/12	PK096/1	K/c xác định kết quả KD	Bùi Thị Hồng Phương	423 112 728 513.00
PK	31/12	PK097/1	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	Bùi Thị Hồng Phương	5 436 668 434.00

Below the main table, there is a summary table:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Diễn giải	Đối tượng	Khoản mục VAT	Tiền thuế	Tk nợ VATK có VAT
8211	3334	2 718 334 217.00	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	NB0006			
9111	8211	2 718 334 217.00	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	NB0006			

The bottom status bar shows "Tiền VND 5 436 668 434.00".

Màn hình giao diện phiếu kế toán PK097/12

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong

2011

Sua chung tu

Mã chứng từ: PK Ngày: 31/12/2011 Số: PK097/12 Mã tệ: VND 1.00

Hợp đồng: NB0006 Đối tượng: Bùi Thị Hồng Phương

Ông bà: Bùi Thị Hồng Phương Địa chỉ: NV Phòng HCKT - Cty CP SX & TM Đài Loan

Diễn giải: Thuế TNDN phải nộp năm 2011

Bộ phận:

Tk nợ	Tk có	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Khoản mục	Sản phẩm	VAT	Tiền thuế VAT	Tk nợ VAT	Tk có VAT	...
8211	3334	2 718 334 217.00	2 718 334 217.00	NB0006							F4
9111	8211	2 718 334 217.00	2 718 334 217.00	NB0006							F4

Hạn thanh toán: Thanh toán cho các hoá đơn

Kèm theo: chứng từ gốc

Tiền: 5 436 668 434.00
Thuế GTGT: 0.00
Tổng tiền: 5 436 668 434.00

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
....
01/12	BC04/12	Thu tiền hàng Cục thống kê Hải Phòng			
		Tiền gửi ngân hàng	11212	14.410.000	
		Phải thu khách hàng	1311		14.410.000
....
14/12	PT022/12	Thu tiền hàng HĐ0002201			
		Tiền mặt TCT	11111	4.730.000	
		Phải thu của khách hàng	1311		4.730.000
....
31/12	BC17/12	Lãi số dư ngân hàng Công thương VN			
		Tiền gửi VND Ngân hàng Công thương VN	11212	2.275.488	
		Lãi tiền gửi	5154		2.275.488
31/12	PC069/12	Tiền nước uống Lavie			
		Chi phí quản lý	6421	1.280.000	
		Tiền mặt	11111		1.280.000
		Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1331	128.000	
		Tiền mặt	11111		128.000
....
31/12	PK097/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2011			
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	2.718.334.217	
		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		2.718.334.217
....
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty CP SX & TM Đài Loan

Mẫu số S03b-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PK097/12	-	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	3334	2.718.334.217	
31/12	PK096/12	-	Kết chuyển thuế TNDN	9111		2.718.334.217
			Tổng số phát sinh		2.718.334.217	2.718.334.217

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

2.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

❖ Tài khoản sử dụng:

▪ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ Các TK cấp 2:

+ TK 9111: Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh

+ TK 9112: Kết quả từ hoạt động tài chính

+ TK 9113: Kết quả từ hoạt động thu nhập khác

▪ TK 421: Lãi chưa phân phối

✓ Các TK cấp 2:

+ TK 4211: Lãi năm trước

+ TK 4212: Lãi năm nay

Tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo năm. Cuối năm, kế toán tổng hợp vào phân hệ *kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động* để kết chuyển tổng số phát sinh trong tháng của các TK từ loại 5 đến loại 9, xác định kết quả lãi lỗ trong năm.

❖ **Ví dụ minh họa:** Ngày 31/12/2011, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan năm 2011.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động*

Sau đó, chọn năm kết chuyển : năm 2011 → Chọn toàn bộ bằng cách ấn Ctrl + A để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển.

Sau khi chương trình đã thực hiện xong, các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, Sổ cái TK 421.

Màn hình giao diện Sổ cái TK 911

Cong ty co phan san xuat va thuong mai Dai Loan / Van phong cong ty

Du lieu Danh muc Tong hop Bao cao He thong Table

2011 F4 - Tim nhanh

So cai tai khoan: F7-In, F3-Sua chung tu, Esc-Quay ra

Ct	Ngày	Số	Diễn giải	Ps ng	Ps có	Tk Đư	Mã Dt	Tên Dt
/ /			Số dư đầu kỳ					
PK	31/12	15	Kết chuyển từ số 911 -> 4212	21 443 936 208	13 288 933 598 4212			
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		195 255 157 861 51111		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		6 849 657 000 51112		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		1 037 371 819 5112		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		20 015 818 182 51131		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		13 677 052 806 51211		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		14 964 220 442 51212		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		78 680 000 5122		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		202 096 617 5123		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		84 583 364 5154		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		136 750 196 5158		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	139 159 339 243	63211		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	4 961 516 385	63212		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	14 964 220 442	63213		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	1 045 968 727	6322		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	13 510 267 118	6354		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	12 403 839 532	6411		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	31 357 544	6412		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	34 012 627	6413		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	58 390 138	6414		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	2 750 193 585	6417		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	4 280 000	6418		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	11 277 397 392	6421		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	1 820 818	6422		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	190 291 205	6423		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	990 054 503	6424		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	135 157 939	6425		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	204 678 792	6427		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	2 627 825	6428		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		3 659 863 636 7111		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD		1 031 800 767 7118		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả KD	4 394 282 008	8111		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
PK	31/12	PK097/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	2 718 334 217	8211		NB0006	Bù Thi Hồng Phương
/ /			Cộng phát sinh trong kỳ	230 281 966 248	230 281 966 248			
/ /			Số dư cuối kỳ					

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
...
31/12	PK096/12	K/c xác định kết quả kinh doanh			
		Doanh thu bán hàng hóa	51111	155.255.157.861	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		155.255.157.861
		Doanh thu bán hàng hóa	51112	6.849.657.000	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		6.849.657.000
		Doanh thu bán thành phẩm	5112	1.037.371.819	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		1.037.371.819
		Doanh thu bán phế liệu	51131	20.015.818.182	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		20.015.818.182
		Doanh thu bán hàng nợ bộ	51211	13.677.052.806	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		13.677.052.806
		Doanh thu bán hàng nội bộ	51212	14.964.220.442	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		14.964.220.442
		Doanh thu bán hàng nội bộ	5122	78.660.000	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		78.660.000
		Doanh thu bán hàng nội bộ	5123	202.096.617	
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111		202.096.617
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5154	84.583.364	
		Kết quả hoạt động tài chính	9111		84.583.364
		DT hoạt động tài chính khác	5158	136.750.196	
		Kết quả hoạt động tài chính	9111		136.750.196
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	139.159.339.243	
		Giá vốn đồ nội thất	63211		139.159.339.243
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	4.961.516.385	
		Giá vốn đồ nội thất	63212		4.961.516.385
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	14.964.220.442	
		Giá vốn đồ nội thất	63213		14.964.220.442
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	1.045.968.727	
		Giá vốn các sản phẩm khác	6322		1.045.968.727
		Kết quả hoạt động tài chính	9111	13.510.267.118	
		Chi phí lãi vay	6354		13.510.267.118
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	12.403.839.532	
		Chi phí bán hàng	6411		12.403.839.532
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	31.357.544	

		Chi phí bốc xếp thuê ngoài	6412		31.357.544
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	34.012.627	
		Chi phí giới thiệu sản phẩm	6413		34.012.627
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	58.390.138	
		Chi giao dịch tiếp thị sản phẩm	6414		58.390.138
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	2.750.193.585	
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	6417		2.750.193.585
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	4.280.000	
		Chi phí bằng tiền khác	6418		4.280.000
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	11.277.397.392	
		Chi phí nhân viên quản lý	6421		11.277.397.392
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	1.820.818	
		Chi phí vật liệu quản lý	6422		1.820.818
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	190.291.205	
		Chi phí phân bổ	6423		190.291.205
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	990.054.503	
		Chi phí khấu hao TSCĐ	6424		990.054.503
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	135.157.939	
		Thuế, phí và lệ phí	6425		135.157.939
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	204.678.792	
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427		204.678.792
		Kết quả hoạt động kinh doanh	9111	2.627.825	
		Chi bằng tiền khác	6428		2.627.825
		Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7111	3.659.863.636	
		Kết quả hoạt động bất thường	9113		3.659.863.636
		Thu nhập bất thường khác	7118	1.031.800.767	
		Kết quả hoạt động bất thường	9113		1.031.800.767
		Kết quả hoạt động bất thường	9113	4.394.282.008	
		Chi về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	8111		4.394.282.008
31/12	PK097/12	Thuế TNDN phải nộp năm 2011	9111		
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	2.718.334.217	
		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		2.718.334.217
		Kết quả hoạt động sản xuất kd	9111	2.718.334.217	
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		2.718.334.217
		Kết chuyển lãi			
		Kết quả hoạt động kinh doanh	911	8.155.002.643	
		Lợi nhuận chưa phân phối	4212		8.155.002.643
		Tổng cộng SPS		554.703.382.794	554.703.382.794

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12	PK096/12		K/c Doanh thu bán hàng hóa	51111		155.255.157.861
			K/c Doanh thu bán hàng hóa	51112		6.849.657.000
			K/c Doanh thu bán thành phẩm	5112		1.037.371.819
			K/c Doanh thu bán phế liệu	51131		20.015.818.182
			K/c Doanh thu bán hàng nội bộ	51211		13.677.052.806
			K/c Doanh thu bán hàng nội bộ	51212		14.964.220.442
			K/c Doanh thu bán hàng nội bộ	5122		78.660.000
			K/c Doanh thu bán hàng nội bộ	5123		202.096.617
			K/c Lãi tiền gửi ngân hàng	5154		84.583.364
			K/c DT hoạt động tài chính khác	5158		136.750.196
			K/c Giá vốn đồ nội thất	63211	139.159.339.243	
			K/c Giá vốn đồ nội thất	63212	4.961.516.385	
			K/c Giá vốn đồ nội thất	63213	14.964.220.442	
			K/c Giá vốn các sản phẩm khác	6322	1.045.968.727	
			K/c Chi phí lãi vay	6354	13.510.267.118	
			K/c Chi phí bán hàng	6411	12.403.839.532	
			K/c Chi phí bốc xếp thuê ngoài	6412	31.357.544	

		K/c Chi phí giới thiệu sản phẩm	6413	34.012.627	
		K/c Chi phí giao dịch, tiếp thị sp	6414	58.390.138	
		K/c Chi phí dịch vụ mua ngoài	6417	2.750.193.585	
		K/c Chi phí bằng tiền khác	6418	4.280.000	
		K/c Chi phí nhân viên quản lý	6421	11.277.397.392	
		K/c Chi phí vật liệu quản lý	6422	1.828.818	
		K/c Chi phí phân bổ	6423	190.291.205	
		K/c Chi phí khấu hao TSCĐ	6424	990.054.503	
		K/c Thuế, phí và lệ phí	6425	135.157.939	
		K/c Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	204.678.792	
		K/c Chi bằng tiền khác	6428	2.627.825	
		K/c Chi nhượng bán, thanh lý TSCĐ	7111		3.659.863.636
		K/c Thu nhập bất thường khác	7118		1.031.800.767
		K/c Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ	8111	4.394.282.008	
31/12	PK097/12	K/c chi phí thuế TNDN	8211	2.718.334.217	
31/12		Kết chuyển lãi lỗ 9111→4212	4212	21.146.553.813	
		Kết chuyển lãi lỗ 9111→4212	4212		13.288.933.558
		Kết chuyển lãi lỗ 9111→4212	4212	297.382.395	
		Cộng phát sinh trong kỳ		230.281.966.248	230.281.966.248

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
31/12		-	Kết chuyển lãi lỗ	9111		21.146.553.813
		-	Kết chuyển lãi lỗ	9112	13.288.933.558	
		-	Kết chuyển lãi lỗ	9113		297.382.395
31/12	PK089/12	-	K/c chi phí không chịu thuế TNDN	8117	32.501.824	
	PK089/12	-	K/c chi phí không chịu thuế TNDN	8118	132.310.827	
31/12	PK090/12	-	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	4311	216.160.390	
	PK090/12	-	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	4312	225.480.000	
			Tổng số phát sinh		13.895.386.599	32.958.027.771
			Số dư cuối kỳ			19.062.641.172

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN

3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan.

3.1.1. Kết quả đạt được.

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Là một công ty lớn, vì vậy việc áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán hỗn hợp là khá phù hợp nhu cầu kinh doanh và quản lý của Công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng nhưng vẫn đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa các phần hành kế toán với nhau.

- Các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, say mê trong công việc. Hơn nữa, đa phần trong số họ là những người đã gắn bó với Công ty ngay từ những ngày đầu thành lập, đã thuần thục các quy trình kế toán trong công ty, am hiểu chế độ, chính sách kế toán.

- Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên kế toán trong phòng kế toán, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán và đảm bảo đúng tiến độ theo yêu cầu.

3.1.1.2. Về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Nhận thức được tầm quan trọng cũng như những tiện ích tối ưu mà khoa học công nghệ thông tin đem lại, Công ty đã tiến hành trang bị các dàn máy vi tính hiện đại đồng thời mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán máy **VICO**. Tổ chức thông tin kế toán trong **VICO** là rất rõ ràng, cụ thể nên kế toán chỉ cần nhập dữ liệu vào phần mềm

trên máy vi tính, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Việc ứng dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong công tác kế toán tại Công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính hợp lý và khoa học trong công tác kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành.

3.1.1.3. Về việc hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty:

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã đúng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán liên quan như chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác, chuẩn mực số 17 về thuế thu nhập doanh nghiệp...

Công ty đã xây dựng cho mình một hệ thống biểu mẫu chứng từ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Các chứng từ ban đầu này đều được ghi chép theo đúng thời gian và có chữ ký đầy đủ của các bộ phận liên quan, sau khi đã kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ mới được sử dụng để nhập vào phần mềm kế toán máy. Hệ thống tài khoản kế toán và phương pháp hạch toán cũng được áp dụng phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.

Việc cập nhật kịp thời cũng như việc áp dụng những quy định mới về chế độ kế toán giúp cho Công ty tiến hành công tác kế toán một cách chính xác, tránh được những sai sót không đáng có.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Công ty đảm bảo hạch toán doanh thu chi tiết, đầy đủ, kịp thời. Cụ thể các hóa đơn GTGT được nhập ngay vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ trên tất cả các sổ sách liên quan từ sổ chi tiết cho đến sổ tổng hợp.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng năm.

3.1.2 Những hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1 Về chính sách bán hàng

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn, khách hàng thanh toán nhanh như chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại.

- Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không khuyến khích được khách hàng thanh toán trước thời hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

- Chiết khấu thương mại dùng để phản ánh khoản chiết khấu mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế. Khi công ty không áp dụng chính sách này sẽ không khuyến khích được khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp.

3.1.2.2 Về tài khoản sử dụng:

- Công ty không sử dụng TK 33311(ghi NỢ TK 33311) để hạch toán giảm trừ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp của hàng bán bị trả lại mà ghi tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (ghi NỢ TK 1331). Cách hạch toán này không đúng với chế độ kế toán quy định.

- Đối với TK chi tiết 6418, 6428 : Qua thực tế tìm hiểu tài khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty, em nhận thấy công ty sử dụng tài khoản 6411 (chi phí bán hàng) và TK 6421 (chi phí quản lý) để theo dõi chi phí nhân viên và chi phí khác bằng tiền. Đồng thời kế toán cũng sử dụng TK 6418, TK 6428

theo dõi chi phí bằng tiền khác phát sinh tại bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Như vậy là công ty chưa thống nhất trong việc sử dụng TK 6418,TK 6428 để theo dõi chi phí khác bằng tiền.

3.1.2.3 Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

Là một công ty lớn, đối tượng khách hàng đa dạng, hàng hóa kinh doanh có giá trị lớn nên việc nợ tồn đọng là khó tránh khỏi. Theo báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2011 công ty có 2 khách hàng đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng. Tuy nhiên, hiện nay công ty vẫn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2011

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Công nợ đến hết ngày 31/12/2011		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	CN Cty CP Klassy	12.847.344.200		
2	Tổng công ty thuốc lá Việt Nam		1.448.077.400	
3	Công ty TNHH An Thịnh Phát	195.171.902		
4	Cty TNHH Anh Phong	217.715.600		Quá hạn thanh toán 9 tháng
5	DN TN SX&TM Phúc Lộc	1.022.811.296		Quá hạn thanh toán 7 tháng
6	Cty TNHH thương mại Nghĩa Tín	230.519.000		
7	Cty TNHH Namlee international	5.400.000		
8	Cty CP đầu tư TM Khánh Linh	59.206.638.935		
9	Cty CP thương mại TD	4.000.000.000		
10	Cty TNHH Đại lý vận tải Đông Nam Á	378.402.999		
11	Lê Văn Chức- HD		170.000.000	
...	
	Tổng cộng	140.662.946.068	1.951.945.279	

3.1.2.4. Về việc phân tích chi phí kinh doanh

Hiện công ty chưa phân tích chi phí quản lý kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan:

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được hoàn thiện sẽ giúp cung cấp số liệu doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản

xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan

3.2.3.1. Về việc sử dụng chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán:

- Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

✓ Phương pháp xác định:

Mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty xây dựng dựa trên thực tế của công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành, tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của ngân hàng.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635- Chi phí tài chính.

✓ Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112.....

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính.

- Việc sử dụng chính sách chiết khấu thương mại sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận. Tùy theo từng trường hợp phát sinh thực tế mà Công ty áp dụng chính sách và tỷ lệ chiết khấu thương mại cho phù hợp.

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn (GTGT)” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 5211.

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 5211. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- Phản ánh chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 5211:

Nợ TK 3331:

Có TK 131, 112, 111:

- Cuối kỳ kết chuyển giảm trừ doanh thu:

Nợ TK 5111

Có TK 5211

3.2.3.2. Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng:

✚ Công ty nên sử dụng **TK 3331** để phản ánh thuế GTGT hàng bán trả lại thay vì hạch toán vào TK 1331

✚ Đối với việc hạch toán quỹ khen thưởng phúc lợi, công ty nên sử dụng TK 353 thay vì sử dụng tài khoản 431.

✚ Đối với việc sử dụng TK 641, 642: Công ty nên đổi tên TK 6411: “Chi phí bán hàng” thành “Chi phí nhân viên”; TK 6421: “Chi phí quản lý” thành “Chi phí nhân viên quản lý” và sử dụng thống nhất TK 6418 để theo dõi các chi phí bán hàng khác bằng tiền, TK 6428 để theo dõi chi phí quản lý khác bằng tiền.

3.2.3.3 Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

➤ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Mức trích lập: (theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

✓ Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

✓ Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK 139

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- ✓ Cuối năm, xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phân chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

- ✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

- ✓ Xóa nợ:

Nợ TK 139: (nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642: nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131:

Có TK 138:

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- ✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

Đồng thời ghi Có TK 004

Ví dụ: Giả sử ngày 31/12/2011, kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ như sau:

- ✓ Tính số dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2011:
+ Đối với khoản nợ 1.022.811.296 đ của DN TN SX&TM Phúc Lộc- Quảng Ngãi đã quá hạn thanh toán hơn 7 tháng nên số dự phòng phải thu khó đòi là:

$$1.022.811.296 \times 30\% = 306.843.389 \text{ đồng}$$

- + Đối với khoản nợ 217.715.600đ của Cty TNHH Anh Phong đã quá hạn thanh toán 9 tháng nên số dự phòng phải thu khó đòi là:

$$217.715.600 \times 30\% = 65.314.480đ$$

Vậy số dự phòng nợ phải thu khó đòi = 306.843.389 + 65.314.480 = 372.158.069đ

Kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Phiếu kế toán* để lập phiếu kế toán. Các số liệu sẽ được cập nhật vào sổ sách có liên quan.

CÔNG TY CP SX&TM ĐÀI LOAN

Số :

18 Tô Hiệu-Lê Chân- Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỨNG TỪ		NỘI DUNG	TÀI KHOẢN		SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Ngày	Số					
		Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	642	1391	372.158.069	
		TỔNG CỘNG			372.158.069	

Kèm theo: chứng từ gốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

3.2.3.4. Phân tích chi phí kinh doanh

Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Để phân tích chi phí kinh doanh, công ty có thể phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh theo bảng sau:

Bảng 3.1:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm Nso với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH						
- Giá vốn hàng bán						
- Chi phí tài chính						
-Chi phí bán hàng						
- Chi phí quản lý doanh nghiệp						

Bảng 3.2

**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH
CHI PHÍ KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm N-1</i>		<i>Năm N</i>		<i>Năm N so với Năm N-1</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1. Giá vốn hàng bán						
2. Chi phí tài chính						
- Chi phí lãi vay ngân hàng						
- Chi phí tài chính khác						
3. Chi phí bán hàng						
- Chi phí nhân viên bán hàng						
- Chi phí vật liệu, bao bì						
- Chi phí phân bố						
- Chi phí khấu hao TSCĐ						
- Chi phí dịch vụ mua ngoài						
- Chi phí bằng tiền khác						
4. Chi phí quản lý DN						
- Chi phí nhân viên quản lý						
- Chi phí vật liệu quản lý						
- Chi phí phân bố						
- Chi phí khấu hao tài sản cố định						
- Thuế, phí và lệ phí						
- Chi phí dịch vụ mua ngoài						
- Chi phí bằng tiền khác						

Em xin phân tích tổng chi phí kinh doanh và các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh như sau:

BẢNG PHÂN TÍCH TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2010</i>		<i>2011</i>		<i>2011 so với 2010</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
TỔNG CHI PHÍ KINH DOANH	111.170.716.729	100	201.725.413.815	100	90.554.697.086	81.456%
- Giá vốn hàng bán	85.705.582.413	78.493	160.131.044.797	79.381	74.425.462.384	86.839
- Chi phí tài chính	3.428.719.151	3.140	13.510.267.118	6.697	10.081.547.967	294.032
-Chi phí bán hàng	12.327.282.544	9.475	15.282.073.426	7.576	2.954.790.882	23,97%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.709.132.621	8.892	12.802.028.474	6.346	3.092.895.853	31.856

Qua bảng phân tích tổng chi phí kinh doanh nhận thấy tổng chi phí kinh doanh năm 2011 so với năm 2010 tăng 90.554.697.086đ tương ứng với tỷ lệ tăng 81,456%. Nguyên nhân do.

- Giá vốn hàng bán tăng 74.425.462.384đ tương ứng với tỷ lệ tăng 86,839%.

Nguyên nhân tăng chủ yếu là do lượng tiêu thụ tăng (Doanh thu tăng 93.551.668.354đ tương ứng với tỷ lệ tăng 76,88% dẫn đến giá vốn hàng bán tăng tương ứng 74.425.462.384đ).

- Chi phí tài chính tăng cũng làm cho tổng chi phí kinh doanh tăng. Nguyên nhân chính là do tăng các khoản chi phí lãi vay. Năm 2011 công ty mở thêm 2 chi nhánh phụ thuộc là chi nhánh Q7- TPHCM và chi nhánh Việt Trì – Phú Thọ do vậy lượng tiền vay Ngân hàng tăng lên khá lớn dẫn đến chi phí lãi vay năm 2011 tăng 10.081.547.967đ so với năm 2010.

- Bên cạnh đó, tổng chi phí kinh doanh tăng còn do ảnh hưởng của việc tăng Chi phí bán hàng (tăng 2.954.790.882đ tương ứng với tỷ lệ 23,97%) và tăng Chi phí quản lý doanh nghiệp (tăng 3.092.895.853 tương ứng với tỷ lệ tăng 31,856%).

Để tiện theo dõi và phân tích nguyên nhân tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, ta có các bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí kinh doanh như sau:

BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ BÁN HÀNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2010</i>		<i>2011</i>		<i>2011 so với 2010</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng(%)	Số tiền	Tỷ trọng(%)	Chênh lệch	Tỷ lệ(%)
Chi phí bán hàng	12.327.282.544	100	15.282.073.426	100	2.954.790.882	23.970
-Chi phí nhân viên	2.219.631.140	18.006	3.622.310.000	23.703	1.402.678.860	63.194
-Chi phí vật liệu. bao bì	12.000.000	0.097	31.877.864	0.209	19.877.864	165.649
-Chi phí phân bổ	3.431.690.738	27.838	2.593.406.618	16.970	-838.284.120	-24.428
-Chi phí khấu hao TSCĐ	16.815.115	0.136	92.007.866	0.602	75.192.751	447.174
-Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.042.858	15.032	2.750.193.585	17.996	897.150.727	48.415
-Chi phí bằng tiền khác	4.794.102.693	38.890	6.192.277.493	40.520	1.398.174.800	29.164

Qua bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí bán hàng ta nhận thấy chi phí bán hàng năm 2011 tăng 2.954.790.882 đ (tỷ lệ tăng tương ứng là 23.970%). Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của việc tăng chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác. Trong đó:

- Chi phí nhân viên bán hàng năm 2011 tăng 1.402.678.860 đ so với năm 2010 tương ứng với tỷ lệ tăng 63,194%

- Chi phí dịch vụ mua ngoài năm 2011 tăng 897.150.727đ so với năm 2010 tương ứng với tỷ lệ tăng 48,415%

- Chi phí bằng tiền khác năm 2011 tăng 1.398.174.800 đ so với năm 2010 tương ứng với tỷ lệ tăng 29.164%.

Bên cạnh đó, cũng phải nhắc tới việc tăng chi phí vật liệu, bao bì và chi phí khấu hao TSCĐ. Dù lượng tăng ảnh hưởng không đáng kể đến lượng tăng chi phí bán hàng nhưng cũng cần quan tâm đến do tỷ lệ tăng chi phí vật liệu, bao bì và chi phí khấu hao TSCĐ năm 2011 so với năm 2010 là tương đối lớn (chi phí vật liệu, bao bì tăng 165,649%, chi phí khấu hao TSCĐ tăng 447.174% so với năm 2010).

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tăng các khoản mục chi phí trên là do năm 2011 công ty đã mở thêm 2 chi nhánh phụ thuộc là chi nhánh Q7- TPHCM và chi nhánh Việt Trì – Phú Thọ. Do vậy đã phát sinh thêm các khoản chi phí như chi phí thuê cửa, địa điểm, chi phí quảng cáo, tiếp khách, chi phí lương nhân viên bán hàng, các khoản chi phí khác... Việc tăng này là tương đối hợp lý. Tuy nhiên, công ty cũng nên xem xét, tăng cường quản lý chặt chẽ việc phát sinh các khoản chi phí để tránh tình trạng lãng phí, chi sai mục đích.

**BẢNG PHÂN TÍCH CÁC KHOẢN MỤC CẤU THÀNH CHI PHÍ
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2010</i>		<i>2011</i>		<i>2011 so với 2010</i>	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Chi phí quản lý DN	9.079.132.621	100	12.802.028.474	100	3.722.895.853	41.005
- Chi phí nhân viên quản lý	2.552.462.850	28.114	4.195.160.650	32.769	1.642.697.800	64.357
- Chi phí vật liệu quản lý	968.710	0.011	1.820.818	0.014	852.108	87.963
- Chi phí phân bổ	4.118.203.849	45.359	4.316.501.590	33.717	198.297.741	4.815
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	213.825.084	2.355	990.054.503	7.734	776.229.419	363.021
-Thuế. phí và lệ phí	6.000.000	0.066	6.000.000	0.047	0	
-Chi phí dịch vụ mua ngoài	506.138.201	5.575	416.000.361	3.249	-90.137.840	-17.809
- Chi phí bằng tiền khác	1.681.533.927	65.879	2.876.490.552	22.469	1.194.956.625	71.063

Qua bảng phân tích các khoản mục cấu thành chi phí quản lý doanh nghiệp trên ta nhận thấy chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2011 tăng 3.722.895.853đ so với năm 2010 tương ứng với tỷ lệ 41.005 %. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ và chi phí bằng tiền khác. Trong đó:

- Chi phí nhân viên quản lý tăng 1.642.697.800đ tương ứng với tỷ lệ tăng 64,357%;
- Chi phí khấu hao TSCĐ tăng 776.229.419đ tương ứng với tỷ lệ 363,021%
- Chi phí bằng tiền khác tăng 1.194.956.625đ tương ứng với tỷ lệ 71,063%

Việc tăng các khoản chi phí này cũng do trong năm 2011 công ty mở thêm 2 chi nhánh phụ thuộc là chi nhánh Q7-HCM và chi nhánh Việt Trì- Phú Thọ dẫn đến tăng thêm khoản chi lương nhân viên quản lý, các khoản chi khác bằng tiền, đồng thời công ty cũng đầu tư thêm 1 số TSCĐ phục vụ cho công tác quản lý ở TCT, chi nhánh Q7, chi nhánh Việt Trì- Phú Thọ dẫn đến chi phí khấu hao TSCĐ tăng. Ngoài ra còn nhận thấy có 1 khoản “Phí tư vấn dịch vụ” phát sinh định kỳ trong các tháng với số tiền tương đối lớn. Công ty cần xem xét kỹ về khoản chi này.

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2011 tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- Về kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi chép một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho và tính giá trị hàng xuất kho phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối niên độ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, vì thế hoạt động kinh doanh luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

Tuy nhiên nhìn chung công ty vẫn còn một số hạn chế như sau

- **Về chính sách bán hàng:** Công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn, khách hàng thanh toán nhanh như chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại.

- **Về tài khoản sử dụng:**

Công ty không sử dụng TK 33311(ghi NỢ TK 33311) để hạch toán giảm trừ thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp của hàng bán bị trả lại mà ghi tăng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (ghi NỢ TK 1331).

Đối với TK chi tiết 6418, 6428 : Công ty sử dụng tài khoản 6411 (chi phí bán hàng) và TK 6421 (chi phí quản lý) để theo dõi chi phí nhân viên và chi phí khác bằng tiền. Đồng thời kế toán cũng sử dụng TK 6418, TK 6428 theo dõi chi phí bằng tiền khác phát sinh tại bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp.

Như vậy là công ty chưa thống nhất trong việc sử dụng TK để theo dõi chi phí khác bằng tiền.

- **Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:** Là một công ty lớn, đối tượng khách hàng đa dạng, hàng hóa kinh doanh có giá trị lớn nên việc nợ tồn đọng là khó tránh khỏi. Theo báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2011 công ty có 2 khách hàng đã quá hạn thanh toán trên 6 tháng nhưng hiện nay công ty vẫn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi.

- **Về việc phân tích chi phí kinh doanh:** Hiện công ty chưa phân tích chi phí quản lý kinh doanh dẫn đến nhà quản trị khó có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Đề tài đã đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan như sau:

- **Về chính sách bán hàng:** Công ty nên sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài; sử dụng chính chiết khấu thương mại với tỷ lệ hợp lý khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận.

- **Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng:**

Công ty nên sử dụng TK 3331 để phản ánh thuế GTGT hàng bán trả lại thay vì hạch toán vào TK 1331

Đối với việc sử dụng TK 641, 642: Công ty nên đổi tên TK 6411: “*Chi phí bán hàng*” thành “*Chi phí nhân viên*”; TK 6421: “*Chi phí quản lý*” thành “*Chi phí nhân viên quản lý*” và sử dụng thống nhất TK 6418 để theo dõi các chi phí bán hàng khác bằng tiền, TK 6428 để theo dõi chi phí quản lý khác bằng tiền.

- **Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của

một khoản tiền nợ phải thu lập trên các BCTC của năm báo cáo.

- Phân tích chi phí kinh doanh

Công ty nên phân tích chi phí kinh doanh nhằm giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu khoa học “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý chi phí kinh doanh tại công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan”.

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế, cộng với thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài của em không tránh được những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học để đề tài của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	1
1.2 TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP	2
1.2.1. Khái niệm về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	2
1.2.2. Phân loại hoạt động kinh doanh và cách thức xác định kết quả kinh doanh từng hoạt động.	3
1.3. NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.4.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp. ...	25
1.4.3. Tổ chức kế toán thu nhập khác và chi phí khác trong doanh nghiệp.	29
1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.	33
1.5. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	37
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	37
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký- Sổ cái.	38
1.5.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	38
1.5.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ	39
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN	41
2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN:	41
2.1.1 Khái quát về công ty.....	41

2.1.2 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan: ...	45
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN	50
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán.....	50
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	72
2.2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	85
2.2.4. Thực trạng tổ chức kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.....	97
2.2.5. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	111
CHƯƠNG 3 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH NHẪM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHI PHÍ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI ĐÀI LOAN	124
3.1. Đánh giá về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan.....	124
3.1.1. Kết quả đạt được.....	124
3.1.2 Những hạn chế:.....	126
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan:	129
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện:	129
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:.....	129
3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Đài Loan.....	130
KẾT LUẬN	144